CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Lấp Vò, ngày 13 tháng 06 năm 2025

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN HÀNG HÓA
Số: MB IDI – BEF/NT

- Căn cứ luật dân sự số 33/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.
- Căn cứ luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005
- Căn cứ vào nhu cầu cụ thể và năng lực của 2 bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD (Bên mua)
Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Văn Ngọc, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 0818081988 Fax:
Mã số thuế : **0109826919**
Số tài khoản 1: 1101076868 Tại Ngân hàng TM Cổ Phần ngoại Thương Việt Nam (VCB)
Số tài khoản 2; 36853868 Tại Ngân hàng Teckcombank.
Đại diện : PHÙNG VĂN DU - Giám Đốc

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I (Bên bán)
Địa chỉ : Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp , Việt Nam .
Điện thoại : +84.277.3680383 Fax: +84.277.3680382
Mã số thuế : **0303141296**
Số tài khoản : 060 10000 69372 Tại Ngân hàng TM Cổ Phần ngoại Thương Việt Nam – Phòng Giao Dịch Lấp Vò, Đồng Tháp.
Đại diện bà : VÕ THỊ MINH TÂM - Phó Tổng Giám Đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên đã thống nhất ký vào hợp đồng này với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: QUY CÁCH - SỐ LƯỢNG – ĐƠN GIÁ:

1.1. QUY CÁCH HÀNG HÓA:
A. Cá tra phi lê đông lạnh, không da, không xương, còn dè, còn thịt đỏ, còn mỡ,
Đóng gói: IQF, 10kg/túi PE//thùng trắng, dán decal. (Đai dây màu đỏ)
- Size: 350-500G/PC

B. Cá tra nguyên con đông lạnh, còn da, còn xương, bỏ ruột, bỏ mang, bỏ vây, bỏ kỳ.
Đóng gói: IQF, 10kg/túi PE//thùng trắng, dán decal. (Đai dây màu trắng)
- Size: 800-1500G.

1.2. SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ:
- Hai bên sẽ thỏa thuận chi tiết theo từng thời điểm.

Địa điểm giao hàng	Tại kho IDI
Bốc xếp, đóng hàng	Bên B

ĐIỀU 2: THANH TOÁN.

Bên A thanh toán cho bên B 20% giá trị của lô hàng ngay sau khi kí hợp đồng. Sau khi QC bên A xác nhận chất lượng lô hàng đạt, 80% còn lại phải chuyển vào tài khoản bên B trước khi giao hàng ra khỏi kho bên B.
Bên B xuất hóa đơn điện tử cho bên A đúng vào ngày giao hàng.

ĐIỀU 3: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG – KIỂM HÀNG – CHỨNG TỪ.

Sản phẩm đảm bảo đúng như thỏa thuận trên hợp đồng về quy cách sản phẩm, màu sắc cá, size cỡ, net weight và bao bì đóng gói; sản phẩm không sản xuất từ cá bệnh và cá chết; miếng fillet nguyên vẹn, không bị rách và đảm bảo đúng SIZE đúng NET trước khi cấp đông.
Bên B hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho bên A đến nhà máy xác nhận chất lượng trước khi sản xuất và kiểm hàng trước khi xuất háng. Hàng chỉ được xuất sau khi bên A đánh giá và duyệt chất lượng theo đúng hợp đồng.
Bao bì: bên A cung cấp mẫu thiết kế toàn bộ số lượng thùng carton trong hợp đồng, bên B không chịu trách nhiệm về thông tin bao bì, nhãn mark và bản quyền.
Đai 4 dây và dán băng keo chắc chắn.
Sau khi bên A đã kiểm tra và đồng ý nhận hàng, bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì liên quan đến hàng hóa.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN

TRÁCH NHIỆM BÊN B
Cung cấp hàng hóa theo đúng xác nhận chất lượng của bên A.
Trong quá trình kiểm hàng, nếu bên B sản xuất chất lượng hàng hóa không đạt yêu cầu của bên A, bên B phải khắc phục sửa chữa trong thời gian ngắn nhất.
Tạo điều kiện tốt cho bên A trong quá trình làm việc ở nhà máy của bên B.
Bên B phải đảm bảo sản xuất và giao hàng đúng tiến độ như đã thỏa thuận với bên A.
Trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày xuất hàng, Bên B xuất hóa đơn GTGT cho bên A.
TRÁCH NHIỆM BÊN A
Có quyền yêu cầu QC đến xác nhận chất lượng trước khi hai bên A và B ký kết hợp đồng (nếu cần)
Kiểm tra chất lượng ngẫu nhiên từng lô hàng trước khi nhận lô hàng tại nhà máy của bên B.
Nhận hàng và thanh toán tiền đúng thời hạn theo điều 2.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đã nêu trong hợp đồng, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.
Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc sẽ cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần vì lợi ích đôi bên.
Nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu hoàn toàn các chi phí phát sinh liên quan và các thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng đó gây ra.

ĐIỀU 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Trường hợp phát sinh những bất đồng mà hai hai bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án Kinh tế thuộc Toà Án Nhân dân tỉnh Đồng Tháp, quyết định của Tòa là quyết định cuối cùng mà hai bên buộc phải tuân theo.
Mọi chi phí cho việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi có thỏa thuận khác.
Hợp đồng này được lập thành 02 bản. Mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN A	BÊN B
M.S.D.N:0109826919-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁM ĐỐC Phùng Văn Du	M.S.D.N: 0303141296 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I H. LẤP VÒ - T. ĐỒNG THÁP Võ Thị Minh Tâm

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0303141296

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 07 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 21, ngày 15 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CỔ PHẦN I.D.I

2. Địa chỉ trụ sở chính

Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Điện thoại: *0277.3680383* Fax: *0277.3680382*

Email: *info@idiseafood.com; thuansaomai@hotmail.com* Website: *idiseafood.com*

3. Vốn điều lệ: 2.731.726.680.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm ba mươi mốt tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 273.172.668

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Scanned with CamScanner

* Họ và tên: LÊ VĂN CẢNH Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *10/09/1975* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038075041275*

Ngày cấp: *16/05/2022* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Bình Khánh 7, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Bình Khánh 7, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH AN GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Ngô Thanh Thanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 000544 quyển số 01 - SCT/BS

Ngày 20-02-2025

PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG BÌNH KHÁNH T.P LONG XUYÊN T.AN GIANG

Trần Nguyệt Nga

Scanned with CamScanner

intertek
Total Quality. Assured.

CERTIFICATE OF REGISTRATION

This is to certify that the management system of:

I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

Address:
National Road 80, Vam Cong Industrial Park, An Thanh Hamlet, Lap Vo Commune, Dong Thap Province, Vietnam

has been registered by Intertek as conforming to the requirements of:

ISO 9001:2015

The management system is applicable to:

Processing of Frozen Pangasius Bocourti, Pangasius Hypophthalmus.

Certificate Number:
CPRJ-2015-042501/QMS
Initial Certification Date:
13 July 2011
Date of Certification Decision:
06 September 2026
Issuing Date:
06 September 2026
Valid Until:
12 July 2029

ISO 9001:2015 CERTIFICATION
intertek
UKAS MANAGEMENT SYSTEMS 0014
MEMBER OF MULTILATERAL RECOGNITION ARRANGEMENT IAF

Mark Thomas
Executive Vice President
Assurance, Sustainability,
AgriWorld & Food

Intertek Certification Limited, 10A Victory
Park, Victory Road, Derby DE24 8ZF,
United Kingdom

In the issuance of this certificate, Intertek assumes no liability to any party other than to the Client, and then only in accordance with the agreed upon Certification Agreement. This certificate's validity is subject to the organisation maintaining their system in accordance with Intertek's requirements for systems certification. Validity may be confirmed via email at certificate.validation@intertek.com or by scanning the code to the right with a smartphone. The certificate remains the property of Intertek, to whom it must be returned upon request.

CERTIFICATE OF REGISTRATION

Intertek Certification Ltd (UKAS 014) certifies that, having conducted an audit **for the Scope of Activities:** Filleting, freezing and packing in PE bags and vacuum packing in PA bags of frozen raw Pangasius bocourti; Pangasius hypophthalmus.

Exclusions from Scope: None

Product Categories: 4 - Raw fish products and preparations

at

I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

BRCGS Site Code: 2106730

Site Address: National Road 80, Vam Cong Industrial Park, An Thanh Hamlet, Lap Vo Commune, Dong Thap Province, Vietnam

has achieved Grade: B

has been assessed by Intertek as conforming to the requirements of:

GLOBAL STANDARD for FOOD SAFETY ISSUE 9: AUGUST 2022

Audit Programme: Announced

Auditor Number:
21972

Certificate Number:
381A1206006I

Dates of Audit:
29-31 Dec 2025

Certificate Issue Date:
03 Feb 2026

Re-audit Due Date:
(An.): 01 Dec 2026 to 29 Dec 2026
(Unan.): 29 Aug 2026 to 29 Dec 2026

Certificate Expiry Date:
09 Feb 2027

Mark Thomas
Executive Vice President
Assurance, Sustainability, AgriWorld & Food

Intertek Certification Limited, 10A Victory Park, Victory Road, Derby DE24 8ZF, United Kingdom

Intertek Certification Limited is a UKAS accredited body under schedule of accreditation no. 0014
In the issuance of this certificate, Intertek assumes no liability to any party other than to the Client, and then only in accordance with the agreed upon Certification Agreement. This certificate's validity is subject to the organization maintaining their system in accordance with Intertek's BRCGS Regulations. The certificate remains the property of Intertek, to whom it must be returned upon request. Validity may be confirmed via email at certificate.validation@intertek.com or by scanning the code to the right with a smartphone. If you would like to feedback comments on the BRCGS Standard or the audit process directly to BRCGS, please contact tell.brcgs.com. Visit the BRCGS Directory (https://directory.brcgs.com) to validate the authenticity of this certificate.

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 6

Số: 370/QĐ-CCPT6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 6

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-BNNMT ngày 24/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6;

Căn cứ văn bản số 1587/TĐC-HCHQ ngày 08/5/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6;

Căn cứ "Quy định nguyên tắc, điều kiện chứng nhận hệ thống, sản phẩm và giám định đối với dịch vụ chứng nhận, giám định của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6" ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-CCPT6 ngày 15/5/2024 của Giám đốc Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6;

Căn cứ hồ sơ đăng ký chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I;

Căn cứ vào kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá, kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá chứng nhận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với quy định về HACCP của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa kỳ tại 21 CFR 123 (U.S. FDA HACCP rules in 21 CFR Part 123) cho:

- Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

- Địa điểm chứng nhận: Phân xưởng 1 - Nhà máy chế biến thủy sản Đa Quốc Gia - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

- Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất thực phẩm thủy sản (chuyên ngành CI): Cá nước ngọt (cá tra/basa, rô phi, diêu hồng) nguyên con, cắt khúc, fillet đông lạnh.

- Mã số chứng nhận: **NAFI6-SS-045**

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 03/6/2026 đến ngày 01/6/2029. Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, Cơ sở được quyền sử dụng Giấy chứng nhận số NAFI6-SS-045 và Dấu chứng nhận theo văn bản ủy quyền của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6.

Điều 3. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, Cơ sở có trách nhiệm duy trì, cải tiến hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với các yêu cầu quy định và tuân thủ đánh giá giám sát định kỳ của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng các phòng thuộc Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6 và Cơ sở nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, HC.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 6

Phạm Văn Hùng

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 6
NATIONAL AUTHORITY FOR AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY, PROCESSING AND MARKET DEVELOPMENT CENTER 6 (NAFIQPM CENTER 6)
Address: 386C Cach Mang Thang Tam St., Binh Thuy Ward, Can Tho City, Vietnam
Telephone: (+84 292) 3888732 Website: http://www.nafi6.gov.vn

Số đăng ký/ *Registration No.*: **39/CN-TĐC**

VICAS 050-FSMS

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của/
Certify that the Food Safety Management System of:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I/
I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

Địa chỉ/ *Address:* **Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**
National road 80, Vam Cong industrial park, An Thanh hamlet, Lap Vo commune, Dong Thap province, Vietnam

Địa điểm sản xuất/*Production place:* **Phân xưởng 1 – Nhà máy chế biến thủy sản Đa Quốc Gia - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I**
I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION – DL 479
Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
National road 80, Vam Cong industrial zone, An Thanh hamlet, Lap Vo commune, Dong Thap province, Vietnam

Cho lĩnh vực hoạt động/ *For the following activities:*
Sản xuất thực phẩm thủy sản/ *Manufacturing of fishery foodstuffs**

Đã được đánh giá phù hợp theo/ *Has been assessed and found to conform with the requirements of:*
Quy định về HACCP của Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa kỳ tại 21 CFR 123/ ***U.S. FDA HACCP rules in 21 CFR Part 123***

Mã số chứng nhận/ *Certificate No.*: **NAFI6-SS-045**

Ngày cấp/ *Date of issue:* **03/6/2026**
Hiệu lực đến ngày/ *Valid until:* **01/6/2029**
Chứng nhận lần đầu/ *Initial certification:* **02/6/2020**

GIÁM ĐỐC/ ***DIRECTOR***

TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 6

Phạm Văn Hùng

QĐCN số/ *Certificate Decision No.*: 370/QĐ-CCPT6 ngày/ *dated* 03/6/2026
* Chi tiết nêu trong QĐCN / *Details in the Certificate Decision.*

intertek
Total Quality. Assured.

CERTIFICATE

Unannounced Audit

Herewith the certification body Intertek Testing Services NA, Inc. being an ISO/IEC 17065 accredited certification body for IFS certification and having signed an agreement with IFS Management GmbH, confirms that the processing activities of

I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
National Road 80, Vam Cong Industrial Park, An Thanh Hamlet, Lap Vo Commune, 870000 Dong Thap Province, Viet Nam

Sanitary legal authorisation number: DL479
Legal authorisation number/
Business license: 0303141296

COID: 73389

for the audit scope:
Processing (filleting, cutting, freezing, glazing) of frozen pangasius in the plastic bag with or without vacuum.

Product scopes: 2 Fish and fish products
Technology scopes: D, E, F

meet the requirements set out in the

IFS Food Version 8, APRIL 2023

and other associated normative documents Passed at Foundation Level with a score of 94.06%

Certificate – register number:
2026-0104855

Last Audit conducted unannounced:
05.06.2026

Audit date:

03.06.2026 - 05.06.2026

Certificate issue date:
30.07.2026

Date of expiration of the certificate:
26.08.2027

Next audit to be performed within the time period: Recertification audit between 07.05.2027 and 16.07.2027 in case of announced audit and between 12.03.2027 and 16.07.2027 in case of unannounced audit

ANAB ACCREDITED PRODUCT CERTIFICATION 0009

MEMBER OF MULTILATERAL RECOGNITION ARRANGEMENT IAF

IFS Food

Mark Thomas
Executive Vice President
Assurance, Sustainability, AgriWorld & Food

30.07.2026, Mönchengladbach, Germany

Intertek Testing Services NA, Inc.
4700 Broadmoor SE, Suite 200,
Kentwood Michigan 49512 USA

Intertek Testing Services NA, Inc.is an ANSI accredited body under schedule of Accreditation No. 0204.

In the issuance of this certificate, Intertek assumes no liability to any party other than to the Client, and then only in accordance with the agreed upon Certification Agreement. This certificate's validity is subject to the organization maintaining their system in accordance with Intertek's requirements for systems certification. Validity may be confirmed via email at certificate.validation@intertek.com or by scanning the code to the right with a smartphone. The certificate remains the property of Intertek, to whom it must be returned upon request.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/IDI/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Đa Quốc Gia (I.D.I)

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 02773.680.383 Fax: 02773.680.382

Email: idiseafood@idiseafood.com

Mã số doanh nghiệp: 0303141296

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÁ TRA PHI LÊ

2. Thành phần: Cá tra, nước, E330, E332, E450, E451, muối

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở nhiệt độ -18°C

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì

+ Quy cách bao gói: 500gram, 1kgs, 10kgs và hoặc theo yêu cầu khách hàng.

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm được cho vào túi nhựa PE, PA hoặc PP hút chân không theo QCVN 12-1: 2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì và dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm".

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007, ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

- QCVN 8-2:2001/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm đã công bố.

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 02 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N: 0303141296 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
H. LẤP VÒ - T. ĐỒNG THÁP

Nguyễn Văn Sáng

NHÃN DỰ KIẾN

CÁ TRA PHI LÊ

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Đa Quốc Gia (I.D.I)
Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 02773.680.383 Fax: 02773.680.382
Email: idiseafood@idiseafood.com
Thành phần: Cá tra, nước, muối, E330, E332, E450, E451
Ngày sản xuất: .....
Hạn sử dụng: 24 tháng kể tự ngày sản xuất khi bảo quản ở nhiệt độ -18°C
Hướng dẫn sử dụng: rã đông tự nhiên tan đá hoàn toàn, dùng làm nguyên liệu chế biến các món ăn. Sản phẩm nấu chín trước khi ăn
Bảo quản: -18°C hoặc ngăn đá tủ lạnh
Khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 10 kg (hoặc theo yêu cầu khách hàng).

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST210101493-3
Date/*Ngày*: 27-Jan-2021

Testing Report /*Báo cáo Kết quả Phân tích*

Applicant / ref. (*Khách hàng / số yêu cầu*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
Information provided by applicant *(Thông tin được khách hàng cung cấp)*	:	FROZEN PANGASIUS FILLETS (Cá tra fillet)
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Fish
Seal No *(Số niêm)*	:	No seal number
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample submitted
Sample received on (*Ngày nhận mẫu*)	:	21-Jan-2021
Sample tested on (*Ngày phân tích*)	:	21-Jan-2021

Thay mặt Công
INTERTEK VIETN
intertek

Testing Results / *Kết quả phân tích*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Test Method / *Phương pháp phân tích*
1	Histamine	mg/kg	Not detected	0.20	FST-WI01 chapter 16 (Ref. AOAC 977.13) (LC/MS/MS)
2	Methyl mercury (*)	mg/kg	Not detected	0.30	Ref AOAC 988.11, GC/μECD
3	Cadmium content	μg/kg	Not detected	5.00	AOAC 999.10:2005 Modified/AAS
4	Mercury content	μg/kg	Not detected	10.0	AOAC 974.14:2005 Modified/AAS
5	Colour (*)	/50g	Typical of product/ *Đặc trưng của sản phẩm*	-	TCVN 5277:1990
6	Fat content	%wt	0.63	-	TCVN 3703:2009

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST210101493-3
Date/*Ngày*: 27-Jan-2021

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Test Method / *Phương pháp phân tích*
7	Hydrogen Sulfide (H_2S) (*)	/10g	Negative	-	TCVN 3699:1990
8	Moisture	%wt	83.2	-	TCVN 3700:1990
9	Protein content (N*6.25)	%wt	15.2	-	TCVN 3705:1990
10	Smell and Taste (*)	/50g	Typical smell of fresh fish, without strange taste/ *Mùi đặc trưng của cá tươi, không có mùi vị lạ*	-	TCVN 5277:1990
11	State (*)	/50g	No burnt cold, no impurities and parasites/ *Không cháy lạnh, không lẫn tạp chất và ký sinh trùng*	-	TCVN 5277:1990
12	Total volatile basic nitrogen (TVB_N)	mg/100g	10.8	2.00	Commission Regulation (EC) No 2074 (2005)
13	*Clostridium perfringens*	CFU/g	<10	-	ISO 7937: 2004
14	*E. coli*	CFU/g	<10	-	ISO 16649-2: 2001
15	*Salmonella* spp.	/25g	Not detected	-	ISO 6579-1:2017

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST210101493-3
Date/*Ngày*: 27-Jan-2021

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Test Method / *Phương pháp phân tích*
16	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	<10	-	ISO 6888-1:1999/Amd1:2003
17	TPC (30°C)	CFU/g	$2.2x10^4$	-	ISO 4833-1:2013
18	*Vibrio parahaemolyticus*	/25g	Not detected	-	ISO 21872-1: 2017

Note /*Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample.
2. (*) Parameters are not accredited ISO 17025
3. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch

Thay mặt Công ty
INTERTEK VIETNAM LTD

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-4
Date/ *Ngày*: 18-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 01: Bán thành phẩm sau lạng da
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	Method / *Phương pháp*
1	Coagulase positive staphylococci	CFU/g	<10	ISO 6888-1:2021/Amd1:2023
2	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006
3	*E.coli*	CFU/g	<10	ISO 16649-2: 2001
4	Enterococcus	CFU/g	<10	NMKL 68:2011
5	*Salmonella* spp.	/25g	Not detected	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
6	TPC (30°C)	CFU/g	$6.2x10^3$	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
7	*Vibrio cholerae*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023
8	*Vibrio parahaemolyticus*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
3. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ *Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám Đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-5
Date/ *Ngày*: 18-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 02: Bán thành phẩm soi ký sinh trùng
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	Method / *Phương pháp*
1	Coagulase positive staphylococci	CFU/g	<10	ISO 6888-1:2021/Amd1:2023
2	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006
3	*E.coli*	CFU/g	<10	ISO 16649-2: 2001
4	Enterococcus	CFU/g	<10	NMKL 68:2011
5	*Salmonella* spp.	/25g	Not detected	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
6	TPC (30°C)	CFU/g	$8.8x10^3$	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
7	*Vibrio cholerae*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023
8	*Vibrio parahaemolyticus*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
3. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ *Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám Đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-6
Date/ *Ngày*: 18-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 03: Bán thành phẩm xếp khuôn
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	Method / *Phương pháp*
1	Coagulase positive staphylococci	CFU/g	<10	ISO 6888-1:2021/Amd1:2023
2	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006
3	*E.coli*	CFU/g	<10	ISO 16649-2: 2001
4	Enterococcus	CFU/g	<10	NMKL 68:2011
5	*Salmonella* spp.	/25g	Not detected	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
6	TPC (30°C)	CFU/g	$4.2x10^3$	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
7	*Vibrio cholerae*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023
8	*Vibrio parahaemolyticus*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
3. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ *Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám Đốc*

M.S.C.N:0100773892-0... CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-7
Date/ *Ngày*: 18-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 04: Bán thành phẩm sau cấp đông
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	Method / *Phương pháp*
1	Coagulase positive staphylococci	CFU/g	<10	ISO 6888-1:2021/Amd1:2023
2	Coliforms	CFU/g	<10	ISO 4832:2006
3	*E.coli*	CFU/g	<10	ISO 16649-2: 2001
4	Enterococcus	CFU/g	<10	NMKL 68:2011
5	*Salmonella* spp.	/25g	Not detected	ISO 6579-1:2017/Amd1:2020
6	TPC (30°C)	CFU/g	$7.0x10^2$	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
7	*Vibrio cholerae*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023
8	*Vibrio parahaemolyticus*	/25g	Not detected	ISO 21872-1: 2017/Amd1:2023

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
3. According to the test method of Microbiology, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony/ *Theo Phương pháp thử của vi sinh, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám Đốc*

M.S.C.N:0100773892-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-1
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample description Bán thành phẩm sau rửa 4
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Total Phosphate (PO_4^{3-}) (as P) (*)	mg/kg	893	10.0	FST-WI08 Chapter 86 (Ref. Pharm. Biomed. Anal 36 517-524) (IC-CD)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

M.S.C.N:0100773892-002-C.T.T.N.H
CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-2
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample description Bán thành phẩm sau rửa 4
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Total phosphorus (as P_2O_5) content	g/100g	0.44	0.02	AOAC 995.11

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-3
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample description Cá tra fillet thành phẩm
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Monophosphate (Orthophosphate - PO_4^{3-})	mg/kg	2,790	6.00	FST-WI08 Chapter 86 (Ref. Pharm. Biomed. Anal 36 517-524) (IC-CD)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-8
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample 01: Bán thành phẩm sau lạng da
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Chlorate	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

M.S.C.N: 0100773892-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-9
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample 02: Bán thành phẩm sau phân cỡ
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Chlorate	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

M.S.C.N: 0100773892-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-10
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 03: Bán thành phẩm xếp khuôn
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Chlorate	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

M.S.C.N: 0100773892-002-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

WON: FST260515481-11
Date/ *Ngày*: 19-May-2026

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*)	:	Sample 04: Thành phẩm bao gói
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bag/ *Mẫu đựng trong túi nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	13-May-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	14-May-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Chlorate	µg/kg	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Vòi nước VĐ4

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
Dibenzofurans ('PCDFs') (**)				
1	2,3,7,8-TCDF	0.05	Not detected	Not detected
2	1,2,3,7,8-PeCDF	0.075	Not detected	Not detected
3	2,3,4,7,8-PeCDF	0.75	Not detected	Not detected
4	1,2,3,4,7,8-HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
5	1,2,3,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
6	1,2,3,7,8,9- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
7	2,3,4,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
8	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	0.025	Not detected	Not detected

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
9	1,2,3,4,7,8,9- HpCDF	0.025	Not detected	Not detected
10	OCDF	0.0015	Not detected	Not detected
Dibenzo-p-dioxins ('PCDDs') (**)				
11	2,3,7,8-TCDD	0.5	Not detected	Not detected
12	1,2,3,7,8-PeCDD	2.5	Not detected	Not detected
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
14	1,2,3,6,7,8- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
15	1,2,3,7,8,9- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	0.025	Not detected	Not detected
17	OCDD	0.0015	Not detected	Not detected
Sum of dioxins / *Tổng dioxin* (WHO- 2005, PCDD/F-TEQ)		**5.70**	**Not detected**	**Not detected**

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

M.S.C.N: 0100773592-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample : Vòi nước sau xử lý dùng để vệ sinh V4
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	26-Feb-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
Dibenzofurans ('PCDFs') (**)				
1	2,3,7,8-TCDF	0.05	Not detected	Not detected
2	1,2,3,7,8-PeCDF	0.075	Not detected	Not detected
3	2,3,4,7,8-PeCDF	0.75	Not detected	Not detected
4	1,2,3,4,7,8-HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
5	1,2,3,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
6	1,2,3,7,8,9- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
7	2,3,4,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
8	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	0.025	Not detected	Not detected

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
9	1,2,3,4,7,8,9- HpCDF	0.025	Not detected	Not detected
10	OCDF	0.0015	Not detected	Not detected
Dibenzo-p-dioxins ('PCDDs') (**)				
11	2,3,7,8-TCDD	0.5	Not detected	Not detected
12	1,2,3,7,8-PeCDD	2.5	Not detected	Not detected
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
14	1,2,3,6,7,8- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
15	1,2,3,7,8,9- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	0.025	Not detected	Not detected
17	OCDD	0.0015	Not detected	Not detected
Sum of dioxins / *Tổng dioxin* (WHO- 2005, PCDD/F-TEQ)		**5.70**	**Not detected**	**Not detected**

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample : Nước đá vảy ĐV1
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	26-Feb-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
Dibenzofurans ('PCDFs') (**)				
1	2,3,7,8-TCDF	0.05	Not detected	Not detected
2	1,2,3,7,8-PeCDF	0.075	Not detected	Not detected
3	2,3,4,7,8-PeCDF	0.75	Not detected	Not detected
4	1,2,3,4,7,8-HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
5	1,2,3,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
6	1,2,3,7,8,9- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
7	2,3,4,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
8	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	0.025	Not detected	Not detected

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
9	1,2,3,4,7,8,9- HpCDF	0.025	Not detected	Not detected
10	OCDF	0.0015	Not detected	Not detected
Dibenzo-p-dioxins ('PCDDs') (**)				
11	2,3,7,8-TCDD	0.5	Not detected	Not detected
12	1,2,3,7,8-PeCDD	2.5	Not detected	Not detected
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
14	1,2,3,6,7,8- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
15	1,2,3,7,8,9- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	0.025	Not detected	Not detected
17	OCDD	0.0015	Not detected	Not detected
Sum of dioxins / *Tổng dioxin* (WHO- 2005, PCDD/F-TEQ)		**5.70**	**Not detected**	**Not detected**

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample : Các vòi nước sau xử lý sử dụng cho sản xuất (Kể cả nước lạnh) S83
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	26-Feb-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
Dibenzofurans ('PCDFs') (**)				
1	2,3,7,8-TCDF	0.05	Not detected	Not detected
2	1,2,3,7,8-PeCDF	0.075	Not detected	Not detected
3	2,3,4,7,8-PeCDF	0.75	Not detected	Not detected
4	1,2,3,4,7,8-HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
5	1,2,3,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
6	1,2,3,7,8,9- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
7	2,3,4,6,7,8- HxCDF	0.25	Not detected	Not detected
8	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF	0.025	Not detected	Not detected

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 17-Mar-2026

No. / *STT*	Test Parameters / *Các chỉ tiêu*	LOQ (pgTEQ/g)	Result / *Kết quả*	
			pg/g	pgTEQ/g
Method(s)/ *Phương pháp*: EPA 1613: 1994 (GC - HRMS)				
Congener/ *Các đồng phân*				
9	1,2,3,4,7,8,9- HpCDF	0.025	Not detected	Not detected
10	OCDF	0.0015	Not detected	Not detected
Dibenzo-p-dioxins ('PCDDs') (**)				
11	2,3,7,8-TCDD	0.5	Not detected	Not detected
12	1,2,3,7,8-PeCDD	2.5	Not detected	Not detected
13	1,2,3,4,7,8-HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
14	1,2,3,6,7,8- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
15	1,2,3,7,8,9- HxCDD	0.25	Not detected	Not detected
16	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD	0.025	Not detected	Not detected
17	OCDD	0.0015	Not detected	Not detected
Sum of dioxins / *Tổng dioxin* (WHO- 2005, PCDD/F-TEQ)		**5.70**	**Not detected**	**Not detected**

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viet Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Nước đá vảy ĐV1

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	2-Naphthol (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
2	Acrylamide (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 79 (LC-MS/MS)
3	Benzene (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
4	Benzo [a] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
5	Bisphenol A (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 30-1 (HPLC/FLD)
6	1,2-Dichloroethane (*)	µg/L	Not detected	3.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
7	Epichlorohydrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
8	Monochloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
9	Dichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
10	Trichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
11	Monobromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Dibromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
13	Microcystin-LR (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI01 chapter 99 (Ref. EPA method 544:2015) (LC-MS/MS)
14	Benzo [b] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
15	Benzo [g,h,i] perylene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
16	Benzo [k] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
17	Indenol [1,2,3-c,d] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
18	Trichloroethene (Trichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
19	Trihalomethanes total (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
20	Bromoform (Tribromomethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
21	Chlorodibromomethane (Dibromochloromethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
22	Vinyl chloride (Chloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
23	Chlordecone (Kepone) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
24	Aldrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
25	Camphechlor (Toxaphene) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
26	Dieldrin (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
27	Heptachlor (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
28	Heptachlor-exo-epoxide (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
29	Isodrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
30	Pentachloroanisole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
31	2,4 DDD (2,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
32	2,4-DDE (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
33	2,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
34	4,4 DDD (4,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
35	4,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
36	Alpha-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
37	Alpha-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
38	Atrazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
39	Azinphos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
40	Beta-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
41	Bromophos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
42	Chlorfenvinphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
43	Chlorothalonil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
44	Coumaphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
45	Cyfluthrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
46	Cyhalothrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
47	Cypermethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
48	Delta-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
49	Deltamethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
50	Diazinon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
51	Dicofol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
52	Dicrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
53	Dimethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
54	Endosulfan-sulfate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
55	Endrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
56	Fenchlorphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
57	Fenitrothion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
58	Fenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
59	Hexachlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
60	Lindane (gama-HCH/gama BHC) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
61	Malathion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
62	Methamidophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
63	Methoxychlor (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
64	Mirex (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
65	Monocrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
66	Omethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
67	Parathion-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
68	Parathion-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
69	Permethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
70	Phosphamidon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
71	Profenofos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
72	Propetamphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
73	Quinalphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
74	Esfenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
75	Diflubenzuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
76	Alachlor (Methachlor) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
77	Chlordimeform (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
78	Chlozolinate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
79	Dichlofluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
80	Flumethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
81	Kelevan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
82	Mevinphos (Phosdrin) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
83	Propanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
84	Simazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
85	Strobane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
86	TCMTB/Busan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
87	Telodrin (Isobenzan) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
88	Tetrachlorophenol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
89	Tolylfluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
90	Vinclozolin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
91	2,4 D (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
92	Chlordane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
93	Demeton (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
94	Dichloprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
95	Dinoseb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
96	Dinoterb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
97	Diuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
98	DNOC (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
99	Linuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
100	MCPA (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
101	MCPB (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
102	Mecoprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
103	Monolinuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
104	Triflumuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
105	Aldicarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
106	Carbaryl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
107	Carbendazim (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
108	2,4,5-T (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
109	Paraquat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 53 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
110	Dichloran (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
111	Edifenphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
112	Fluopyram (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
113	Flutolanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
114	Fluxapyroxad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
115	Metalaxyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
116	Metrafenone (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
117	Penthiopyrad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
118	Prochloraz (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
119	Ethion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
120	Uniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
121	Quinoclamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
122	Bitertanol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
123	Chinomethionat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
124	Chlorobenzilate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
125	Cyproconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
126	Diclobutrazol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
127	Diphenylamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
128	Chlorpyrifos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
129	Chlorpyrifos-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
130	Dimethipin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
131	Diethofencarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
132	Difenoconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
133	Cyprodinil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
134	Azoxystrobin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
135	Acephate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
136	Isoprothiolane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
137	Fenarimol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
138	Diniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
139	Simetryn (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
140	Perfluorobutanoic acid (PFBA)	µg/L	Not detected	0.03	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
141	Perfluoropentanoic acid (PFPeA) (PFPA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
142	Perfluorohexanoic acid (PFHxA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
143	Perfluoroheptanoic acid (PFHpA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
144	Perfluorooctanoic acid (PFOA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
145	Perfluorononanoic acid (PFNA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
146	Perfluorodecanoic acid (PFDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
147	Perfluoroundecanoic acid (PFUnDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
148	Perfluorododecanoic acid (PFDoDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
149	Perfluorotridecanoic acid (PFTrDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
150	Perfluorobutane sulfonic acid (PFBS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
151	Perfluoropentane sulfonic acid (PFPS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
152	Perfluorohexane sulfonic acid (PFHxS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
153	Perfluoroheptane sulfonic acid (PFHpS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
154	Perfluorooctane sulfonic acid (PFOS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
155	Perfluorononane sulfonic acid (PFNS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
156	Perfluorodecane sulfonic acid (PFDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
157	Perfluoroundecane sulfonic acid (PFUnDS)(PFUdS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
158	Perfluorododecane sulfonic acid (PFDoDS)(PFDoS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
159	Perfluorotridecane sulfonic acid (PFTrDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
160	Sum of PFAS (sum of 20 items)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
161	Chloroform (Trichloromethane) (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
162	Bromodichloromethane (Dichlorobromomethane) (*)	µg/L	Not detected	60.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
163	Perchlorate	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)
164	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
165	1,1-Dichloroethylene (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
166	1,2-Dichloroethene (1,2-dichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
167	Tetrachloroethene (Tetrachloroethylene) (*)	mg/L	Not detected	0.008	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
168	Hexachlorobutadiene (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
169	Styrene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
170	Monochlorobenzene (Chlorobenzene) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
171	1,4-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
172	Trichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
173	Hexachlorobenzene	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
174	Dimethoate (*)	mg/L	Not detected	0.005	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
175	Bentazone (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
176	Chlorothalonil	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
177	Carbofuran (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
178	Glyphosate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70-1 (LC-MS/MS)
179	Dichlorvos	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
180	Atrazine	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
181	Deltamethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
182	Acetochlor (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
183	Pentachlorophenol (PCP) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
184	2,4,6-Trichlorophenol (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 38 (2023) (GC-MS/MS)
185	Di(2-ethylhexyl) adipate (Bis(2-ethylhexyl) adipate)) (*)	µg/L	Not detected	80.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
186	2-Methylisoborneol (2- MIB)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
187	Geosmin	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
188	BHC (HCH)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
189	Parathion	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
190	Lindane (gama-HCH/gama BHC)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
191	DDT	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
192	Trichlorfon (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
193	Thiophanate Methyl (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
194	Isoprothiolane (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
195	Trifluralin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
196	Acephate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
197	Formaldehyde (*)	µg/L	Not detected	900	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC-MS/MS)
198	Chloral hydrate (Trichloroacetaldehyde) (*)	µg/L	Not detected	0.70	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
199	1,2-Dibromoethane (Ethylene dibromide) (*)	mg/L	Not detected	0.00005	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
200	Ethylbenzene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
201	Acrylonitrile (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
202	Acrolein (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 41 (2025) (HS- GC/MS)
203	Diethyl phthalate (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
204	Dibutyl phthalate (Di-n-butyl phthalate) (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
205	PAHs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
206	PCBs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 18 (2021) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
207	1,1,1-Trichloroethane (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
208	Carbon tetrachloride (Tetrachloromethane) (*)	µg/L	Not detected	2.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
209	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
210	Toluene (Methylbenzene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
211	Xylene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
212	1,2-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
213	1,2-Dibromo-3-chloropropane (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
214	1,2-Dichloropropane (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
215	1,3-Dichloropropene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
216	2,4 DB (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
217	Atrazine-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
218	Atrazine-desethyl (Deethylatrazin) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
219	Atrazine-desethyl-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
220	Chlorotoluron (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
221	Cyanazine (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
222	DDD (TDE)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
223	DDE	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
224	Fenoprop (2,4,5-TP) (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
225	Hydroxy atrazine (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
226	Isoproturon (*)	µg/L	Not detected	5.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
227	Methoxychlor	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
228	Molinate (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
229	Pendimethalin (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
230	Permethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
231	Propanil (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
232	Dibromoacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
233	Dichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
234	Trichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
235	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
236	Arsenic (As) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
237	Boron (B) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
238	Bromate (BrO_3^-) content	µg/L	Not detected	1.50	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
239	Cadmium (Cd) content	µg/L	Not detected	0.25	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
240	Chlorate (ClO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
241	Chlorite (ClO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
242	Chromium (Cr) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
243	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
244	Cyanide content	µg/L	Not detected	1.50	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
245	Fluoride (F^-) content	mg/L	< LOQ = 0.10	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
246	Lead (Pb) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
247	Mercury (Hg) content	µg/L	Not detected	0.15	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
248	Nickel (Ni) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
249	Nitrate (NO_3^-) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
250	Nitrate (NO_3^-)/50 + Nitrite (NO_2^-)/3 (*)	-	< 0.03	-	Calculation
251	Nitrite (NO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
252	Selenium (Se) content	µg/L	Not detected	1.20	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
253	Aluminium (Al) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
254	Ammonium (NH_4^+) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
255	Chloride (Cl^-) content	mg/L	< LOQ = 10.0	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
256	Colour	TCU	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
257	Conductivity (at 20°C)	µScm-1	6.92	0.30	SMEWW 2510B:2023
258	pH	-	6.85	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
259	Iron (Fe) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
260	Manganese (Mn) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
261	Odour (*)	-	Odourless	-	SMEWW 2150B:2023
262	Permanganate index	mg/L	Not detected	0.20	TCVN 6186:1996
263	Sulfate (SO_4^{2-}) content	mg/L	Not detected	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
264	Sodium (Na) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	SMEWW 3111B:2023 (AAS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
265	Taste (*)	-	Tasteless	-	SMEWW 2160B:2023
266	Total Organic Carbon (TOC) content	mg/L	Not detected	0.60	SMEWW 5310B:2023
267	Turbidity	NTU	Not detected	0.30	SMEWW 2130B:2023
268	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
269	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
270	Cr(VI) content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 3500-Cr.B:2023
271	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
272	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
273	Cyanide content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
274	Nitrate nitrogen (NO_3^--N) content	mg/L	< LOQ = 0.23	0.07	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
275	Bromate (BrO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.0015	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
276	Colour	Pt/Co	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
277	Visible matters (*)	-	Not detected	-	SMEWW 2110:2023
278	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
279	Iron (Fe) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
280	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
281	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
282	Total Dissolved Solids (TDS) content	mg/L	3.50	1.00	SMEWW 2540C:2023
283	Total hardness (as $CaCO_3$)	mg/L	Not detected	3.00	SMEWW 2340C:2023
284	Ammonia nitrogen (NH_3-N) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
285	Free chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
286	Total chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
287	Ozone (O_3) content (*)	mg/L	Not detected	0.01	SMEWW 4500-O_3.B:2023
288	Chlorine dioxite content (*)	mg/L	Not detected	0.05	FST-WI15 Chapter 60 (Ref. SMEWW 4500-ClO_2 B (2017))

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
289	Barium (Ba) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
290	Beryllium (Be) content	mg/L	Not detected	0.0003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
291	Molybdenum (Mo) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
292	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
293	Silver (Ag) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
294	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
295	Phenols content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 5530 B&C:2023
296	Surfactants (anionic) (*)	mg/L MBAS	Not detected	0.05	FST-WI15 chapter 66 (Prove 300 - Surfactants (anionic) 102552 cell test)
297	Vanadium (V) content (*)	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
298	Cyanogen chloride content (*)	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN-.J:2023
299	Sulfide (S^{2-}) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
300	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.03	SMEWW 4110B:2023
301	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
302	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.01	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
303	Monochloramine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
304	Enterococci	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 7899-2: 2000
305	*E.coli*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016
306	*Clostridium perfringens*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 14189: 2013
307	TPC (22°C)	CFU/mL	Not detected	-	ISO 6222: 1999
308	Coliforms	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-23
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
309	*Legionella* spp.	CFU/L	Not detected	-	ISO 11731:2017
310	*Pseudomonas aeruginosa*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 16266: 2006
311	*Staphylococcus aureus*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	SMEWW 9213B:2023
312	Gross Alpha Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.02	SMEWW 7110B:2023
313	Gross Beta Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.03	SMEWW 7110B:2023
314	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)
315	Thallium (Tl) (**)	mg/L	Not detected	LOQ=0.0001	NAFI6/H-6.4 (Ref.AOAC 993.14/SMEWW 3010B) (ICP-MS)
316	Ra-226 (**)	Bq/L	Not detected	0.20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol (Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC), except for the parameters marked with an asterisk (*)/ *Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu (Δ) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC), ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Các vòi nước sau xử lý sử dụng cho sản xuất (Kể cả nước lạnh) S83

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	2-Naphthol (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
2	Acrylamide (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 79 (LC-MS/MS)
3	Benzene (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
4	Benzo [a] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
5	Bisphenol A (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 30-1 (HPLC/FLD)
6	1,2-Dichloroethane (*)	µg/L	Not detected	3.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
7	Epichlorohydrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
8	Monochloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
9	Dichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
10	Trichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
11	Monobromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Dibromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
13	Microcystin-LR (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI01 chapter 99 (Ref. EPA method 544:2015) (LC-MS/MS)
14	Benzo [b] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
15	Benzo [g,h,i] perylene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
16	Benzo [k] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
17	Indenol [1,2,3-c,d] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
18	Trichloroethene (Trichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
19	Trihalomethanes total (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
20	Bromoform (Tribromomethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
21	Chlorodibromomethane (Dibromochloromethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
22	Vinyl chloride (Chloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
23	Chlordecone (Kepone) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
24	Aldrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
25	Camphechlor (Toxaphene) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
26	Dieldrin (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
27	Heptachlor (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
28	Heptachlor-exo-epoxide (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
29	Isodrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
30	Pentachloroanisole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
31	2,4 DDD (2,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
32	2,4-DDE (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
33	2,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
34	4,4 DDD (4,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
35	4,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
36	Alpha-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
37	Alpha-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
38	Atrazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
39	Azinphos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
40	Beta-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
41	Bromophos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
42	Chlorfenvinphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
43	Chlorothalonil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
44	Coumaphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
45	Cyfluthrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
46	Cyhalothrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
47	Cypermethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
48	Delta-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
49	Deltamethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
50	Diazinon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
51	Dicofol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
52	Dicrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
53	Dimethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
54	Endosulfan-sulfate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
55	Endrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
56	Fenchlorphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
57	Fenitrothion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
58	Fenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
59	Hexachlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
60	Lindane (gama-HCH/gama BHC) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
61	Malathion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
62	Methamidophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
63	Methoxychlor (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
64	Mirex (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
65	Monocrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
66	Omethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
67	Parathion-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
68	Parathion-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
69	Permethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
70	Phosphamidon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
71	Profenofos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
72	Propetamphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
73	Quinalphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
74	Esfenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
75	Diflubenzuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
76	Alachlor (Methachlor) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
77	Chlordimeform (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
78	Chlozolinate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
79	Dichlofluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
80	Flumethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
81	Kelevan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
82	Mevinphos (Phosdrin) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
83	Propanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
84	Simazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
85	Strobane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
86	TCMTB/Busan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
87	Telodrin (Isobenzan) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
88	Tetrachlorophenol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
89	Tolylfluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
90	Vinclozolin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
91	2,4 D (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
92	Chlordane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
93	Demeton (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
94	Dichloprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
95	Dinoseb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
96	Dinoterb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
97	Diuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
98	DNOC (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
99	Linuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
100	MCPA (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
101	MCPB (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
102	Mecoprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
103	Monolinuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
104	Triflumuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
105	Aldicarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
106	Carbaryl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
107	Carbendazim (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
108	2,4,5-T (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
109	Paraquat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 53 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
110	Dichloran (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
111	Edifenphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
112	Fluopyram (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
113	Flutolanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
114	Fluxapyroxad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
115	Metalaxyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
116	Metrafenone (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
117	Penthiopyrad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
118	Prochloraz (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
119	Ethion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
120	Uniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
121	Quinoclamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
122	Bitertanol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
123	Chinomethionat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
124	Chlorobenzilate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
125	Cyproconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
126	Diclobutrazol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
127	Diphenylamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
128	Chlorpyrifos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
129	Chlorpyrifos-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
130	Dimethipin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
131	Diethofencarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
132	Difenoconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
133	Cyprodinil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
134	Azoxystrobin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
135	Acephate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
136	Isoprothiolane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
137	Fenarimol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
138	Diniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
139	Simetryn (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
140	Perfluorobutanoic acid (PFBA)	µg/L	Not detected	0.03	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
141	Perfluoropentanoic acid (PFPeA) (PFPA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
142	Perfluorohexanoic acid (PFHxA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
143	Perfluoroheptanoic acid (PFHpA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
144	Perfluorooctanoic acid (PFOA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
145	Perfluorononanoic acid (PFNA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
146	Perfluorodecanoic acid (PFDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
147	Perfluoroundecanoic acid (PFUnDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
148	Perfluorododecanoic acid (PFDoDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
149	Perfluorotridecanoic acid (PFTrDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
150	Perfluorobutane sulfonic acid (PFBS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
151	Perfluoropentane sulfonic acid (PFPS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
152	Perfluorohexane sulfonic acid (PFHxS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
153	Perfluoroheptane sulfonic acid (PFHpS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
154	Perfluorooctane sulfonic acid (PFOS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
155	Perfluorononane sulfonic acid (PFNS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
156	Perfluorodecane sulfonic acid (PFDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
157	Perfluoroundecane sulfonic acid (PFUnDS)(PFUdS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
158	Perfluorododecane sulfonic acid (PFDoDS)(PFDoS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
159	Perfluorotridecane sulfonic acid (PFTrDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
160	Sum of PFAS (sum of 20 items)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
161	Chloroform (Trichloromethane) (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
162	Perchlorate	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)
163	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
164	1,1-Dichloroethylene (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
165	Tetrachloroethene (Tetrachloroethylene) (*)	mg/L	Not detected	0.008	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
166	1,4-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
167	Hexachlorobenzene	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
168	Dimethoate (*)	mg/L	Not detected	0.005	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
169	Bentazone (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
170	Chlorothalonil	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
171	Glyphosate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70-1 (LC-MS/MS)
172	Dichlorvos	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
173	Deltamethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
174	Acetochlor (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
175	Di(2-ethylhexyl) adipate (Bis(2-ethylhexyl) adipate)) (*)	µg/L	Not detected	80.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
176	2-Methylisoborneol (2- MIB)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
177	Geosmin	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
178	BHC (HCH)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
179	Parathion	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
180	Lindane (gama-HCH/gama BHC)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
181	Trichlorfon (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
182	Thiophanate Methyl (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
183	Isoprothiolane (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
184	Acephate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
185	Chloral hydrate (Trichloroacetaldehyde) (*)	µg/L	Not detected	0.70	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
186	1,2-Dibromoethane (Ethylene dibromide) (*)	mg/L	Not detected	0.00005	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
187	Acrylonitrile (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
188	Acrolein (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 41 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
189	Diethyl phthalate (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
190	Dibutyl phthalate (Di-n-butyl phthalate) (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
191	PAHs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
192	PCBs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 18 (2021) (GC-MS/MS)
193	1,1,1-Trichloroethane (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
194	1,2-Dichloroethene (1,2-dichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
195	Carbon tetrachloride (Tetrachloromethane) (*)	µg/L	Not detected	2.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
196	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
197	Ethylbenzene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
198	Pentachlorophenol (PCP) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
199	Styrene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
200	Toluene (Methylbenzene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
201	Xylene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
202	1,2-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
203	Monochlorobenzene (Chlorobenzene) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
204	Trichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
205	Hexachlorobutadiene (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
206	1,2-Dibromo-3-chloropropane (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
207	1,2-Dichloropropane (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
208	1,3-Dichloropropene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
209	2,4 DB (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
210	Atrazine	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
211	Atrazine-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
212	Atrazine-desethyl (Deethylatrazin) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
213	Atrazine-desethyl-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
214	Carbofuran (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
215	Chlorotoluron (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
216	Cyanazine (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
217	DDD (TDE)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
218	DDE	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
219	DDT	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
220	Fenoprop (2,4,5-TP) (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
221	Hydroxy atrazine (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
222	Isoproturon (*)	µg/L	Not detected	5.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
223	Methoxychlor	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
224	Molinate (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
225	Pendimethalin (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
226	Permethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
227	Propanil (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
228	Trifluralin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
229	2,4,6-Trichlorophenol (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 38 (2023) (GC-MS/MS)
230	Formaldehyde (*)	µg/L	Not detected	500	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC-MS/MS)
231	Bromodichloromethane (Dichlorobromomethane) (*)	µg/L	Not detected	60.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
232	Dibromoacetonitrile (△)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
233	Dichloroacetonitrile (△)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
234	Trichloroacetonitrile (△)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
235	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
236	Arsenic (As) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
237	Boron (B) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
238	Bromate (BrO_3^-) content	µg/L	Not detected	1.50	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
239	Cadmium (Cd) content	µg/L	Not detected	0.25	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
240	Chlorate (ClO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
241	Chlorite (ClO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
242	Chromium (Cr) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
243	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
244	Cyanide content	µg/L	Not detected	1.50	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
245	Fluoride (F^-) content	mg/L	< LOQ = 0.10	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
246	Lead (Pb) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
247	Mercury (Hg) content	µg/L	Not detected	0.15	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
248	Nickel (Ni) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
249	Nitrate (NO_3^-) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
250	Nitrate (NO_3^-)/50 + Nitrite (NO_2^-)/3 (*)	-	< 0.03	-	Calculation
251	Nitrite (NO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
252	Selenium (Se) content	µg/L	Not detected	1.20	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
253	Aluminium (Al) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
254	Ammonium (NH_4^+) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
255	Chloride (Cl^-) content	mg/L	< LOQ = 10.0	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
256	Colour	TCU	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
257	Conductivity (at 20°C)	µScm-1	7.03	0.30	SMEWW 2510B:2023
258	pH	-	6.89	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
259	Iron (Fe) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
260	Manganese (Mn) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
261	Odour (*)	-	Odourless	-	SMEWW 2150B:2023
262	Permanganate index	mg/L	Not detected	0.20	TCVN 6186:1996

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
263	Sulfate (SO_4^{2-}) content	mg/L	Not detected	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
264	Sodium (Na) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	SMEWW 3111B:2023 (AAS)
265	Taste (*)	-	Tasteless	-	SMEWW 2160B:2023
266	Total Organic Carbon (TOC) content	mg/L	Not detected	0.60	SMEWW 5310B:2023
267	Turbidity	NTU	Not detected	0.30	SMEWW 2130B:2023
268	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
269	Cr(VI) content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 3500-Cr.B:2023
270	Bromate (BrO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.0015	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
271	Colour	Pt/Co	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
272	Visible matters (*)	-	Not detected	-	SMEWW 2110:2023
273	Ammonia nitrogen (NH_3-N) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
274	Free chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
275	Total chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
276	Ozone (O_3) content (*)	mg/L	Not detected	0.01	SMEWW 4500-O_3.B:2023
277	Chlorine dioxite content (*)	mg/L	Not detected	0.05	FST-WI15 Chapter 60 (Ref. SMEWW 4500-ClO_2 B (2017))
278	Beryllium (Be) content	mg/L	Not detected	0.0003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
279	Molybdenum (Mo) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
280	Silver (Ag) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
281	Phenols content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 5530 B&C:2023
282	Surfactants (anionic) (*)	mg/L MBAS	Not detected	0.05	FST-WI15 chapter 66 (Prove 300 - Surfactants (anionic) 102552 cell test)
283	Cyanogen chloride content (*)	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN-.J:2023
284	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.03	SMEWW 4110B:2023

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
285	Barium (Ba) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
286	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
287	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
288	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
289	Total hardness (as $CaCO_3$)	mg/L	Not detected	3.00	SMEWW 2340C:2023
290	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
291	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
292	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
293	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
294	Nitrate nitrogen (NO_3^--N) content	mg/L	< LOQ = 0.23	0.07	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
295	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.01	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
296	Iron (Fe) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
297	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
298	Sulfide (S^{2-}) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
299	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
300	Total Dissolved Solids (TDS) content	mg/L	3.54	1.00	SMEWW 2540C:2023
301	Cyanide content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
302	Monochloramine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
303	Vanadium (V) content (*)	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
304	Enterococci	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 7899-2: 2000
305	*E.coli*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-22
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
306	*Clostridium perfringens*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 14189: 2013
307	TPC (22°C)	CFU/mL	Not detected	-	ISO 6222: 1999
308	Coliforms	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016
309	*Legionella* spp.	CFU/L	Not detected	-	ISO 11731:2017
310	*Pseudomonas aeruginosa*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 16266: 2006
311	*Staphylococcus aureus*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	SMEWW 9213B:2023
312	Gross Alpha Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.02	SMEWW 7110B:2023
313	Gross Beta Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.03	SMEWW 7110B:2023
314	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)
315	Thallium (Tl) (**)	mg/L	Not detected	LOQ=0.0001	NAFI6/H-6.4 (Ref.AOAC 993.14/SMEWW 3010B) (ICP-MS)
316	Ra-226 (**)	Bq/L	Not detected	0.20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol (Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC), except for the parameters marked with an asterisk (*)/ *Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu (Δ) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC), ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Vòi nước sau xử lý dùng để vệ sinh V4

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	2-Naphthol (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
2	Acrylamide (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 79 (LC-MS/MS)
3	Benzene (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
4	Benzo [a] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
5	Bisphenol A (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 30-1 (HPLC/FLD)
6	1,2-Dichloroethane (*)	µg/L	Not detected	3.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
7	Epichlorohydrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
8	Monochloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
9	Dichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
10	Trichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
11	Monobromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Dibromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
13	Microcystin-LR (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI01 chapter 99 (Ref. EPA method 544:2015) (LC-MS/MS)
14	Benzo [b] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
15	Benzo [g,h,i] perylene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
16	Benzo [k] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
17	Indenol [1,2,3-c,d] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
18	Trichloroethene (Trichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
19	Trihalomethanes total (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
20	Bromoform (Tribromomethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
21	Chlorodibromomethane (Dibromochloromethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
22	Vinyl chloride (Chloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
23	Chlordecone (Kepone) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
24	Aldrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
25	Camphechlor (Toxaphene) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
26	Dieldrin (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
27	Heptachlor (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
28	Heptachlor-exo-epoxide (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
29	Isodrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
30	Pentachloroanisole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
31	2,4 DDD (2,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
32	2,4-DDE (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
33	2,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
34	4,4 DDD (4,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
35	4,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
36	Alpha-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
37	Alpha-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
38	Atrazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
39	Azinphos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
40	Beta-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
41	Bromophos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
42	Chlorfenvinphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
43	Chlorothalonil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
44	Coumaphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
45	Cyfluthrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
46	Cyhalothrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
47	Cypermethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
48	Delta-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
49	Deltamethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
50	Diazinon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
51	Dicofol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
52	Dicrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
53	Dimethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
54	Endosulfan-sulfate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
55	Endrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
56	Fenchlorphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
57	Fenitrothion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
58	Fenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
59	Hexachlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
60	Lindane (gama-HCH/gama BHC) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
61	Malathion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
62	Methamidophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
63	Methoxychlor (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
64	Mirex (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
65	Monocrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
66	Omethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
67	Parathion-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
68	Parathion-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
69	Permethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
70	Phosphamidon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
71	Profenofos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
72	Propetamphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
73	Quinalphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
74	Esfenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
75	Diflubenzuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
76	Alachlor (Methachlor) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
77	Chlordimeform (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
78	Chlozolinate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
79	Dichlofluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
80	Flumethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
81	Kelevan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
82	Mevinphos (Phosdrin) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
83	Propanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
84	Simazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
85	Strobane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
86	TCMTB/Busan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
87	Telodrin (Isobenzan) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
88	Tetrachlorophenol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
89	Tolylfluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
90	Vinclozolin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
91	2,4 D (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
92	Chlordane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
93	Demeton (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
94	Dichloprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
95	Dinoseb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
96	Dinoterb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
97	Diuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
98	DNOC (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
99	Linuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
100	MCPA (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
101	MCPB (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
102	Mecoprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
103	Monolinuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
104	Triflumuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
105	Aldicarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
106	Carbaryl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
107	Carbendazim (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
108	2,4,5-T (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
109	Paraquat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 53 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
110	Dichloran (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
111	Edifenphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
112	Fluopyram (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
113	Flutolanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
114	Fluxapyroxad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
115	Metalaxyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
116	Metrafenone (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
117	Penthiopyrad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
118	Prochloraz (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
119	Ethion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
120	Uniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
121	Quinoclamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
122	Bitertanol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
123	Chinomethionat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
124	Chlorobenzilate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
125	Cyproconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
126	Diclobutrazol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
127	Diphenylamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
128	Chlorpyrifos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
129	Chlorpyrifos-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
130	Dimethipin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
131	Diethofencarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
132	Difenoconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
133	Cyprodinil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
134	Azoxystrobin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
135	Acephate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
136	Isoprothiolane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
137	Fenarimol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
138	Diniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
139	Simetryn (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
140	Perfluorobutanoic acid (PFBA)	µg/L	Not detected	0.03	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
141	Perfluoropentanoic acid (PFPeA) (PFPA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
142	Perfluorohexanoic acid (PFHxA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
143	Perfluoroheptanoic acid (PFHpA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
144	Perfluorooctanoic acid (PFOA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
145	Perfluorononanoic acid (PFNA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
146	Perfluorodecanoic acid (PFDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
147	Perfluoroundecanoic acid (PFUnDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
148	Perfluorododecanoic acid (PFDoDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
149	Perfluorotridecanoic acid (PFTrDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
150	Perfluorobutane sulfonic acid (PFBS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
151	Perfluoropentane sulfonic acid (PFPS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
152	Perfluorohexane sulfonic acid (PFHxS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
153	Perfluoroheptane sulfonic acid (PFHpS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
154	Perfluorooctane sulfonic acid (PFOS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
155	Perfluorononane sulfonic acid (PFNS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
156	Perfluorodecane sulfonic acid (PFDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
157	Perfluoroundecane sulfonic acid (PFUnDS)(PFUdS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
158	Perfluorododecane sulfonic acid (PFDoDS)(PFDoS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
159	Perfluorotridecane sulfonic acid (PFTrDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
160	Sum of PFAS (sum of 20 items)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
161	Chloroform (Trichloromethane) (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
162	Perchlorate	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)
163	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
164	1,1-Dichloroethylene (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
165	Tetrachloroethene (Tetrachloroethylene) (*)	mg/L	Not detected	0.008	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
166	1,4-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
167	Hexachlorobenzene	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
168	Dimethoate (*)	mg/L	Not detected	0.005	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
169	Bentazone (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
170	Chlorothalonil	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
171	Glyphosate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70-1 (LC-MS/MS)
172	Dichlorvos	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
173	Deltamethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
174	Acetochlor (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
175	Di(2-ethylhexyl) adipate (Bis(2-ethylhexyl) adipate)) (*)	µg/L	Not detected	80.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
176	2-Methylisoborneol (2- MIB)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
177	Geosmin	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
178	BHC (HCH)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
179	Parathion	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
180	Lindane (gama-HCH/gama BHC)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
181	Trichlorfon (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
182	Thiophanate Methyl (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
183	Isoprothiolane (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
184	Acephate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
185	Chloral hydrate (Trichloroacetaldehyde) (*)	µg/L	Not detected	0.70	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
186	1,2-Dibromoethane (Ethylene dibromide) (*)	mg/L	Not detected	0.00005	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
187	Acrylonitrile (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
188	Acrolein (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 41 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
189	Diethyl phthalate (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
190	Dibutyl phthalate (Di-n-butyl phthalate) (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
191	PAHs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
192	PCBs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 18 (2021) (GC-MS/MS)
193	1,1,1-Trichloroethane (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
194	1,2-Dichloroethene (1,2-dichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
195	Carbon tetrachloride (Tetrachloromethane) (*)	µg/L	Not detected	2.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
196	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
197	Ethylbenzene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
198	Pentachlorophenol (PCP) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
199	Styrene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
200	Toluene (Methylbenzene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
201	Xylene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
202	1,2-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
203	Monochlorobenzene (Chlorobenzene) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
204	Trichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
205	Hexachlorobutadiene (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
206	1,2-Dibromo-3-chloropropane (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
207	1,2-Dichloropropane (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
208	1,3-Dichloropropene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
209	2,4 DB (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
210	Atrazine	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
211	Atrazine-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
212	Atrazine-desethyl (Deethylatrazin) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
213	Atrazine-desethyl-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
214	Carbofuran (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
215	Chlorotoluron (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
216	Cyanazine (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
217	DDD (TDE)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
218	DDE	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
219	DDT	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
220	Fenoprop (2,4,5-TP) (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
221	Hydroxy atrazine (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
222	Isoproturon (*)	µg/L	Not detected	5.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
223	Methoxychlor	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
224	Molinate (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
225	Pendimethalin (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
226	Permethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
227	Propanil (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
228	Trifluralin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
229	2,4,6-Trichlorophenol (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 38 (2023) (GC-MS/MS)
230	Formaldehyde (*)	µg/L	Not detected	500	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC-MS/MS)
231	Bromodichloromethane (Dichlorobromomethane) (*)	µg/L	Not detected	60.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
232	Dibromoacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
233	Dichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
234	Trichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
235	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
236	Arsenic (As) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
237	Boron (B) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
238	Bromate (BrO_3^-) content	µg/L	Not detected	1.50	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
239	Cadmium (Cd) content	µg/L	Not detected	0.25	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
240	Chlorate (ClO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
241	Chlorite (ClO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
242	Chromium (Cr) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
243	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
244	Cyanide content	µg/L	Not detected	1.50	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
245	Fluoride (F^-) content	mg/L	< LOQ = 0.10	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
246	Lead (Pb) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
247	Mercury (Hg) content	µg/L	Not detected	0.15	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
248	Nickel (Ni) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
249	Nitrate (NO_3^-) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
250	Nitrate (NO_3^-)/50 + Nitrite (NO_2^-)/3 (*)	-	< 0.03	-	Calculation
251	Nitrite (NO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
252	Selenium (Se) content	µg/L	Not detected	1.20	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
253	Aluminium (Al) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
254	Ammonium (NH_4^+) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
255	Chloride (Cl^-) content	mg/L	< LOQ = 10.0	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
256	Colour	TCU	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
257	Conductivity (at 20°C)	µScm^{-1}	7.11	0.30	SMEWW 2510B:2023
258	pH	-	6.82	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
259	Iron (Fe) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
260	Manganese (Mn) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
261	Odour (*)	-	Odourless	-	SMEWW 2150B:2023
262	Permanganate index	mg/L	Not detected	0.20	TCVN 6186:1996

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
263	Sulfate (SO_4^{2-}) content	mg/L	Not detected	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
264	Sodium (Na) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	SMEWW 3111B:2023 (AAS)
265	Taste (*)	-	Tasteless	-	SMEWW 2160B:2023
266	Total Organic Carbon (TOC) content	mg/L	Not detected	0.60	SMEWW 5310B:2023
267	Turbidity	NTU	Not detected	0.30	SMEWW 2130B:2023
268	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
269	Cr(VI) content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 3500-Cr.B:2023
270	Bromate (BrO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.0015	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
271	Colour	Pt/Co	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
272	Visible matters (*)	-	Not detected	-	SMEWW 2110:2023
273	Ammonia nitrogen (NH_3-N) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
274	Free chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
275	Total chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
276	Ozone (O_3) content (*)	mg/L	Not detected	0.01	SMEWW 4500-O_3.B:2023
277	Chlorine dioxite content (*)	mg/L	Not detected	0.05	FST-WI15 Chapter 60 (Ref. SMEWW 4500-ClO_2 B (2017))
278	Beryllium (Be) content	mg/L	Not detected	0.0003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
279	Molybdenum (Mo) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
280	Silver (Ag) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
281	Phenols content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 5530 B&C:2023
282	Surfactants (anionic) (*)	mg/L MBAS	Not detected	0.05	FST-WI15 chapter 66 (Prove 300 - Surfactants (anionic) 102552 cell test)
283	Cyanogen chloride content (*)	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN-.J:2023
284	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.03	SMEWW 4110B:2023

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
285	Barium (Ba) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
286	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
287	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
288	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
289	Total hardness (as $CaCO_3$)	mg/L	Not detected	3.00	SMEWW 2340C:2023
290	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
291	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
292	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
293	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
294	Nitrate nitrogen (NO_3^--N) content	mg/L	< LOQ = 0.23	0.07	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
295	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.01	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
296	Iron (Fe) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
297	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
298	Sulfide (S^{2-}) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
299	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
300	Total Dissolved Solids (TDS) content	mg/L	3.69	1.00	SMEWW 2540C:2023
301	Cyanide content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
302	Monochloramine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
303	Vanadium (V) content (*)	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
304	Enterococci	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 7899-2: 2000
305	*E.coli*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

WON: FST260205427-21
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

VILAS 278

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
306	*Clostridium perfringens*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 14189: 2013
307	TPC (22°C)	CFU/mL	Not detected	-	ISO 6222: 1999
308	Coliforms	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016
309	*Legionella* spp.	CFU/L	Not detected	-	ISO 11731:2017
310	*Pseudomonas aeruginosa*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 16266: 2006
311	*Staphylococcus aureus*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	SMEWW 9213B:2023
312	Gross Alpha Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.02	SMEWW 7110B:2023
313	Gross Beta Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.03	SMEWW 7110B:2023
314	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)
315	Thallium (Tl) (**)	mg/L	Not detected	LOQ=0.0001	NAFI6/H-6.4 (Ref.AOAC 993.14/SMEWW 3010B) (ICP-MS)
316	Ra-226 (**)	Bq/L	Not detected	0.20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol (Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC), except for the parameters marked with an asterisk (*)/ *Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu (Δ) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC), ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-24
Date/ *Ngày*: 10-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*)	:	I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/ *CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI*
Name of sample provided by client *(Tên mẫu được khách hàng cung cấp)*	:	Sample : Nước đầu nguồn VĐ1
Sample description (*Mô tả mẫu*)	:	Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*
Source of sample (*Nguồn mẫu*)	:	Sample was submitted by client/ *Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng*
Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*)	:	26-Feb-2026
Date of testing (*Ngày thử nghiệm*)	:	26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
2	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
3	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
4	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
5	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
6	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
7	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
8	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
9	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
10	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
11	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

WON: FST260205427-24
Date/ *Ngày*: 10-Mar-2026

VILAS 278

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
13	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited

Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-25
Date/ *Ngày*: 10-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Nước đầu nguồn VĐ2

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
2	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
3	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
4	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
5	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
6	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
7	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
8	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
9	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
10	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
11	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-25
Date/ *Ngày*: 10-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
13	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. (*) Parameters are not accredited ISO/IEC 17025/ *Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO/IEC 17025.*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch

Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Viết Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

Testing Report / *Phiếu kết quả thử nghiệm*

Client's name (*Tên khách hàng*) : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION/
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Name of sample provided by client (*Tên mẫu được khách hàng cung cấp*) : Sample :
Vòi nước VĐ4

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Sample in plastic bottle/ *Mẫu đựng trong chai nhựa*

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Sample was submitted by client/
Mẫu thử nghiệm được gửi bởi khách hàng

Date of receiving (*Ngày nhận mẫu*) : 26-Feb-2026

Date of testing (*Ngày thử nghiệm*) : 26-Feb-2026

Testing Results / *Kết quả thử nghiệm*

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
1	2-Naphthol (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
2	Acrylamide (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 79 (LC-MS/MS)
3	Benzene (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
4	Benzo [a] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
5	Bisphenol A (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 30-1 (HPLC/FLD)
6	1,2-Dichloroethane (*)	µg/L	Not detected	3.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
7	Epichlorohydrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
8	Monochloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
9	Dichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
10	Trichloroacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
11	Monobromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
12	Dibromoacetic acid (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
13	Microcystin-LR (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI01 chapter 99 (Ref. EPA method 544:2015) (LC-MS/MS)
14	Benzo [b] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
15	Benzo [g,h,i] perylene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
16	Benzo [k] fluoranthene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
17	Indenol [1,2,3-c,d] pyrene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
18	Trichloroethene (Trichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
19	Trihalomethanes total (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
20	Bromoform (Tribromomethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
21	Chlorodibromomethane (Dibromochloromethane) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
22	Vinyl chloride (Chloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	0.30	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
23	Chlordecone (Kepone) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
24	Aldrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
25	Camphechlor (Toxaphene) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
26	Dieldrin (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
27	Heptachlor (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
28	Heptachlor-exo-epoxide (*)	µg/L	Not detected	0.03	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
29	Isodrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
30	Pentachloroanisole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
31	2,4 DDD (2,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
32	2,4-DDE (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
33	2,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
34	4,4 DDD (4,4 TDE) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
35	4,4-DDT (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
36	Alpha-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
37	Alpha-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
38	Atrazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
39	Azinphos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
40	Beta-endosulfan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
41	Bromophos-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
42	Chlorfenvinphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
43	Chlorothalonil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
44	Coumaphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
45	Cyfluthrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
46	Cyhalothrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
47	Cypermethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
48	Delta-HCH (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
49	Deltamethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
50	Diazinon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
51	Dicofol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
52	Dicrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
53	Dimethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
54	Endosulfan-sulfate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
55	Endrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
56	Fenchlorphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
57	Fenitrothion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
58	Fenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
59	Hexachlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
60	Lindane (gama-HCH/gama BHC) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
61	Malathion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
62	Methamidophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
63	Methoxychlor (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
64	Mirex (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
65	Monocrotophos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
66	Omethoate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
67	Parathion-ethyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
68	Parathion-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
69	Permethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
70	Phosphamidon (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
71	Profenofos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
72	Propetamphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
73	Quinalphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
74	Esfenvalerate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
75	Diflubenzuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
76	Alachlor (Methachlor) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
77	Chlordimeform (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
78	Chlozolinate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
79	Dichlofluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
80	Flumethrin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
81	Kelevan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
82	Mevinphos (Phosdrin) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
83	Propanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
84	Simazine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
85	Strobane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
86	TCMTB/Busan (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
87	Telodrin (Isobenzan) (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
88	Tetrachlorophenol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
89	Tolylfluanid (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
90	Vinclozolin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
91	2,4 D (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
92	Chlordane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
93	Demeton (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
94	Dichloprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
95	Dinoseb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
96	Dinoterb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
97	Diuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
98	DNOC (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
99	Linuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 80 (LC-MS/MS)
100	MCPA (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
101	MCPB (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
102	Mecoprop (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
103	Monolinuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
104	Triflumuron (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
105	Aldicarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
106	Carbaryl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
107	Carbendazim (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
108	2,4,5-T (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
109	Paraquat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 53 (Ref. AOAC 2007.01) (LC-MS/MS)
110	Dichloran (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
111	Edifenphos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
112	Fluopyram (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
113	Flutolanil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
114	Fluxapyroxad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
115	Metalaxyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
116	Metrafenone (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
117	Penthiopyrad (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
118	Prochloraz (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
119	Ethion (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
120	Uniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
121	Quinoclamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
122	Bitertanol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
123	Chinomethionat (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
124	Chlorobenzilate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
125	Cyproconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
126	Diclobutrazol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
127	Diphenylamine (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
128	Chlorpyrifos (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
129	Chlorpyrifos-methyl (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
130	Dimethipin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
131	Diethofencarb (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
132	Difenoconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
133	Cyprodinil (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
134	Azoxystrobin (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
135	Acephate (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
136	Isoprothiolane (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
137	Fenarimol (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
138	Diniconazole (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
139	Simetryn (*)	µg/L	Not detected	0.10	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
140	Perfluorobutanoic acid (PFBA)	µg/L	Not detected	0.03	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
141	Perfluoropentanoic acid (PFPeA) (PFPA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
142	Perfluorohexanoic acid (PFHxA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
143	Perfluoroheptanoic acid (PFHpA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
144	Perfluorooctanoic acid (PFOA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
145	Perfluorononanoic acid (PFNA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
146	Perfluorodecanoic acid (PFDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
147	Perfluoroundecanoic acid (PFUnDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
148	Perfluorododecanoic acid (PFDoDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
149	Perfluorotridecanoic acid (PFTrDA)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
150	Perfluorobutane sulfonic acid (PFBS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
151	Perfluoropentane sulfonic acid (PFPS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
152	Perfluorohexane sulfonic acid (PFHxS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
153	Perfluoroheptane sulfonic acid (PFHpS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
154	Perfluorooctane sulfonic acid (PFOS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
155	Perfluorononane sulfonic acid (PFNS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
156	Perfluorodecane sulfonic acid (PFDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
157	Perfluoroundecane sulfonic acid (PFUnDS)(PFUdS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
158	Perfluorododecane sulfonic acid (PFDoDS)(PFDoS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
159	Perfluorotridecane sulfonic acid (PFTrDS)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
160	Sum of PFAS (sum of 20 items)	µg/L	Not detected	0.003	FST- WI01 chapter 95 (2023) (Ref. US FDA-CAM-C-010.02 and Ref. ISO 21675:2019) (LC-MS/MS)
161	Chloroform (Trichloromethane) (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
162	Perchlorate	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70 (2024) (Ref. QuPPe-PO version 12.2_EURL-SRM) (LC-MS/MS)
163	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
164	1,1-Dichloroethylene (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
165	Tetrachloroethene (Tetrachloroethylene) (*)	mg/L	Not detected	0.008	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
166	1,4-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
167	Hexachlorobenzene	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
168	Dimethoate (*)	mg/L	Not detected	0.005	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
169	Bentazone (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
170	Chlorothalonil	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
171	Glyphosate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 70-1 (LC-MS/MS)
172	Dichlorvos	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
173	Deltamethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
174	Acetochlor (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
175	Di(2-ethylhexyl) adipate (Bis(2-ethylhexyl) adipate)) (*)	µg/L	Not detected	80.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
176	2-Methylisoborneol (2- MIB)	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
177	Geosmin	µg/L	Not detected	0.01	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
178	BHC (HCH)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
179	Parathion	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
180	Lindane (gama-HCH/gama BHC)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
181	Trichlorfon (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
182	Thiophanate Methyl (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
183	Isoprothiolane (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
184	Acephate (*)	mg/L	Not detected	0.01	FST-WI01 chapter 56-4 (LC-MS/MS)
185	Chloral hydrate (Trichloroacetaldehyde) (*)	µg/L	Not detected	0.70	FST-WI06 chapter 44 (2025) (GC/µECD)
186	1,2-Dibromoethane (Ethylene dibromide) (*)	mg/L	Not detected	0.00005	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
187	Acrylonitrile (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
188	Acrolein (*)	mg/L	Not detected	0.06	FST-WI06 chapter 41 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
189	Diethyl phthalate (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
190	Dibutyl phthalate (Di-n-butyl phthalate) (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
191	PAHs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 26 (2023) (GC-MS/MS)
192	PCBs (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 18 (2021) (GC-MS/MS)
193	1,1,1-Trichloroethane (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
194	1,2-Dichloroethene (1,2-dichloroethylene) (*)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
195	Carbon tetrachloride (Tetrachloromethane) (*)	µg/L	Not detected	2.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
196	Dichloromethane (Methylene chloride) (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
197	Ethylbenzene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
198	Pentachlorophenol (PCP) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
199	Styrene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
200	Toluene (Methylbenzene) (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
201	Xylene (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
202	1,2-Dichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
203	Monochlorobenzene (Chlorobenzene) (*)	µg/L	Not detected	100	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
204	Trichlorobenzene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
205	Hexachlorobutadiene (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
206	1,2-Dibromo-3-chloropropane (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
207	1,2-Dichloropropane (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
208	1,3-Dichloropropene (*)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
209	2,4 DB (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
210	Atrazine	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
211	Atrazine-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
212	Atrazine-desethyl (Deethylatrazin) (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
213	Atrazine-desethyl-desisopropyl (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
214	Carbofuran (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 chapter 28 (Ref. EN 15662) (LC-MS/MS)
215	Chlorotoluron (*)	µg/L	Not detected	10.0	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
216	Cyanazine (*)	µg/L	Not detected	0.60	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
217	DDD (TDE)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
218	DDE	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
219	DDT	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
220	Fenoprop (2,4,5-TP) (*)	mg/L	Not detected	0.001	FST-WI01 chapter 52 (LC-MS/MS)
221	Hydroxy atrazine (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
222	Isoproturon (*)	µg/L	Not detected	5.00	FST-WI01 Chapter 56 (Ref EN 15662) (LC-MS/MS)
223	Methoxychlor	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
224	Molinate (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
225	Pendimethalin (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
226	Permethrin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
227	Propanil (*)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (GC-MS/MS)
228	Trifluralin	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 41 (2025) (Ref. AOAC 990.06) (GC-MS/MS)
229	2,4,6-Trichlorophenol (*)	mg/L	Not detected	0.02	FST-WI06 chapter 38 (2023) (GC-MS/MS)
230	Formaldehyde (*)	µg/L	Not detected	500	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC-MS/MS)
231	Bromodichloromethane (Dichlorobromomethane) (*)	µg/L	Not detected	60.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (HS- GC/MS)
232	Dibromoacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	50.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
233	Dichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	20.0	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
234	Trichloroacetonitrile (Δ)	µg/L	Not detected	1.00	FST-WI06 chapter 44 (2025) (Ref. EPA Method 551.1) (GC/µECD)
235	Antimony (Sb) content	mg/L	Not detected	0.0012	FST-WI04 chapter 55 (2023) (Ref. US EPA 7062:1994)
236	Arsenic (As) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
237	Boron (B) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
238	Bromate (BrO_3^-) content	µg/L	Not detected	1.50	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
239	Cadmium (Cd) content	µg/L	Not detected	0.25	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
240	Chlorate (ClO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
241	Chlorite (ClO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.003	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
242	Chromium (Cr) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
243	Copper (Cu) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
244	Cyanide content	µg/L	Not detected	1.50	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
245	Fluoride (F^-) content	mg/L	< LOQ = 0.10	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
246	Lead (Pb) content	µg/L	Not detected	1.00	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
247	Mercury (Hg) content	µg/L	Not detected	0.15	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
248	Nickel (Ni) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
249	Nitrate (NO_3^-) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
250	Nitrate (NO_3^-)/50 + Nitrite (NO_2^-)/3 (*)	-	< 0.03	-	Calculation
251	Nitrite (NO_2^-) content	mg/L	Not detected	0.03	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
252	Selenium (Se) content	µg/L	Not detected	1.20	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
253	Aluminium (Al) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
254	Ammonium (NH_4^+) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
255	Chloride (Cl^-) content	mg/L	< LOQ = 10.0	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
256	Colour	TCU	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
257	Conductivity (at 20°C)	µScm-¹	7.02	0.30	SMEWW 2510B:2023
258	pH	-	6.84	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
259	Iron (Fe) content	µg/L	Not detected	15.0	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
260	Manganese (Mn) content	µg/L	Not detected	3.00	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
261	Odour (*)	-	Odourless	-	SMEWW 2150B:2023
262	Permanganate index	mg/L	Not detected	0.20	TCVN 6186:1996

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

Intertek Vietnam Limited
Can Tho City - Food Office & Laboratory: M10, 11, 12, 13 Nam Song Can Tho Urban Area, Thanh Thuan Area, Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam
HCM City-Food Laboratory: Lot II-1, Group CN II, Tan Binh IP, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
263	Sulfate (SO_4^{2-}) content	mg/L	Not detected	3.00	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
264	Sodium (Na) content	mg/L	< LOQ = 1.00	0.30	SMEWW 3111B:2023 (AAS)
265	Taste (*)	-	Tasteless	-	SMEWW 2160B:2023
266	Total Organic Carbon (TOC) content	mg/L	Not detected	0.60	SMEWW 5310B:2023
267	Turbidity	NTU	Not detected	0.30	SMEWW 2130B:2023
268	Arsenic (As) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
269	Cr(VI) content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 3500-Cr.B:2023
270	Bromate (BrO_3^-) content	mg/L	Not detected	0.0015	US EPA 300.1: 1999 (IC-CD)
271	Colour	Pt/Co	Not detected	1.50	SMEWW 2120C:2023
272	Visible matters (*)	-	Not detected	-	SMEWW 2110:2023
273	Ammonia nitrogen (NH_3-N) content	mg/L	Not detected	0.05	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
274	Free chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
275	Total chlorine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
276	Ozone (O_3) content (*)	mg/L	Not detected	0.01	SMEWW 4500-O_3.B:2023
277	Chlorine dioxite content (*)	mg/L	Not detected	0.05	FST-WI15 Chapter 60 (Ref. SMEWW 4500-ClO_2 B (2017))
278	Beryllium (Be) content	mg/L	Not detected	0.0003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
279	Molybdenum (Mo) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
280	Silver (Ag) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
281	Phenols content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 5530 B&C:2023
282	Surfactants (anionic) (*)	mg/L MBAS	Not detected	0.05	FST-WI15 chapter 66 (Prove 300 - Surfactants (anionic) 102552 cell test)
283	Cyanogen chloride content (*)	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN-.J:2023
284	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.03	SMEWW 4110B:2023

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
285	Barium (Ba) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
286	Cadmium (Cd) content	mg/L	Not detected	0.00025	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
287	Lead (Pb) content	mg/L	Not detected	0.001	SMEWW 3113B:2023 (AAS)
288	Chromium (Cr) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
289	Total hardness (as $CaCO_3$)	mg/L	Not detected	3.00	SMEWW 2340C:2023
290	Zinc (Zn) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
291	Manganese (Mn) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
292	Aluminium (Al) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
293	Nickel (Ni) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
294	Nitrate nitrogen (NO_3^--N) content	mg/L	< LOQ = 0.23	0.07	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
295	Nitrite nitrogen (NO_2^--N) content	mg/L	Not detected	0.01	TCVN 6494-1: 2011 (ISO 10304-1 : 2007) (IC-CD)
296	Iron (Fe) content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
297	Selenium (Se) content	mg/L	Not detected	0.0012	SMEWW 3114B&C:2023 (AAS)
298	Sulfide (S^{2-}) content	mg/L	Not detected	0.003	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
299	Mercury (Hg) content	mg/L	Not detected	0.00015	SMEWW 3112B:2023 (AAS)
300	Total Dissolved Solids (TDS) content	mg/L	3.65	1.00	SMEWW 2540C:2023
301	Cyanide content	mg/L	Not detected	0.0015	SMEWW 4500-CN^-.C&E:2023
302	Monochloramine content	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 4500-Cl.G:2023
303	Vanadium (V) content (*)	mg/L	Not detected	0.015	SMEWW 3120B:2023 (ICP-OES)
304	Enterococci	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 7899-2: 2000
305	*E.coli*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

intertek
Total Quality. Assured.

VILAS 278

WON: FST260205427-20
Date/ *Ngày*: 27-Mar-2026

No./ *STT*	Parameters / *Chỉ tiêu*	Unit / *Đơn vị*	Result / *Kết quả*	LOD / *Giới hạn phát hiện*	Method / *Phương pháp*
306	*Clostridium perfringens*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 14189: 2013
307	TPC (22°C)	CFU/mL	Not detected	-	ISO 6222: 1999
308	Coliforms	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016
309	*Legionella* spp.	CFU/L	Not detected	-	ISO 11731:2017
310	*Pseudomonas aeruginosa*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	ISO 16266: 2006
311	*Staphylococcus aureus*	CFU/ 100 mL	Not detected	-	SMEWW 9213B:2023
312	Gross Alpha Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.02	SMEWW 7110B:2023
313	Gross Beta Activity (**)	Bq/L	Not detected	0.03	SMEWW 7110B:2023
314	Uranium (U238) (**)	µg/L	Not detected	20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)
315	Thallium (Tl) (**)	mg/L	Not detected	LOQ=0.0001	NAFI6/H-6.4 (Ref.AOAC 993.14/SMEWW 3010B) (ICP-MS)
316	Ra-226 (**)	Bq/L	Not detected	0.20	AOAC 996.05 (Low-background gamma-ray spectrometer)

Note/ *Ghi chú:*

1. This testing result is only valid on tested sample/ *Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
2. LOD: Limit of detection/ *Giới hạn phát hiện.*
3. LOQ: Limit of quantification/ *Giới hạn định lượng.*
4. All parameters were accredited ISO/IEC 17025 by BoA or AOSC (symbol (Δ) after the parameters are accredited ISO/IEC 17025 by AOSC), except for the parameters marked with an asterisk (*)/ *Tất cả các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025 bởi BoA hoặc AOSC (ký hiệu (Δ) sau chỉ tiêu là được công nhận ISO/IEC 17025 bởi AOSC), ngoại trừ những chỉ tiêu được đánh dấu (*).*
5. (**) Samples are sent to subcontractor/ *Mẫu được gởi đến nhà thầu phụ.*

On behalf of Intertek Vietnam - Cantho branch
Director/ *Giám đốc*

CÔNG TY TNHH INTERTEK VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cao Việt Thanh

This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of service which is available on request and at http://www.intertek.com/terms.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

PHÒNG QLCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Lấp Vò, ngày 09 tháng 02 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thông về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảo bảo ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông Nghiệp

Tên Cơ Sở sản xuất, kinh doanh: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, Ấp An Thạnh, Xã Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0303141296, đăng ký lần 22 ngày: 23/09/2025

Điện thoại: 0277 680 383

Xác nhận các ông bà có tên trong danh sách đào tạo (QT6.2.2/HCNS02-BM4) ngày 02/02/2026, 03/02/2026, 04/02/2026, 05/02/2026, 06/02/2026, 07/02/2026 đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(Ký tên đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Lê Văn Cảnh

I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
National Road 80, Vam Cong IP, An Thanh, Binh Thanh, Lap Vo District, Dong Thap Province, Vietnam
Tel: 0277 368 0383 Website: www.idiseafood.com

Document No.: QT6.2.2/HCNS02-BM3
Effective date: 01/12/2025
Issue no.: 04
Revise no.: 00

DANH SÁCH THAM DỰ ĐÀO TẠO
THE LIST OF THE TRAINEE

Stt No.	Họ và Tên *(The name of the trainee)*	CD/CV *(position)*	Thời gian đào tạo *(the date of the training)* Từ 8h00-17h00 04/02/2026 05/02/2026 06/02/2026 07/02/2026	Ký tên *(Sign)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Nguyễn Thị Thanh Lợi	CNCL	X	Lợi
2	Nguyễn Thị Ngọc Nồng	CNCL	X	Nồng
3	Đỗ Thị Kim Dung	CNCL	X	Dung
4	Nguyễn Thị Huyền	CNCL	X	Huyền
5	Nguyễn Thế Hưng	CNCL	X	Hưng
6	Văng Công Phi	CNCL	X	Phi
7	Võ Thị Kim Tiên	CNCL	X	Tiên
8	Bùi Lê Thị Kim Nhung	CNCL	X	Nhung
9	Nguyễn Thanh Cao	CNCL	X	Cao
10	Võ Kim Loan	CNCL	X	Loan
11	Đặng Thái Bảo	CNCL	X	Bảo
12	Phạm Đồng Duy	CNCL	X	Duy
13	Đặng Phú Quí	CNCL	X	Quí
14	Nguyễn Thị Yến Ngọc	CNCL	X	Ngọc
15	Hồ Hoàng Thơ	CNCL	X	Thơ
16	Nguyễn Thị Thanh Hoa	CNCL	X	Hoa
17	Trần Thị Quyền	CNCL	X	Quyền
18	Nguyễn Phú Chương	CNCL	X	Chương
19	Nguyễn Kim Thiêu	CNCL	X	Thiêu
20	Mai Thị Kim Thanh	CNCL	X	Thanh
21	Trần Thị Thanh Tuyền	CNCL	X	Tuyền
22	Trần Thị Tuyết Nhung	CNCL	X	Nhung
23	Lê Thị Bích Thuận	CNCL	X	Thuận
24	Trần Thị Kim Loan	CNCL	X	Loan
25	Thái Thị Ngọc Yến	CNCL	X	Yến

26	Lê Thị An Minh	CNCL	X	
27	Trương Hoàng Phong	CNCL	X	
28	Văng Công Phúc	CNCL	X	
29	Bùi Diệp Mỹ Huyền	CNCL	X	
30	Đặng Thị Ngọc Giàu	CNCL	X	
31	Nguyễn Thị Tốt	CNCL	X	
32	Trần Ngọc Quý	CNCL	X	
33	Trần Quang Học	CNCL	X	
34	Nguyễn Chánh Tín	CNCL	X	
35	Nguyễn Phương Toàn	CNCL	X	
36	Nguyễn Thị Diễm Phương	CNCL	X	
37	Trần Thị Kim Anh	CNCL	X	
38	Nguyễn Thị Ngọc	CNCL	X	
39	Nguyễn Thị Thùy Trang	CNCL	X	
40	Võ Thị Hồng Thắm	CNCL	X	
41	Nguyễn Thái Tâm	CNCL	X	
42	Trần Thị Bích Trâm	CNCL	X	
43	Trần Thanh Phong	CNCL	X	
44	Dương Văn Lập	CNTN	X	
45	Nguyễn Khoa Cảnh	CNTN	X	
46	Nguyễn Hoàng Phúc	CNTN	X	
47	Nguyễn Minh Phát	CNTN	X	
48	Phạm Hữu Hiệp	CNTN	X	
49	Nguyễn Văn Út Nhỏ	CNTN	X	
50	Võ Văn Tha	CNTN	X	
51	Diệp Hữu Thanh	CNTN	X	
52	Trịnh Đình Linh	CNTN	X	
53	Đoàn Thanh Sơn	CNTN	X	
54	Nguyễn Văn Quang	CNTN	X	
55	Võ Văn Chiến	CNTN	X	
56	Nguyễn Thanh Sang	CNTN	X	
57	Trần Văn Út Hiền	CNTN	X	
58	Nguyễn Văn Diễn	CNTN	X	
59	Trà Kim Thuận	CNTN	X	
60	Lê Văn Linh	CNTN	X	
61	Lê Minh Hiển	CNTN	X	
62	Trần Văn Bảy	CNTN	X	
63	Nguyễn Văn Bình	CNTN	X	

64	Nguyễn Văn Phú	CNTN	X	Phú
65	Nguyễn Ngọc Nghiêm Em	CNTN	X	Em
66	Dương Văn Thanh	CNTN	X	Thanh
67	Nguyễn Văn Biết	CNTN	X	Biết
68	Lê Thanh Cần	CNTN	X	Cần
69	Huỳnh Tấn Phú	CNTN	X	Phú
70	Huỳnh Văn Thọ	CNFL	X	Thọ
71	Nguyễn Văn Tạo	CNFL	X	Tạo
72	Huỳnh Ngọc Mể	CNFL	X	Mể
73	Nguyễn Văn Cường	CNFL	X	Cường
74	Trương Ngọc Qui	CNFL	X	Qui
75	Huỳnh Văn Phước	CNFL	X	Phước
76	Huỳnh Thanh Bình	CNFL	X	Bình
77	Phạm Thanh Hùng	CNFL	X	Hùng
78	Nguyễn Văn Múa	CNFL	X	Múa
79	Trương Văn Sang	CNFL	X	Sang
80	Ngô Trọng Văn	CNFL	X	Văn
81	Nguyễn Văn Lẹt	CNFL	X	Lẹt
82	Trần Quốc Viễn	CNFL	X	Viễn
83	Tạ Văn Lắm Anh	CNFL	X	Anh
84	Nguyễn Hoàng Minh	CNFL	X	Minh
85	Nguyễn Tính Trọng	CNFL	X	Trọng
86	Trần Văn Nhàn	CNFL	X	Nhàn
87	Nguyễn Hoàng Tuấn	CNFL	X	Tuấn
88	Huỳnh Văn Trọng	CNFL	X	Trọng
89	Phạm Vũ Linh Em	CNFL	X	Em
90	Nguyễn Thành Hiếu	CNFL	X	Hiếu
91	Nguyễn Vũ Linh	CNFL	X	Linh
92	Trần Hữu Tính	CNFL	X	Tính
93	Trần Thanh Thân	CNFL	X	Thân
94	Lý Thị Thu	CNFL	X	Thu
95	Nguyễn Văn Phụng	CNFL	X	Phụng
96	Nguyễn Thị Sự	CNFL	X	Sự
97	Trương Minh Trí	CNFL	X	Trí
98	Trần Văn Bé	CNFL	X	Bé
99	Nguyễn Văn Hiếu	CNFL	X	Hiếu
100	Hà Văn Bảo	CNFL	X	Bảo
101	Võ Tiếng Em	CNFL	X	Em

102	Trương Chí Công	CNFL	X	Công
103	Nguyễn Tuấn Lê	CNFL	X	Lê
104	Trần Vĩnh Phú	CNFL	X	Phú
105	Trần Phú Vinh	CNFL	X	Vinh
106	Trần Thị Bích Tuyền	CNFL	X	Tuyền
107	Lê Thị Phượng Em	CNFL	X	Em
108	Bùi Văn Điệu	CNFL	X	Điệu
109	Võ Thị Kim Dung	CNFL	X	Dung
110	Nguyễn Thị Kim Anh	CNFL	X	Anh
111	Lê Trí Dũng	CNFL	X	Dũng
112	Nguyễn Trọng Bình	CNFL	X	Bình
113	Trương Vũ Luân	CNFL	X	Luân
114	Nguyễn Hoài Nam	CNFL	X	Nam
115	Trần Văn Hồng kông	CNFL	X	Kông
116	Đỗ Thị Hảo	CNFL	X	Hảo
117	Nguyễn Hoàng Sơn	CNFL	X	Sơn
118	Lê Minh Nhân	CNFL	X	Nhân
119	Nguyễn Minh Toàn	CNFL	X	Toàn
120	Đoàn Minh Hải	CNFL	X	Hải
121	Võ Thị Cẩm Nhung	CNFL	X	Nhung
122	Trương Minh Tuyết	CNFL	X	Tuyết
123	Võ Đăng Khôi	CNFL	X	Khôi
124	Trần Thị Thùy Dương	CNFL	X	Dương
125	Nguyễn Thành Luân	CNFL	X	Luân
126	Võ Thị Huỳnh Như	CNFL	X	Như
127	Nguyễn Thị Trúc Lan	CNFL	X	Lan
128	Nguyễn Thị Minh Thư	CNFL	X	Thư
129	Hồ Thị Minh Như	CNFL	X	Như
130	Nguyễn Minh Mẫn	CNFL	X	Mẫn
131	Nguyễn Minh Thảo	CNFL	X	Thảo
132	Hồ Thị Mỹ Ngọc	CNFL	X	Ngọc
133	Nguyễn Trọng Tính	CNFL	X	Tính
134	Võ Văn Buôl	CNFL	X	Buôl
135	Phạm Thị Ngọc Bích	CNFL	X	Bích
136	Lê Hoàng Giàu	CNFL	X	Giàu
137	Bùi Văn Ý	CNFL	X	Ý
138	Phan Hữu Thành	CNFL	X	Thành
139	Nguyễn Hữu Lập	CNFL	X	Lập

140	Võ Ngọc Hiền	CNFL	X	Hiền
141	Đỗ Thị Thu Trang	CNFL	X	Trang
142	Trà Hữu Nhân	CNFL	X	Nhân
143	Trần Văn Hài	CNFL	X	Hải
144	Võ Ngọc Hậu	CNFL	X	Hậu
145	Trương Thanh Thức	CNFL	X	Thức
146	Nguyễn Thanh Tòng	CNFL	X	Tòng
147	Nguyễn Thị Cẩm	CNFL	X	Cẩm
148	Nguyễn Thị Kim Duyên	CNFL	X	Duyên
149	Huỳnh Thị Diễm Thùy	CNFL	X	Thùy
150	Lê Công Toại	CNFL	X	Toại
151	Huỳnh Văn Chí Tâm	CNFL	X	Tâm
152	Võ Thị Kim Huệ Em	CNFL	X	Em
153	Lê Tùng Lâm	CNFL	X	Lâm
154	Lê Thị Thúy Loan	CNFL	X	Loan
155	Lê Thị Kim Đồng	CNFL	X	Đồng
156	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	CNFL	X	Thúy
157	Lê Thị Dung	CNFL	X	Dung
158	Hứa Thị Ly	CNFL	X	Ly
159	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	CNFL	X	Hồng
160	Đoàn Thị Tuyết Trinh	CNFL	X	Trinh
161	Đặng Thị Thủy	CNFL	X	Thủy
162	Mai Trường Vũ	CNFL	X	Vũ
163	Huỳnh Thị Thanh Ngân	CNFL	X	Ngân
164	Nguyễn Thị Kim Huê	CNFL	X	Huê
165	Dương Chai	CNFL	X	Chai
166	Trần Công Trí	CNFL	X	Trí
167	Lê Văn Oai	CNFL	X	Oai
168	Hà Phước Tiên	CNFL	X	Tiên
169	Trần Thị Kim Thủy	CNFL	X	Thủy
170	Lê Kim Luyến	CNFL	X	Luyến
171	Nguyễn Thị Thắm	CNFL	X	Thắm
172	Lê Thị Nhanh	CNFL	X	Nhanh
173	Nguyễn Lấn Em	CNFL	X	Em
174	Lê Thị Thơm	CNFL	X	Thơm
175	Nguyễn Thị Cẩm Loan	CNFL	X	Loan
176	Phạm Thị Lượm	CNFL	X	Lượm
177	Nguyễn Thị Nga	CNFL	X	Nga

178	Võ Thị Ngọc Nhí	CNFL	x	Nhí
179	Trần Kim Oanh	CNFL	x	Oanh
180	Đỗ Văn Nguyên	CNFL	x	Nguyên
181	Nguyễn Văn Hậu	CNFL	x	Hậu
182	Nguyễn Mạnh Cường	CNFL	x	Cường
183	Trần Huỳnh Bửu Thiện	CNFL	x	Thiện
184	Trần Văn Thảo	CNFL	x	Thảo
185	Lê Thị Kim Huệ	CNFL	x	Huệ
186	Phạm Long Hà	CNFL	x	Hà
187	Nguyễn Thành Luân	CNFL	x	Luân
188	Nguyễn Lập Em	CNFL	x	Em
189	Nguyễn Hoàng Phúc	CNFL	x	Phúc
190	Lê Văn Nhờ	CNFL	x	Nhờ
191	Nguyễn Thị Kim Hoa	CNFL	x	Hoa
192	Đoàn Thị Bích Trâm	CNFL	x	Trâm
193	Nguyễn Thị Thùy Linh	CNFL	x	Linh
194	Trần Văn Trung	CNFL	x	Trung
195	Phạm Văn Lụa	CNFL	x	Lụa
196	Trương Minh Mẫn	CNFL	x	Mẫn
197	Lê Thị Thu Hương	CNFL	x	Hương
198	Trần Quốc Thái	CNFL	x	Thái
199	Phan Triệu Quy	CNFL	x	Quy
200	Huỳnh Thắng Lợi	CNFL	x	Lợi
201	Trương Vũ Em	CNFL	x	Em
202	Lương Thị Quyên	CNFL	x	Quyên
203	Trương Hoàng Tuấn	CNFL	x	Tuấn
204	Ngô Thị Như Ngọc	CNFL	x	Ngọc
205	Nguyễn Văn Thiện	CNFL	x	Thiện
206	Âu Công Dũng	CNFL	x	Dũng
207	Nguyễn Trọng Phúc	CNFL	x	Phúc
208	Nguyễn Hoàng Thanh	CNFL	x	Thanh
209	Trần Thanh Phong	CNFL	x	Phong
210	Nguyễn Ngọc Luận	CNFL	x	Luận
211	Mai Thanh Phong	CNFL	x	Phong
212	Văng Công Xuyên	CNFL	x	Xuyên
213	Trần Văn Thái	CNFL	x	Thái
214	Dương Minh Phước	CNFL	x	Phước
215	Trần Ngọc Thiện	CNFL	x	Thiện

216	Nguyễn Mai Nhơn	CNFL	X	Nhơn
217	Mai Thiện Đúng	CNFL	X	Đúng
218	Huỳnh Văn Phương	CNFL	X	Phương
219	Mai Văn Tính	CNFL	X	Tính
220	Lê Hữu Nghĩa	CNFL	X	Nghĩa
221	Đào Học Sĩ	CNFL	X	Sĩ
222	Trần Văn Hùng	CNFL	X	Hùng
223	Võ Tấn Lộc	CNFL	X	Lộc
224	Nguyễn Tấn Khoa	CNFL	X	Khoa
225	Đặng Thanh Sang	CNFL	X	Sang
226	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CNFL	X	Thúy
227	Trần Văn Cần	CNFL	X	Cần
228	Lê Văn Lý	CNFL	X	Lý
229	Phạm Minh Tâm	CNFL	X	Tâm
230	Nguyễn Thành Mau	CNFL	X	Mau
231	Giáp Hữu Luân	CNFL	X	Luân
232	Dương Văn Nhả	CNFL	X	Nhả
233	Nguyễn Thanh Chiến	CNFL	X	Chiến
234	Lê Văn Ngoan	CNFL	X	Ngoan
235	Nguyễn Tuấn Thanh	CNFL	X	Thanh
236	Nguyễn Công Minh	CNFL	X	Minh
237	Võ Nhựt Hào	CNFL	X	Hào
238	Nguyễn Văn Tuấn	CNFL	X	Tuấn
239	Huỳnh Văn Khánh	CNFL	X	Khánh
240	Nguyễn Thị Lèo	CNFL	X	Lèo
241	Nguyễn Văn Triều	CNFL	X	Triều
242	Trương Quốc Huy	CNFL	X	Huy
243	Nguyễn Văn Thủ	CNFL	X	Thủ
244	Lê Văn Quí	CNFL	X	Quí
245	Võ Văn Nhớ	CNFL	X	Nhớ
246	Nguyễn Tấn Tài	CNFL	X	Tài
247	Trương Tuyết Hồng	CNFL	X	Hồng
248	Bùi Lê Mai Quỳnh	CNFL	X	Quỳnh
249	Nguyễn Thị Xuyến	CNFL	X	Xuyến
250	Nguyễn Tấn Đạt	CNFL	X	Đạt
251	Nguyễn Tấn Phát	CNFL	X	Phát
252	Bùi Văn Ca	CNFL	X	Ca
253	Nguyễn Thị Tiến	CNFL	X	Tiến

254	Nguyễn Thanh Sang	CNFL	x	Sang
255	Phạm Văn Quy	CNFL	x	Quý
256	Phan Thanh Liêm	CNFL	x	
257	Nguyễn Văn Bé Ba	CNFL	x	Ba
258	Trần Quốc An	CNFL	x	An
259	Lê Thị Ngọc Tuyền	CNFL	x	Tuyền
260	Bùi Quốc Khánh	CNFL	x	Khánh
261	Huỳnh Thị Mận	CNFL	x	Mận
262	Ngô Thanh Hoàng Em	CNFL	x	Em
263	Nguyễn Thị Quí Hợp	CNFL	x	Hợp
264	Lâm Thị Cẩm Thúy	CNFL	x	Thúy
265	Đỗ Thị Kim Thúy	CNFL	x	Thuy
266	Đỗ Thị Kim Thoa	CNFL	x	Thoa
267	Lê Minh Đăng	CNFL	x	Đang
268	Nguyễn Tấn Tài	CNFL	x	Tài
269	Nguyễn Thanh Tân	CNFL	x	Tân
270	Trình Phước Lợi	CNFL	x	Lợi
271	Dương Văn Ngoan	CNFL	x	Ngoan
272	Nguyễn Văn Hưởng	CNFL	x	Hưởng
273	Nguyễn Thị Hương	CNFL	x	Hương
274	Trần Văn Lành	CNFL	x	Lành
275	Nguyễn Thảo Em	CNFL	x	Em
276	Trần Minh Hiền	CNFL	x	Hiền
277	Huỳnh Ngọc Hữu	CNFL	x	Hữu
278	Võ Hoàng Anh	CNFL	x	Anh
279	Nguyễn Tấn Phát	CNFL	x	Phát
280	Trần Thanh Phong	CNFL	x	Phong
281	Đỗ Phúc Hậu	CNFL	x	Hậu
282	Phạm Văn Tiểu	CNFL	x	Tiểu
283	Trần Quốc Cư	CNFL	x	Cư
284	Trần Hồng Tâm	CNFL	x	Tâm
285	Dương Thị Bé Hai	CNFL	x	Hai
286	Nguyễn Văn Sáu	CNFL	x	Sáu
287	Trần Công Định	CNFL	x	Định
288	Phạm Minh Cường	CNFL	x	Cường
289	Lê Hoàng Thắm	CNFL	x	Thắm
290	Phạm Trung Tính	CNFL	x	Tính
291	Nguyễn Thị Khánh An	CNFL	x	An

292	Nguyễn Minh Vương	CNFL	X	
293	Trần Minh Quân	CNFL	X	
294	Đỗ Văn Ảnh	CNFL	X	
295	Huỳnh Văn Mẫu	CNFL	X	
296	Trần Văn Tuấn Khanh	CNFL	X	
297	Trần Thị Thủy	CNFL	X	
298	Trần Thị Trắng	CNFL	X	
299	Trần Thị Kim Pha	CNFL	X	
300	Đặng Thanh Lộc	CNFL	X	
301	Trần Ngọc Như	CNFL	X	
302	Nguyễn Văn Tình	CNFL	X	
303	Lê Văn Hiền	CNFL	X	
304	Trương Thị Như Ý	CNFL	X	
305	Phạm Tuấn Linh	CNFL	X	
306	Nguyễn Thị Xuân Liễu	CNFL	X	
307	Đoàn Thị Diệu Nga	CNFL	X	
308	Ngô Thị Hồng Cúc	CNFL	X	
309	Nhan Thành Hạnh	CNFL	X	
310	Phạm Thị Kiều Trang	CNFL	X	
311	Nguyễn Đức Hóa	CNFL	X	
312	Nhan Thành Hiếu	CNFL	X	
313	Trần Thị Huỳnh Như	CNFL	X	
314	Danh Thị Đủ	CNFL	X	
315	Phan Thị Kiều An	CNFL	X	
316	Nguyễn Thị Huỳnh Như	CNFL	X	
317	Phan Văn Đoàn	CNFL	X	
318	Phan Văn Tùng	CNFL	X	
319	Mạch Hữu Lộc	CNFL	X	
320	Võ Trí Thức	CNFL	X	
321	Trần Thị Đẹp	CNFL	X	
322	Trần Thị Phương Tuyền	CNFL	X	
323	Hồ Văn Hào	CNFL	X	
324	Võ Quốc Hòa	CNFL	X	
325	Huỳnh Thanh Huy	CNTH	X	
326	Phan Tuấn Kiệt	CNTH	X	
327	Phạm Văn Thái	CNTH	X	
328	Nguyễn Xuân Khánh	CNTH	X	
329	Bùi Văn Khởi	CNTH	X	

330	Quang Văn Thạnh	CNTH	X	
331	Phan Ngọc Minh	CNTH	X	
332	Huỳnh Ngọc Tân	CNTH	X	
333	Lê Công Tứ	CNTH	X	
334	Mai Văn Tuấn	CNTH	X	
335	Nguyễn Thành Trung	CNTH	X	
336	Nguyễn Văn Khang	CNTH	X	
337	Lê Đại Nam	CNTH	X	
338	Trần Văn Hoàng	CNTH	X	
339	Trịnh Hòa Ân	CNTH	X	
340	Lê Thị Đẹp	CNTH	X	
341	Nguyễn Thị Bơ	CNTH	X	
342	Nguyễn Thị Bảo Trâm	CNTH	X	
343	Phan Kim Ngân	CNTH	X	
344	Võ Thị Linh	CNTH	X	
345	Nguyễn Thị Ngọc Bích	CNTH	X	
346	Nguyễn Thị Phương Nga	CNTH	X	
347	Hồ Thị Ngọc Nhanh	CNTH	X	
348	Lê Thị Thùy Dương	CNTH	X	
349	Phạm Thị Thanh Thúy	CNTH	X	
350	Nguyễn Thị Kim Anh	CNTH	X	
351	Lê Thị Kim Chi	CNTH	X	
352	Thái Thị Khánh Duy	CNTH	X	
353	Nguyễn Thị Phụng Giao	CNTH	X	
354	Ngô Thị Bích Tuyền	CNTH	X	
355	Trần Thị Hạnh Thuần	CNTH	X	
356	Lê Thị Kim Cương	CNTH	X	
357	Lê Thị Ngọc Mai	CNTH	X	
358	Lê Thị Màu	CNTH	X	
359	Ngô Thị Cẩm Lài	CNTH	X	
360	Hồ Thị Mộng Nghi	CNTH	X	
361	Lê Thị Hà	CNTH	X	
362	Nguyễn Thị Thu Hương	CNTH	X	
363	Phùng Mẩn Hằng	CNTH	X	
364	Nguyễn Hoàng Tâm	CNTH	X	
365	Nguyễn Thị Diễm	CNTH	X	
366	Nguyễn Thị Út	CNTH	X	
367	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	CNTH	X	

368	Lê Ngọc Mỹ	CNTH	X	
369	Đinh Thị Mỹ Ngọc	CNTH	X	
370	Nguyễn Thị Chi	CNTH	X	
371	Huỳnh Thị Bích Phượng	CNTH	X	
372	Phạm Kim Yến	CNTH	X	
373	Lê Mỹ Dung	CNTH	X	
374	Võ Như Ngọc	CNTH	X	
375	Phạm Văn Giàu	CNTH	X	
376	Phạm Thị Mỹ Lệ Em	CNTH	X	
377	Lê Thị Diệu	CNTH	X	
378	Lê Thùy Dung	CNTH	X	
379	Nguyễn Thị Túc	CNTH	X	
380	Lê Thị Bích Loan	CNTH	X	
381	Nguyễn Thị Bé Nê	CNTH	X	
382	Phạm Thị Mỹ Linh	CNTH	X	
383	Bùi Thị Gàn	CNTH	X	
384	Nguyễn Thị Hải Yến	CNTH	X	
385	Phan Thị Lan	CNTH	X	
386	Võ Thị Cúc	CNTH	X	
387	Đinh Thị Ly	CNTH	X	
388	Nguyễn Thị Nhủ	CNTH	X	
389	Nguyễn Thị Kim Tha	CNTH	X	
390	Nguyễn Thị Sia	CNTH	X	
391	Trần Thị Mỹ Thâu	CNTH	X	
392	Nguyễn Minh Quân	CNTH	X	
393	Lê Thị Diễm Thúy	CNTH	X	
394	Lê Thị Cẩm Thật	CNTH	X	
395	Nguyễn Thị Ngọc Liên	CNTH	X	
396	Lê Thị Bích Huyền	CNTH	X	
397	Trương Thị Ngọc Bích	CNTH	X	
398	Bùi Ngọc Điệp	CNTH	X	
399	Mai Thị Bé Hòa	CNTH	X	
400	Nguyễn Thị Bích Vân	CNTH	X	
401	Nguyễn Thị Thanh Hằng	CNTH	X	
402	Ngô Thị Bích Truyền	CNTH	X	
403	Phạm Thị Yến Oanh	CNTH	X	
404	Dương Thị Thảo	CNTH	X	
405	Phạm Thị Mỹ Xuyên	CNTH	X	

406	Võ Thị Bích Thanh	CNTH		
407	Lê Thị Xuân	CNTH		
408	Lê Trung Trích Em	CNTH		
409	Trần Thị Tiền	CNTH		
410	Lê Thị Liên	CNTH		
411	Đặng Thanh Hải	CNTH		
412	Cao Thị Lợi	CNTH		
413	Huỳnh Phước Hải	CNTH		
414	Lê Văn Luyến	CNTH		
415	Trần Văn Được	CNTH		
416	Đoàn Thị Phụng	CNTH		
417	Nguyễn Thị Thúy Loan	CNTH		
418	Võ Thị Giàu	CNTH		
419	Huỳnh Thị Đông	CNTH		
420	Võ Thị Thanh Hương	CNTH		
421	Trương Văn Trắng	CNTH		
422	Nguyễn Thị Mót	CNTH		
423	Trần Thị Ngọc Bích	CNTH		
424	Nguyễn Thị Thúy Lan	CNTH		
425	Nguyễn Minh Nhựt	CNTH		
426	Nguyễn Thị Kiều	CNTH		
427	Võ Thúy Hận	CNTH		
428	Dương Thị Hồng Cẩm	CNTH		
429	Võ Thị Kiều Trang	CNTH		
430	Bùi Thị Mai Phương	CNTH		
431	Phan Huỳnh Lê	CNTH		
432	Lê Thị Kiều Diễm	CNTH		
433	Nguyễn Thành Tân	CNTH		
434	Lê Thị Thanh Tâm	CNTH		
435	Bùi Lê Thúy Phượng	CNTH		
436	Phạm Thị Hạnh	CNTH		
437	Phan Thị Thúy An	CNTH		
438	Nguyễn Thị Nhì	CNTH		
439	Phan Nguyệt Minh Quý	CNTH		
440	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CNTH		
441	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	CNTH		
442	Nguyễn Thị Liệt	CNTH		
443	Võ Thị Trang	CNTH		

444	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	CNTH	X	
445	Trần Thiện Chí	CNTH	X	
446	Đỗ Thị Diễm Ly	CNTH	X	
447	Trần Thị Hè	CNTH	X	
448	Võ Thị Kim Thoa	CNTH	X	
449	Nguyễn Cẩm Ngoan	CNTH	X	
450	Nguyễn Thị Tuyên	CNTH	X	
451	Huỳnh Thị Thu Thảo	CNTH	X	
452	Võ Thị Mỹ Duyên	CNTH	X	
453	Lê Thị Kim Ngân	CNTH	X	
454	Nguyễn Thị Thao	CNTH	X	
455	Nguyễn Thị Kim Thoa	CNTH	X	
456	Phan Huy Trung	CNTH	X	
457	Trần Quốc Thành	CNTH	X	
458	Trần Thanh Phong	CNTH	X	
459	Võ Văn Dương	CNTH	X	
460	Nguyễn Thị Phượng	CNTH	X	
461	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	CNTH	X	
462	Nguyễn Thị Ngọc Yến	CNTH	X	
463	Ngô Thị Quỳnh Như	CNTH	X	
464	Lê Thị The	CNTH	X	
465	Đặng Ngọc Mềm	CNTH	X	
466	Nguyễn Thị Trúc Ly	CNTH	X	
467	Nguyễn Thị Cẩm Loan	CNTH	X	
468	Tạ Thị Kiều Hoa	CNTH	X	
469	Phạm Thị Hằng	CNTH	X	
470	Lê Thị Thanh Thảo	CNTH	X	
471	Nguyễn Thị Yến Phương	CNTH	X	
472	Nguyễn Thị Ngọc Hương	CNTH	X	
473	Lê Thị Chúc Phương	CNTH	X	
474	Nguyễn Thu Thủy	CNTH	X	
475	Bùi Trọng Phúc	CNTH	X	
476	Huỳnh Thị Kim Ngọc	CNTH	X	
477	Lê Thị Kim Ba	CNTH	X	
478	Lê Thị Kim Hai	CNTH	X	
479	Nguyễn Thị Kim Thi	CNTH	X	
480	Nguyễn Thị Mộng Thu	CNTH	X	
481	Dương Thị Hậu	CNTH	X	

482	Nguyễn Thị Bích Tuyền	CNTH	X	
483	Lại Thị Liễu	CNTH	X	
484	Phạm Thị Kim Anh	CNTH	X	
485	Lê Thị Bích Liễu	CNTH	X	
486	Trần Thị Bùi	CNTH	X	
487	Bùi Thanh Hằng	CNTH	X	
488	Phạm Thị Mỹ Phường	CNTH	X	
489	Phan Thành Quốc	CNTH	X	
490	Lê Thị Thanh Thuý	CNTH	X	
491	Lê Thị Thuý Nhỏ	CNTH	X	
492	Giáp Thị Thanh Hương	CNTH	X	
493	Đặng Thị Hồng Thi	CNTH	X	
494	Trần Thị Yến Nhi	CNTH	X	
495	Nguyễn Thị Phương	CNTH	X	
496	Nguyễn Thị Bé Ngọc	CNTH	X	
497	Phạm Thị Nhiễn	CNTH	X	
498	Nguyễn Ngọc Diệu	CNTH	X	
499	Lương Thị Mỹ Linh	CNTH	X	
500	Phùng Thị Nhạn	CNTH	X	
501	Đặng Thị Ngọc Trâm	CNTH	X	
502	Đặng Thành Nhân	CNTH	X	
503	Phan Văn Thái	CNTH	X	
504	Lê Thị Thùy Dung	CNTH	X	
505	Huỳnh Thị Bông	CNTH	X	
506	Huỳnh Thạch San San	CNTH	X	
507	Nguyễn Thị Kim Chi	CNTH	X	
508	Dương Thị Kim Hiền	CNTH	X	
509	Nguyễn Thanh Bình	CNTH	X	
510	Phạm Thị Cúc Phương	CNTH	X	
511	Lưu Thị Bích Liên	CNTH	X	
512	Phạm Thị Thúy Oanh	CNTH	X	
513	Nguyễn Thị Lan	CNTH	X	
514	Nguyễn Bích Duyên	CNTH	X	
515	Đoàn Thị Kiều	CNTH	X	
516	Lê Thị Thúy Kiều	CNTH	X	
517	Lê Thị Huỳnh Như	CNTH	X	
518	Nguyễn Thị Ngơi	CNTH	X	
519	Lê Thị Hồng Đào	CNTH	X	

520	Nguyễn Thị Trúc Anh	CNTH	X	
521	Phạm Thị Trúc Linh Em	CNTH	X	
522	Châu Thị Kim Thơm	CNTH	X	
523	Trịnh Kim Ngân	CNTH	X	
524	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	CNTH	X	
525	Lê Thị Mại	CNTH	X	
526	Cao Đặng Hoa Tuyên	CNTH	X	
527	Trịnh Nguyễn Ngọc Trinh	CNTH	X	
528	Lương Thị Hồng Phúc	CNTH	X	
529	Phạm Thị Kiều Loan	CNTH	X	
530	Huỳnh Thị Huệ	CNTH	X	
531	Phạm Kim Chi	CNTH	X	
532	Nguyễn Thị Kim Thanh	CNTH	X	
533	Lê Thị Lợi	CNTH	X	
534	Lê Thị Mỹ Quyên	CNTH	X	
535	Trần Thị Hồng Loan	CNTH	X	
536	Trần Thị Ngọc Yến	CNTH	X	
537	Châu Thị Tiếp	CNTH	X	
538	Âu Thị Mi	CNTH	X	
539	Nguyễn Thị Kim Yến	CNTH	X	
540	Huỳnh Văn Sớm	CNTH	X	
541	Nguyễn Thành Vũ	CNTH	X	
542	Châu Thị Bích Duyên	CNTH	X	
543	Hoàng Thị Thúy	CNTH	X	
544	Nguyễn Thị Mỹ Dung	CNTH	X	
545	Ngô Thị Bé Thu	CNTH	X	
546	Trần Thị Mỹ Nhi	CNTH	X	
547	Phạm Thị Hồng Loan	CNTH	X	
548	Nguyễn Nhựt Trường	CNTH	X	
549	Nguyễn Tuấn Quân	CNTH	X	
550	Võ Thị Lang	CNTH	X	
551	Võ Thị Thêm	CNTH	X	
552	Nguyễn Thị Mãi Em	CNTH	X	
553	Lê Thị Hằng	CNTH	X	
554	Huỳnh Thị Duyên	CNTH	X	
555	Trương Thị Bích Ngân	CNTH	X	
556	Lê Thị Kim Hương	CNTH	X	
557	Nguyễn Thị Nhu	CNTH	X	

558	Nguyễn Thị Thảo	CNTH	X	Thảo
559	Nguyễn Thị Bích Thủy	CNTH	X	Thủy.
560	Lê Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa
561	Trần Thị Bích Thủy	CNTH	X	Thủy.
562	Nguyễn Thị Bảo Chăm	CNTH	X	Chăm
563	Ngô Thị Khá	CNTH	X	Khá
564	Trần Thanh Giào	CNTH	X	Giào
565	Đỗ Thị Kiều Tiên	CNTH	X	Tiên.
566	Giáp Thị Thu Giang	CNTH	X	Giang.
567	Trần Thị Kim Ngân	CNTH	X	Ngân
568	Lê Thị Bích Thuyền Em	CNTH	X	Em.
569	Trần Thị Tuyết Mai	CNTH	X	Mai
570	Phạm Thị Liêm	CNTH	X	Liêm.
571	Nguyễn Thị Bích Tuyền	CNTH	X	Tuyền
572	Nguyễn Thị Ne	CNTH	X	Ne.
573	Ngô Thị Dúng	CNTH	X	Dung
574	Trần Thị Thảo Loan	CNTH	X	Loan
575	Hà Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa.
576	Trần Thị Linh	CNTH	X	Linh
577	Huỳnh Thị Thủy Tiên	CNTH	X	Tiên
578	Trần Thị Tuyết Mai	CNTH	X	Mai
579	Nguyễn Thị Cẩm Diên	CNTH	X	Diên
580	Lưu Bích Phận	CNTH	X	Phận
581	Nguyễn Kim Ngọc	CNTH	X	Ngọc.
582	Lê Thị Quyên	CNTH	X	Quyên
583	Nguyễn Diễm Thúy	CNTH	X	Thúy
584	Nguyễn Hoài Trâm	CNTH	X	Trâm.
585	Nguyễn Thị Thu Hoanh	CNTH	X	Hanh
586	Nguyễn Thị Nhiên	CNTH	X	Nhiên.
587	Đặng Thị Út	CNTH	X	Út
588	Nguyễn Kiều Phú	CNTH	X	Phú
589	Nguyễn Văn Lùn	CNTH	X	Lùn
590	Nguyễn Thị Hiền	CNTH	X	Hiền
591	Trần Thị Quít	CNTH	X	Quít
592	Đặng Thị Dồi	CNTH	X	Dồi.
593	Nguyễn Tuyết Minh	CNTH	X	Minh
594	Nguyễn Thị Ngọc Dung	CNTH	X	Dung.
595	Trương Thị Kim Thi	CNTH	X	Thi

596	Nguyễn Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa
597	Hồ Thị Gấm	CNTH	X	Gấm
598	Nguyễn Minh Phụng	CNTH	X	Phụng
599	Nguyễn Yến Nhi	CNTH	X	Nhi
600	Lâm Cẩm Tiên	CNTH	X	Tiên
601	Trần Thị Cẩm Tú	CNTH	X	Tú
602	Nguyễn Thị Thanh Trúc	CNTH	X	Trúc
603	Phạm Thị Thúy Hoa	CNTH	X	Hoa
604	Trần Thị Kim Cương	CNTH	X	Cương
605	Nguyễn Thị Diễm	CNTH	X	Diễm
606	Bùi Thị Cẩm Nhung	CNTH	X	Nhung
607	Bùi Thị Nguyệt	CNTH	X	Nguyệt
608	Nguyễn Ngọc Lợi	CNTH	X	Lợi
609	Võ Thị Thùy Linh	CNTH	X	Linh
610	Nguyễn Kim Nhi	CNTH	X	Nhi
611	Võ Bích Thủy	CNTH	X	Thủy
612	Đinh Thị Phượng	CNTH	X	Phượng
613	Huỳnh Thị Trắng	CNTH	X	Trắng
614	Đàng Thị Kim Xuyến	CNTH	X	Xuyến
615	Phan Vũ Luân	CNTH	X	Luân
616	Lê Thị Nhơn	CNTH	X	Nhơn
617	Trần Đình Quang	CNTH	X	Quang
618	Huỳnh Thị Mộng Nghi	CNTH	X	Nghi
619	Mai Văn Tú	CNTH	X	Tú
620	Phạm Thị Nhớ	CNTH	X	Nhớ
621	Nguyễn Hồng Thái	CNTH	X	Thái
622	Lê Nguyễn Hoài Phong	CNTH	X	Phong
623	Đặng Thành Tài	CNTH	X	Tài
624	Bùi Thị Như ý	CNTH	X	Ý
625	Nguyễn Thị Như Hảo	CNTH	X	Hảo
626	Nguyễn Văn Tăng	CNTH	X	Tăng
627	Trịnh Thị Hằng	CNTH	X	Hằng
628	Bùi Minh Thuận	CNTH	X	Thuận
629	Nguyễn Thị Ca	CNTH	X	Ca
630	Thị Bông	CNTH	X	Bông
631	Lê Thị Bích Tuyền	CNTH	X	Tuyền
632	Võ Thị Kim Phượng	CNTH	X	Phượng
633	Nguyễn Thị Ngân	CNTH	X	Ngân

634	Đinh Văn Trẻ	CNTH	X	
635	Phan Thị Biệp	CNTH	X	
636	Trần Thị Oanh Nhi	CNTH	X	
637	Đặng Thị Lệ Thu	CNTH	X	
638	Nguyễn Thị Thiệt	CNTH	X	
639	Trần Thị Phương Thảo	CNTH	X	
640	Nguyễn Thị Trúc Hạnh	CNTH	X	
641	Phan Thị Mười Một	CNTH	X	
642	Phạm Thị Ngọc Yến	CNTH	X	
643	Phạm Thị Kiều	CNTH	X	
644	Phan Khánh Duy	CNTH	X	
645	Trương Thị Kim Ngân	CNTH	X	
646	Phạm Thị Thúy Liễu	CNTH	X	
647	Lê Thị Cẩm Duyên	CNTH	X	
648	Đặng Thị Ngọc Yến	CNTH	X	
649	Lê Thị Cẩm Tú	CNTH	X	
650	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CNTH	X	
651	Nguyễn Hồng Thái	CNTH	X	
652	Trà Thị Diễm	CNTH	X	
653	Phan Thị Mí	CNTH	X	
654	Phan Thị Vàng	CNTH	X	
655	Nguyễn Thị Bích Vân	CNTH	X	
656	Nguyễn Văn Bé Ba	CNTH	X	
657	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	CNTH	X	
658	Nguyễn Thị Trinh	CNTH	X	
659	Nguyễn Thị Thu Thúy	CNTH	X	
660	Trương Thị Yến	CNTH	X	
661	Võ Phước Vinh	CNTH	X	
662	Nguyễn Thị Thùy Dung	CNTH	X	
663	Nguyễn Thị Hiếu	CNTH	X	
664	Châu Thị Kiều Ba	CNTH	X	
665	Phan Văn Tín	CNTH	X	
666	Đoàn Thị Thanh Thúy	CNTH	X	
667	Trần Thị Tuyết Ngân	CNTH	X	
668	Trần Thị Cúc	CNTH	X	
669	Nguyễn Thị Yến	CNTH	X	
670	Trần Thị Nhí	CNTH	X	
671	Lưu Thị Mỹ Tuyết	CNTH	X	

672	Đoàn Minh Vương	CNTH	X	
673	Lê Thị Mỹ Trinh	CNTH	X	
674	Võ Thị Diệu	CNTH	X	
675	Trần Thị Ngọc Ánh	CNTH	X	
676	Nguyễn Thị Giàu	CNTH	X	
677	Nguyễn Thị Mận	CNTH	X	
678	Nguyễn Thị Hồng Nhã	CNTH	X	
679	Trần Thị Cao Thanh	CNTH	X	
680	Phan Kim Tuyền	CNTH	X	
681	Đặng Thị Bích Nhỏ	CNTH	X	
682	Nguyễn Thị Kim Trúc	CNTH	X	
683	Nguyễn Anh Thư	CNTH	X	
684	Trần Thị Quỳnh Lan	CNTH	X	
685	Đỗ Thị Bé Thảo	CNTH	X	
686	Trần Thị Tuyết Nhi	CNTH	X	
687	Nguyễn Thị Phường	CNTH	X	
688	Lưu Thị Kim Đông	CNTH	X	
689	Diệp Thị Tường Vi	CNTH	X	
690	Phạm Thị Cẩm Vân	CNTH	X	
691	Nguyễn Thị Lượm	CNTH	X	
692	Nguyễn Thị Kim Loan	CNTH	X	
693	Mai Thị Bích Trâm	CNTH	X	
694	Trương Anh Vỹ	CNTH	X	
695	Nguyễn Thị Diễm My	CNTH	X	
696	Huỳnh Thị Hằng	CNTH	X	
697	Trương Văn Mến	CNTH	X	
698	Đặng Thị Bảo Trân	CNTH	X	
699	Nguyễn Thị Như Quỳnh	CNTH	X	
700	Trần Thị Diễm	CNTH	X	
701	Phạm Thị Xuân Mai	CNTH	X	
702	Nguyễn Thị Ngọc Náu	CNTH	X	
703	Nguyễn Hồng Gấm	CNTH	X	
704	Nguyễn Thị Kim Phượng	CNTH	X	
705	Trần Lê Kiều	CNTH	X	
706	Trần Thị Thúy Huyền	CNTH	X	
707	Lưu Thị Mỹ Duyên	CNTH	X	
708	Nguyễn Thị Ngọc Minh	CNTH	X	
709	Lê Thị Thùy Trang	CNTH	X	

710	Phạm Thị Tuyết Nhung	CNTH	X	
711	Cao Thị Thùy Linh	CNTH	X	
712	Trần Thị Thắm	CNTH	X	
713	Phạm Thị Thuyền	CNTH	X	
714	Lê Thị Chi Em	CNTH	X	
715	Hồ Thanh Sang	CNTH	X	
716	Nguyễn Thị Phương	CNTH	X	
717	Từ Thị Kim Năm	CNTH	X	
718	Phạm Thị Mỹ Châu	CNTH	X	
719	Nguyễn Thị Huỳnh	CNTH	X	
720	Trần Thị Bích Vy	CNTH	X	
721	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CNTH	X	
722	Nguyễn Trung Tín	CNTH	X	
723	Ngô Nhật Minh	CNTH	X	
724	Trần Thị Hoàng Lan	CNTH	X	
725	Nguyễn Văn Hòa	CNTH	X	
726	Nguyễn Thị Thanh Nhã	CNTH	X	
727	Nguyễn Thị Tú	CNTH	X	
728	Trần Văn Quí	CNTH	X	
729	Âu Thị Yến Nhi	CNTH	X	
730	Phạm Trí Khanh	CNTH	X	
731	Nguyễn Hữu Tình	CNTH	X	
732	Trương Ngọc Ẩn	CNTH	X	
733	Võ Văn Hận	CNTH	X	
734	Nguyễn Tấn Khánh	CNTH	X	
735	Huỳnh Văn Nhã	CNTH	X	
736	Lê Tấn Dương	CNTH	X	
737	Huỳnh Văn Đề	CNTH	X	
738	Huỳnh Trung Hiếu	CNTH	X	
739	Nguyễn Văn Lắm	CNTH	X	
740	Đoàn Võ Phước Quí	CNTH	X	
741	Trần Minh Phụng	CNTH	X	
742	Huỳnh Thanh Toàn	CNTH	X	
743	Lê Bình Đẳng	CNTH	X	
744	Trần Văn Tín	CNTH	X	
745	Lê Thị Nhung	CNTH	X	
746	Nguyễn Thành Nhân	CNTH	X	
747	Hồ Thị Hiền Em	CNTH	X	

748	Trần Thị Thúy Hằng	CNTH	X	
749	Trần Thị Muội	CNTH	X	
750	Lý Thị Bích Thủy	CNTH	X	
751	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	CNTH	X	
752	Lưu Thị Xuân Nghi	CNTH	X	
753	Trần Thị Thu Vân	CNTH	X	
754	Trần Thị Ánh Tuyết	CNTH	X	
755	Huỳnh Thị Mỹ Linh	CNTH	X	
756	Nguyễn Thị Ngọt	CNTH	X	
757	Đoàn Thị Kim Yến	CNTH	X	
758	Lê Văn Ngân	CNTH	X	
759	Nguyễn Thắng Lợi	CNTH	X	
760	Dương Huỳnh Giao	CNTH	X	
761	Lê Thị Ngọc Thi	CNTH	X	
762	Trần Thị Lùng	CNTH	X	
763	Nguyễn Thị Thúy An	CNTH	X	
764	Lại Thị Yến Nhi	CNTH	X	
765	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	CNTH	X	
766	Trần Thị Thúy Liễu	CNTH	X	
767	Trương Thị Thêm	CNTH	X	
768	Huỳnh Thị Trúc Hương	CNTH	X	
769	Lê Thị Bích Ước	CNTH	X	
770	Phan Ngọc Châu	CNTH	X	
771	Nguyễn Thị Thu Thúy	CNTH	X	
772	Nguyễn Ngọc Cầm	CNTH	X	
773	Dương Thị Bích Loan	CNTH	X	
774	Tạ Thị Kim Duyên	CNTH	X	
775	Lâm Thị Yến Nhi	CNTH	X	
776	Phạm Thị Thúy Hằng	CNTH	X	
777	Lê Thị Trang	CNTH	X	
778	Nguyễn Thị Thủy	CNTH	X	
779	Ngô Thị Phương Trâm	CNTH	X	
780	Hồ Thị Thu Thảo	CNTH	X	
781	Hồ Ngọc Mai	CNTH	X	
782	Bùi Thị Minh Thư	CNTH	X	
783	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CNTH	X	
784	Nguyễn Thị Thúy Hằng	CNTH	X	
785	Kiều Thị Mộng Thường	CNTH	X	

786	Nguyễn Thị Ráng	CNTH	X	
787	Nguyễn Thị Kiều Lan	CNTH	X	
788	Phạm Thị Muôn	CNTH	X	
789	Ngô Thị Diễm Hương	CNTH	X	
790	Nguyễn Thị Kiều Oanh	CNTH	X	
791	Trần Thị Thúy Huỳnh	CNTH	X	
792	Phạm Thị Yên	CNTH	X	
793	Nguyễn Thị Cúc	CNTH	X	
794	Trần Thị Thiên Nga	CNTH	X	
795	Trương Thanh Liên	CNTH	X	
796	Võ Thị Nga	CNTH	X	
797	Bạch Mỹ Nhun	CNTH	X	
798	Đặng Văn Thắng	CNTH	X	
799	Lê Thị Mười Một	CNTH	X	
800	Nguyễn Hồng Phiến	CNTH	X	
801	Nguyễn Thị Don	CNTH	X	
802	Ong Thị Thu Thảo	CNTH	X	
803	Trần Thị Cúc	CNTH	X	
804	Võ Thị Kiều	CNTH	X	
805	Lý Ngọc Dung	CNTH	X	
806	Lê Thị Ngọc Giàu	CNTH	X	
807	Nguyễn Thị Hồng Thư	CNTH	X	
808	Thái Thị Tuyết Lan	CNTH	X	
809	Lê Thị Thiêm	CNTH	X	
810	Cao Thị Mỹ Ngọc	CNTH	X	
811	Trương Thái Hòa	CNTH	X	
812	Nguyễn Thị Trúc Quyên	CNTH	X	
813	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	CNTH	X	
814	Phạm Thị Huyền Trang	CNTH	X	
815	Dương Thúy Kiều	CNTH	X	
816	Lê Kim Giàu	CNTH	X	
817	Hồ Thị Huỳnh Giao	CNTH	X	
818	Phan Thị Thu Hương	CNTH	X	
819	Nguyễn Thành Quân	CNTH	X	
820	Nguyễn Thị Lệ Phương	CNTH	X	
821	Phạm Thị Ý Đoan	CNTH	X	
822	Ngô Thị Thúy Hằng	CNTH	X	
823	Trương Thị Ánh Như	CNTH	X	

824	Huỳnh Thị Ánh	CNTH	X	Ánh
825	Ngô Thị Thiện	CNTH	X	Thiện
826	Trần Thị Ngọc Như	CNTH	X	Như
827	Nhan Ngọc Ánh	CNTH	X	Ánh
828	Nguyễn Minh Châu	CNTH	X	Châu
829	Trần Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa
830	Lê Thị Thuỷ	CNTH	X	Thuỷ
831	Phan Thanh Tuấn	CNTH	X	Tuấn
832	Chiêm Nhựt Minh	CNTH	X	Minh
833	Phạm Thị Dàng	CNTH	X	Dàng
834	Nguyễn Thị Tuyết Vân	CNTH	X	Vân
835	Nguyễn Thị Hồng	CNTH	X	Hồng
836	Đỗ Thị Chăm Anh	CNTH	X	Anh
837	Nguyễn Thị Hằng	CNTH	X	Hằng
838	Nguyễn Thị Na	CNTH	X	Na
839	Nguyễn Thị Trang	CNTH	X	Trang
840	Trần Thị Bích Vân	CNTH	X	Vân
841	Lê Ngọc Bảo Trang	CNTH	X	Trang
842	Hà Thị Thu Thủy	CNTH	X	Thủy
843	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNTH	X	Thủy
844	Nguyễn Thị Thắm	CNTH	X	Thắm
845	Huỳnh Thị Thúy Nga	CNTH	X	Nga
846	Nguyễn Thị Bé Hai	CNTH	X	Hai
847	Trần Thị Thúy Vy	CNTH	X	Vy
848	Nguyễn Thị Ngọc Chi	CNTH	X	Chi
849	Trần Thị Uyển Nhi	CNTH	X	Nhi
850	Võ Thị Thận	CNTH	X	Thận
851	Võ Thị Mỷ Kim	CNTH	X	Kim
852	Trương Thị Thùy Trang	CNTH	X	Trang
853	Lê Thị Thanh Thúy	CNTH	X	Thúy
854	Đặng Thị Mỹ Loan	CNTH	X	Loan
855	Nguyễn Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa
856	Trương Thị Cúc Phường	CNTH	X	Phường
857	Trần Kim Ngân	CNTH	X	Ngân
858	Cao Thị Nga	CNTH	X	Nga
859	Cao Thị Tuyền	CNTH	X	Tuyền
860	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	CNTH	X	Nguyệt
861	Trần Như Ý	CNTH	X	Ý

862	Lê Thị Trúc Linh	CNTH	X	
863	Võ Thị Ngọc Sương	CNTH	X	
864	Trần Thị Mộng Tuyền	CNTH	X	
865	Phạm Ngọc Giàu	CNTH	X	
866	Huỳnh Châu Thảo	CNTH	X	
867	Huỳnh Thị Xuân	CNTH	X	
868	Phan Thị Trúc Ly	CNTH	X	
869	Trần Thị Hà	CNTH	X	
870	Đào Ngọc Ngân	CNTH	X	
871	Võ Thị Mộng Thu	CNTH	X	
872	Trần Thị Thuận Anh	CNTH	X	
873	Trần Thị Thục Trinh	CNTH	X	
874	Trần Ngọc Lượng	CNTH	X	
875	Nguyễn Thị Hạng	CNTH	X	
876	Võ Thị Dung	CNTH	X	
877	Trần Thị Mến	CNTH	X	
878	Phạm Thị Bạch Tuyết	CNTH	X	
879	Lê Thị Mỹ Tú	CNTH	X	
880	Dương Thị Thuý Loan	CNTH	X	
881	Võ Thị Xuân	CNTH	X	
882	Trần Thị Linh	CNTH	X	
883	Huỳnh Thị Ngọc Mỵ	CNTH	X	
884	Nguyễn Thị Nhung	CNTH	X	
885	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	CNTH	X	
886	Võ Văn Hoài	CNTH	X	
887	Phan Thị Ngọc Trinh	CNTH	X	
888	Nguyễn Thị Cẩm Yên Em	CNTH	X	
889	Hồ Thị Diễm	CNTH	X	
890	Đặng Thị Định	CNTH	X	
891	Nguyễn Thị Ánh	CNTH	X	
892	Lê Kim Hồng	CNTH	X	
893	Đào Thị Thúy Oanh	CNTH	X	
894	Nguyễn Thị Kim Son	CNTH	X	
895	Trần Thị Kim Phê	CNTH	X	
896	Nguyễn Thị Bé Ngân	CNTH	X	
897	Lê Thị Ngọc Thủy	CNTH	X	
898	Võ Thị Diễm	CNTH	X	
899	Phạm Thị Thu Ba	CNTH	X	

900	Lê Thị Ngọc Bích	CNTH	X	
901	Lê Danh Dự	CNTH	X	
902	Hồ Thị Thơm	CNTH	X	
903	Trương Thị Mỹ Uyên	CNTH	X	
904	Lê Thị Diễm Trang	CNTH	X	
905	Nguyễn Thị Lệ Hoa	CNTH	X	
906	Trần Thị Mỹ Lệ	CNTH	X	
907	Nguyễn Bảo Yến	CNTH	X	
908	Trương Thị Thanh Loan	CNTH	X	
909	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	CNTH	X	
910	Trần Thị Mỹ Viên	CNTH	X	
911	Võ Thị Hường	CNTH	X	
912	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	CNTH	X	
913	Đào Thị Kim Thanh	CNTH	X	
914	Võ Thị Loan	CNTH	X	
915	Trần Thị Trúc Loan	CNTH	X	
916	Đỗ Thị Thảo	CNTH	X	
917	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	CNTH	X	
918	Nguyễn Thị Luyến	CNTH	X	
919	Phạm Thị Liễu	CNTH	X	
920	Lê Thị Bích Loan	CNTH	X	
921	Phương Thị Tiền	CNTH	X	
922	Nguyễn Kiều Xuân	CNTH	X	
923	Lê Thị Kim Liên	CNTH	X	
924	Nguyễn Thị Tiền Chị	CNTH	X	
925	Lê Thị Mộng Tiền	CNTH	X	
926	Hồ Thị Đến	CNTH	X	
927	Nguyễn Thị Hạnh	CNTH	X	
928	Trần Thị Mỹ Thúy	CNTH	X	
929	Nguyễn Thị Hồng Yến	CNTH	X	
930	Đặng Thị Them	CNTH	X	
931	Nguyễn Thị Hồng Thắm	CNTH	X	
932	Nguyễn Thị Kim Kiên	CNTH	X	
933	Nguyễn Thị Đà	CNTH	X	
934	Nguyễn Thị Diễu	CNTH	X	
935	Nguyễn Thị Khéo	CNTH	X	
936	Lê Thị Kim Loan	CNTH	X	
937	Lê Thị Kim Ngân	CNTH	X	

938	Trần Thị Cẩm	CNTH	X	
939	Nguyễn Thị Ngân	CNTH	X	
940	Nguyễn Thị Hồng Thắm	CNTH	X	
941	Châu Thị Kim Loan	CNTH	X	
942	Thị Hiệp	CNTH	X	
943	Trần Thị Huệ	CNTH	X	
944	Dương Thị Kim Chưởng	CNTH	X	
945	Kiều Bích Thủy	CNTH	X	
946	Võ Thị Mỹ Dung	CNTH	X	
947	Phan Thị Ba	CNTH	X	
948	Võ Thị Viên	CNTH	X	
949	Phan Thị Trinh	CNTH	X	
950	Trà Xuân Vẽ	CNTH	X	
951	Đồng Ngọc Ý	CNTH	X	
952	Bùi Thị Hồng Gấm	CNTH	X	
953	Phạm Thanh Thúy	CNTH	X	
954	Nguyễn Tuấn An	CNTH	X	
955	Nguyễn Thị Hoàng Liên	CNTH	X	
956	Võ Thị Khánh Linh	CNTH	X	
957	Nguyễn Thị Chúc	CNTH	X	
958	Lê Ngọc Tường An	CNTH	X	
959	Lê Thị Diễm Kiều	CNTH	X	
960	Võ Thị Nguyên	CNTH	X	
961	Cao Thị Kim Huệ	CNTH	X	
962	Cao Thị Thanh Thúy	CNTH	X	
963	Đào Thị Tố Quyên	CNTH	X	
964	Nguyễn Thị Ngọc Trăm	CNTH	X	
965	Nguyễn Thị Trang	CNTH	X	
966	Nguyễn Thị Mai Trinh	CNTH	X	
967	Nguyễn Thị Các Tường	CNTH	X	
968	Lê Trần Khánh Hòa	CNTH	X	
969	Ô Thị Yến Nhi	CNTH	X	
970	Phạm Thị Hoa Phượng	CNTH	X	
971	Lê Thị Bảo Ngọc	CNTH	X	
972	Trần Thị Thu	CNTH	X	
973	Nguyễn Thị Quả	CNTH	X	
974	Nguyễn Thị Mỹ Loan	CNTH	X	
975	Huỳnh Bích Ngọc	CNTH	X	

976	Phùng Văn Phu	CNTH	X	Phu
977	Nguyễn Thị Anh Kim	CNTH	X	Kim
978	Nguyễn Thị Kim Anh	CNTH	X	Anh
979	Ngô Thị Mỹ Ngà	CNTH	X	Ngà
980	Quang Văn Quí	CNTH	X	Quí
981	Nguyễn Thị Bảo Ngân	CNTH	X	Ngân
982	Huỳnh Thị Thùy Dương	CNTH	X	Dương
983	Trương Thị Ngọc Ánh	CNTH	X	Anh.
984	Kiều Văn Thái	CNTH	X	Thái
985	Trần Thị Bé Sáu	CNTH	X	Sáu
986	Văn Viết Nghĩa	CNTH	X	Nghĩa
987	Hồ Thị Kim Thoa	CNTH	X	Thoa
988	Huỳnh Thị Kim Liên	CNTH	X	Liên
989	Nguyễn Thị Ngọc	CNTH	X	Ngọc
990	Võ Văn Ghi	CNTH	X	Ghi
991	Trương Thị Thúy Hằng	CNTH	X	Hằng.
992	Lê Ngọc Lân	CNTH	X	Lân
993	Dương Trung Thành	CNTH	X	Thành
994	Lê Kim Vàng	CNTH	X	Vàng
995	Ngô Thị Kim Thùy	CNTH	X	Thùy.
996	Võ Thị Huyền Linh	CNTH	X	Linh
997	Trương Thị Tuyết Mai	CNTH	X	Mai
998	Phạm Thị Bé Ly	CNTH	X	Bely
999	Bùi Thị Hiền	CNTH	X	Hiền
1000	Nguyễn Trí Dương	CNTH	X	Dương
1001	Huỳnh Thị Oanh	CNTH	X	Oanh
1002	Võ Thị Huỳnh Mai	CNTH	X	Mai
1003	Trần Thị Huyền	CNTH	X	Huyền
1004	Ngô Thị Cua	CNTH	X	Cua
1005	Trần Thị Nguyệt Kiều	CNTH	X	Kiều
1006	Vàng Công Huy	CNTH	X	Huy
1007	Nguyễn Thị Mỹ Trang	CNTH	X	Trang
1008	Cao Thị Thủy	CNTH	X	Thủy
1009	Nguyễn Thị Hòa	CNTH	X	Hòa
1010	Trần Thị Trúc Linh	CNTH	X	Linh
1011	Trần Thị Mỹ Duyên	CNTH	X	Duyên
1012	Trần Kim Son	CNTH	X	Son
1013	Kơ Sã LyNa	CNTH	X	Na

1014	Lê Thị Gấm	CNTH	X	Gấm
1015	Đoàn Thị Đinh Đan	CNTH	X	Đan
1016	Lương Phước Lợi	CNTH	X	Lợi
1017	Châu Thị Bé Bảy	CNTH	X	Bảy
1018	Nguyễn Thị Thu Sương	CNTH	X	Sương
1019	Phạm Phát Huy	CNTH	X	Huy
1020	Nguyễn Thị Phượng	CNTH	X	Phượng
1021	Đoàn Kim Liên	CNTH	X	Liên
1022	Lê Văn Cần	CNTH	X	Cần
1023	Lê Thị Thúy Quyên	CNTH	X	Quyên
1024	Phan Thị Thúy Kiều	CNTH	X	Kiều
1025	Võ Thị Thùy Dương	CNTH	X	Dương
1026	Trần Văn Thiệt	CNTH	X	Thiệt
1027	Võ Thị Mai Trang	CNTH	X	Trang
1028	Trần Thị Kim Thư	CNTH	X	Thư
1029	Võ Thị Kim Yên	CNTH	X	Yên
1030	Lê Thị Tuyết Minh	CNTH	X	Minh
1031	Võ Thái Thành	CNTH	X	Thành
1032	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	CNTH	X	Trân
1033	Võ Thị Ngọc Lan	CNTH	X	Lan
1034	Nguyễn Thị Tuyết Mai	CNTH	X	Mai
1035	Nguyễn Thị Mỹ Thạnh Ngọc	CNTH	X	Ngọc
1036	Lê Thị Gọn	CNTH	X	Gọn
1037	Nguyễn Thị Bé Ba	CNTH	X	Ba
1038	Nguyễn Thanh Quyết	CNTH	X	Quyết
1039	Lê Thị Thà	CNTH	X	Thà
1040	Trần Thị Yến Nhi	CNTH	X	Nhi
1041	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CNTH	X	Ngọc
1042	Võ Thị Thanh Thảo	CNTH	X	Thảo
1043	Trương Thị Lấm	CNTH	X	Lấm
1044	Phạm Gia Hân	CNTH	X	Hân
1045	Huỳnh Thị Hồng Như	CNTH	X	Như
1046	Nguyễn Thị Diệu Liên	CNTH	X	Liên
1047	Ngô Thị Ngọc Huệ	CNTH	X	Huệ
1048	Nguyễn Ngọc Út	CNTH	X	Út
1049	Lư Quí Loan	CNTH	X	Loan
1050	Lê Thị Kim Ngỏ	CNTH	X	Ngỏ
1051	Trịnh Thị Mỹ Dung	CNTH	X	Dung

1052	Nguyễn Thị Mộng Thu	CNTH	X	
1053	Nguyễn Thị Tú Trinh	CNTH	X	
1054	Phạm Minh Nhựt	CNTH	X	
1055	Lê Thị Ly	CNTH	X	
1056	Lê Thị Ngọc Yến	CNTH	X	
1057	Phùng Thị Cẩm Loan	CNTH	X	
1058	Phạm Thị Cẩm Tiên	CNTH	X	
1059	Huỳnh Thị Thu Thảo	CNTH	X	
1060	Lê Trần Đức Tân	CNTH	X	
1061	Nguyễn Thị Ngoan	CNTH	X	
1062	Lê Thị Ngọc Hân	CNTH	X	
1063	Nguyễn Thị Thanh Ngân	CNTH	X	
1064	Nguyễn Thị Thanh Lan	CNTH	X	
1065	Hồ Thị Lý	CNTH	X	
1066	Phan Thị Phượng	CNTH	X	
1067	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CNTH	X	
1068	Trà Thị Cẩm Tiên	CNTH	X	
1069	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	CNTH	X	
1070	Võ Thị Mỹ Phượng	CNTH	X	
1071	Võ Thị Hồng Hạnh	CNTH	X	
1072	Lương Thị Tuyết	CNTH	X	
1073	Huỳnh Thị Cẩm Thi	CNTH	X	
1074	Bạch Mỹ Hạnh	CNTH	X	
1075	Phạm Thị Dạng	CNTH	X	
1076	Nguyễn Thị Thu	CNTH	X	
1077	Phan Thị Kim Trung	CNTH	X	
1078	Nguyễn Minh Hào	CNTH	X	
1079	Trần Thị Bảo Ngọc	CNTH	X	
1080	Lê Thị Bích Vân	CNTH	X	
1081	Nguyễn Thị Bích Trinh	CNTH	X	
1082	Lê Thị Anh Thư	CNTH	X	
1083	Trần Văn Gở	CNTH	X	
1084	Trương Thị Hằng	CNTH	X	
1085	Huỳnh Lê Huyền Trân	CNTH	X	
1086	Nguyễn Thị Mộng Thu	CNTH	X	
1087	Trần Thị Bơi	CNTH	X	
1088	Nguyễn Thị Kiều Diễm	CNTH	X	
1089	Lê Thị Nhí Em	CNTH	X	

1090	Lê Trọng Hữu	CNTH	X	
1091	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNTH	X	
1092	Nguyễn Thị Kim Hương	CNTH	X	
1093	Võ Thị Điệp Em	CNTH	X	
1094	Nguyễn Hoàng Đang	CNXK	X	
1095	Đặng Ngọc Lợi	CNXK	X	
1096	Lê Thị Diễm Huyền	CNXK	X	
1097	Phạm Thị Giàu	CNXK	X	
1098	Nguyễn Thị Cẩm Loan	CNXK	X	
1099	Nguyễn Thành Công	CNXK	X	
1100	Dương Thế Anh	CNXK	X	
1101	Dương Thế Hùng	CNXK	X	
1102	Nguyễn Trọng Nghĩa	CNXK	X	
1103	Huỳnh Thị Khanh	CNXK	X	
1104	Nguyễn Thị Chân	CNXK	X	
1105	Nguyễn Thị Chọn	CNXK	X	
1106	Lê Thị Dinh	CNXK	X	
1107	Nguyễn Văn Vũ	CNXK	X	
1108	Nguyễn Thị Vẹn	CNXK	X	
1109	Nguyễn Anh Kiệt	CNXK	X	
1110	Bùi Ngọc Giàu	CNXK	X	
1111	Ngô Minh Tiến	CNXK	X	
1112	Ngô Quang Hiếu	CNXK	X	
1113	Trần Thị Kim Thúy	CNXK	X	
1114	Nguyễn Thị Lệ Thu	CNXK	X	
1115	Phạm Thành Thanh Vấn	CNXK	X	
1116	Lê Thị Thủy	CNXK	X	
1117	Trần Thị Thúy Hằng	CNXK	X	
1118	Nguyễn Thị Ngọc	CNXK	X	
1119	Âu Minh Tâm	CNXK	X	
1120	Nguyễn Ngọc Diễn	CNXK	X	
1121	Nguyễn Thu Liễu	CNXK	X	
1122	Trần Thanh Tuấn	CNXK	X	
1123	Nguyễn Phước Vẹn	CNXK	X	
1124	Lê Văn Tý	CNXK	X	
1125	Nguyễn Văn Pha	CNXK	X	
1126	Nguyễn Quốc Dũng	CNXK	X	
1127	Cao Minh Thuận	CNXK	X	

1128	Nguyễn Trường Tam	CNXK	X	Tam
1129	Bùi Văn Sang	CNXK	X	Sang
1130	Nguyễn Hoàng Thái	CNXK	X	Thái
1131	Phạm Tấn Tài	CNXK	X	Tài
1132	Trần Thị Son	CNXK	X	Son
1133	Đoàn Thị Hồng Em	CNXK	X	Em
1134	Nguyễn Thị Ngân	CNXK	X	Ngân
1135	Dương Lê Thành Trọng	CNXK	X	Trọng
1136	Phạm Nhi Thái	CNXK	X	Thái
1137	Phương Kiến Quốc	CNXK	X	Quốc
1138	Nguyễn Văn Truyền	CNXK	X	Truyền
1139	Nguyễn Văn Thanh	CNXK	X	Thanh
1140	Nguyễn Đức Duy	CNXK	X	Duy
1141	Phạm Thoại Giang	CNXK	X	Giang
1142	Trần Văn Cường	CNXK	X	Cường
1143	Trần Phong Hòa	CNXK	X	Hòa
1144	Nguyễn Thị Yến Nhi	CNXK	X	Nhi
1145	Dương Thái Dương	CNXK	X	Dương
1146	Huỳnh Thanh Tâm	CNXK	X	Tâm
1147	Phạm Văn Nghiêm	CNXK	X	Nghiêm
1148	Trần Văn Lắm	CNXK	X	Lắm
1149	Đặng Thành Được	CNXK	X	Được
1150	Nguyễn Văn Trí	CNXK	X	Trí
1151	Trần Thị Phượng	CNXK	X	Phượng
1152	Đặng Thị Mỹ Huệ	CNXK	X	Huệ
1153	Phan Thị Tới	CNXK	X	Tới
1154	Bùi Văn Tuấn	CNXK	X	Tuấn
1155	Nguyễn Văn Dũ	CNXK	X	Dũ
1156	Nguyễn Thị Thái Thảo	CNXK	X	Thảo
1157	Nguyễn Thị Đào	CNXK	X	Đào
1158	Lê Văn Tuấn	CNXK	X	Tuấn
1159	Cao Trung Tình	CNXK	X	Tình
1160	Phan Văn Quy	CNXK	X	Quy
1161	Dương Thanh Tâm	CNXK	X	Tâm
1162	Trần Anh Kiệt	CNXK	X	Kiệt
1163	Trần Thị Thi	CNXK	X	Thi
1164	Phạm Thị Điểm	CNXK	X	Điểm
1165	Lê Văn Tài	CNXK	X	Tài

1166	Nguyễn Thị Trúc Mai	CNXK	X	Mai
1167	Huỳnh Văn Nhân	CNXK	X	Nhân
1168	Trần Quang Phương	CNXK	X	Phương
1169	Đặng Hoài Tâm	CNXK	X	Tâm
1170	Võ Ngọc Thạch	CNXK	X	Thạch
1171	Trần Thị Trúc Ly	CNXK	X	Ly
1172	Phan Thanh Hiền	CNXK	X	Hiền
1173	Võ Quốc Được	CNXK	X	Được
1174	Châu Thị Kim Hằng	CNXK	X	Hằng
1175	Nguyễn Hữu Luân	CNXK	X	Luân
1176	Đặng Văn Chợ	CNXK	X	Chợ
1177	Nguyễn Thị Ngọc Linh	CNXK	X	Linh
1178	Hồ Văn Nghĩa	CNXK	X	Nghĩa
1179	Mai Thanh Sang	CNXK	X	Sang
1180	Bùi Văn Hòa	CNXK	X	Hòa
1181	Ngô Văn Bình	CNXK	X	Bình
1182	Dương Thanh Long	CNXK	X	Long
1183	Phan Thanh Ca	CNXK	X	Ca
1184	Phan Hoàng Phương	CNXK	X	Phương
1185	Trần Ngọc Hiếu	CNXK	X	Hiếu
1186	Nguyễn Thị Kim Chi	CNXK	X	Chi
1187	Huỳnh Văn Tuấn Vủ	CNXK	X	Vủ
1188	Nguyễn Quãng Tính	CNTP1	X	Tính
1189	Võ Thị Nhịn	CNTP1	X	Nhịn
1190	Trương Thị Lệ Hằng	CNTP1	X	Hằng
1191	Nguyễn Văn Nhân	CNTP1	X	Nhân
1192	Phạm Thị Trinh	CNTP1	X	Trinh
1193	Phạm Ngọc Dọn	CNTP1	X	Dọn
1194	Trương Thị Mỹ Ngọc	CNTP1	X	Ngọc
1195	Nguyễn Tuấn Anh	CNTP1	X	Anh
1196	Nguyễn Anh Việt	CNTP1	X	Việt
1197	Dương Thùy Dương	CNTP1	X	Dương
1198	Ngô Thị Mơ	CNTP1	X	Mơ
1199	Nguyễn Thị Thanh Tâm	CNTP1	X	Tâm
1200	Nguyễn Chí Cường	CNTP1	X	Cường
1201	Dương Văn Hái	CNTP1	X	Hái
1202	Phạm Thị Hằng	CNTP1	X	Hằng
1203	Lê Thị Tứ	CNTP1	X	Tứ

1204	Lê Thị Minh Phụng	CNTP1	X	Phụng
1205	Võ Thành Tâm	CNTP1	X	Tâm
1206	Trần Phước Hiền	CNTP1	X	Hiền
1207	Phạm Thị Chúc Linh	CNTP1	X	Linh
1208	Phạm Kiêm Quyên	CNTP1	X	Quyên
1209	Hà Thị Bích Thuận	CNTP1	X	Thuận
1210	Trịnh Văn Giang	CNTP1	X	Giang
1211	Trần Thị Phê Em	CNTP1	X	Em
1212	Đặng Chí Hải	CNTP1	X	Hải
1213	Ngô Thị Hiền	CNTP1	X	Hiền
1214	Võ Thị Liễu Em	CNTP1	X	Em
1215	Nguyễn Thị Bích Thu	CNTP1	X	Thu
1216	Trần Thị Ngọc Hân	CNTP1	X	Hân
1217	Trần Minh Tân	CNTP1	X	Tân
1218	Lê Thanh Long	CNTP1	X	Long
1219	Dương Minh Bằng	CNTP1	X	Bằng
1220	Dương Thị Gấm	CNTP1	X	Gấm
1221	Lê Thị Mỹ Duyên	CNTP1	X	Duyên
1222	Nguyễn Thị Ngọc Vân	CNTP1	X	Vân
1223	Nguyễn Văn Thơm	CNTP1	X	Thơm
1224	Võ Nguyễn Mỹ Diệu	CNTP1	X	Diệu
1225	Nguyễn Văn Thì	CNTP1	X	Thì
1226	Phạm Thị Diễm Thúy	CNTP1	X	Thúy
1227	Phạm Thị Ngọc Nguyệt	CNTP1	X	Nguyệt
1228	Huỳnh Thanh Tuyền	CNTP1	X	Tuyền
1229	Võ Thị Thúy Huỳnh	CNTP1	X	Thúy
1230	Huỳnh Phước Linh	CNTP1	X	Linh
1231	Nguyễn Thị Kim Ngân	CNTP1	X	Ngân
1232	Triệu Minh Tấn Đạt	CNTP1	X	Đạt
1233	Ngô Minh Hải	CNTP1	X	Hải
1234	Trương Văn Tân	CNTP1	X	Tân
1235	Nguyễn Trường Giang	CNTP1	X	Giang
1236	Nguyễn Văn Phước	CNTP1	X	Phước
1237	Huỳnh Thị Thùy Linh	CNTP1	X	Linh
1238	Phan Thị Hiền	CNTP1	X	Hiền
1239	Phạm Thị Bé Hiền	CNTP1	X	Hiền
1240	Trịnh Thanh Leo	CNTP1	X	Leo
1241	Lê Thị Diễm Kiều	CNTP1	X	Kiều

1242	Nguyễn Văn Trường	CNTP1	X	Trường
1243	Phạm Thị Cẩm Giang	CNTP1	X	giang
1244	Lê Thị Tiền	CNTP1	X	Tiền
1245	Nguyễn Văn Hải	CNTP1	X	Hải
1246	Lê Thị Thu Hiền	CNTP1	X	Hiền
1247	Phạm Thế Di	CNTP1	X	Di
1248	Huỳnh Quốc Hào	CNTP1	X	Hào
1249	Diệp Thị Thanh Thanh	CNTP1	X	Thanh
1250	Nguyễn Văn Tý	CNTP1	X	Tý
1251	Cao Văn Khang	CNTP1	X	Khang
1252	Diệp Thành Nhu	CNTP1	X	Như
1253	Phạm Thị Kim Yến	CNTP1	X	Yến
1254	Lê Thị Ngọc Bích	CNTP1	X	Bích
1255	Trần Thị Kim Lon	CNTP1	X	Lon
1256	Nguyễn Tuấn Linh	CNTP1	X	Linh
1257	Lê Thị Kim Xuyến	CNTP1	X	Xuyến
1258	Trương Thanh Hiền	CNTP1	X	Hiền
1259	Nguyễn Thành Thắng	CNTP1	X	Thắng
1260	Nguyễn Hoàng Tuấn	CNTP1	X	Tuấn
1261	Lê Ngọc Loan	CNTP1	X	Loan
1262	Nguyễn Trần Vĩnh Kha	CNTP1	X	Kha
1263	Đặng Quốc Thái	CNTP1	X	Thái
1264	Võ Thị Kim Chi	CNTP1	X	Chi
1265	Hồ Thị Nhung	CNTP1	X	Nhung
1266	Phan Thị Hồng	CNTP1	X	Hồng
1267	Nguyễn Thị Mỹ Ngà	CNTP1	X	Ngà
1268	Nguyễn Thị Thi	CNTP1	X	Thi
1269	Hồ Thị Ngọc Hân	CNTP1	X	Hân
1270	Hà Văn Đon	CNTP1	X	Đon
1271	Nguyễn Phước Sang	CNTP1	X	Sang
1272	Lưu Thị Hòa	CNTP1	X	Hoà
1273	Trần Thị Thanh Thủy	CNTP1	X	Thủy
1274	Thái Thanh Diệt	CNTP1	X	Diệt
1275	Nguyễn Thị Quyên	CNTP1	X	Quyên
1276	Võ Minh Trị	CNTP1	X	Trị
1277	Lê Thị Thum	CNTP1	X	Thum
1278	Trần Thị Chúc Mai	CNTP1	X	Mai
1279	Nguyễn Thị Minh Thư	CNTP1	X	Thư

1280	Phạm Thị Bích Chi	CNTP1	X	Chi
1281	Lê Thị Thu Thảo	CNTP1	X	Thảo
1282	Nguyễn Hùng Kính	CNTP1	X	Kính
1283	Phan Thị Kim Tuyền	CNTP1	X	Tuyền
1284	Nguyễn Văn Sài	CNTP1	X	Sài
1285	Mai Hữu Trí	CNTP1	X	Trí
1286	Lê Thị Thảo Trang	CNTP1	X	Trang
1287	Phạm Thị Hạnh	CNTP1	X	Hạnh
1288	Lê Thị Ngoan	CNTP1	X	Ngoan
1289	Phan Văn Bé Điền	CNTP1	X	Điền
1290	Ngô Hữu Vạn	CNTP1	X	Vạn
1291	Văng Công Nghĩa	CNTP1	X	Nghĩa
1292	Nguyễn Thị Diện	CNTP1	X	Diện
1293	Nguyễn Thành Lâm	CNTP1	X	Lâm
1294	Nguyễn Thị Bích Hiền	CNTP1	X	Hiền
1295	Nguyễn Văn Thiện	CNTP1	X	Thiện
1296	Nguyễn Thị Hòa Em	CNTP1	X	Em
1297	Đoàn Minh Tuấn	CNTP1	X	Tuấn
1298	Trần Trí Cường	CNTP1	X	Cường
1299	Ngô Thị Thanh	CNTP1	X	Thanh
1300	Lê Thị Quyên	CNTP1	X	Quyên
1301	Phạm Thị Thùy Linh	CNTP1	X	Linh
1302	Nguyễn Thị Trúc Ly	CNTP1	X	Ly
1303	Nguyễn Thành Sĩ	CNTP1	X	Sĩ
1304	Lê Văn Tùng	CNTP1	X	Tùng
1305	Phạm Thị Lụa	CNTP1	X	Lụa
1306	Nguyễn Thị Thúy	CNTP1	X	Thúy
1307	Bùi Thị Xốp Chị	CNTP1	X	Chị
1308	Võ Thị Tuyết Loan	CNTP1	X	Loan
1309	Trần Văn Khoa	CNTP1	X	Khoa
1310	Huỳnh Văn Phong	CNTP1	X	Phong
1311	Thạch Thị Phượng	CNTP1	X	Phượng
1312	Nguyễn Thị Ngọc Châu	CNTP1	X	Châu
1313	Trần Minh Sanh	CNTP1	X	Sanh
1314	Lê Thị Thùy Trang	CNTP1	X	Trang
1315	Phạm Thị Bích Vân	CNTP1	X	Vân
1316	Võ Khang Ninh	CNTP1	X	Ninh
1317	Nguyễn Vũ Luân	CNTP1	X	Luân

1318	Nguyễn Hoàng Duy	CNTP1	X	
1319	Lê Thị Thanh Hảo	CNTP1	X	
1320	Ngô Thị Hạnh	CNTP1	X	
1321	Bùi Văn Phong	CNTP1	X	
1322	Nguyễn Chí Bảo	CNTP1	X	
1323	Trần Thị Xuân Hoa	CNTP1	X	
1324	Phạm Thị Hồng Nương	CNTP1	X	
1325	Nguyễn Thanh Thủy	CNTP1	X	
1326	Hồ Thị Cà Mum	CNTP1	X	
1327	Phạm Thị Mỹ Hạnh	CNTP1	X	
1328	Nguyễn Thị Thu Hồng	CNTP1	X	
1329	Âu Thị Xuyến	CNTP1	X	
1330	Phạm Thị Huyền Nhi	CNTP1	X	
1331	Phạm Thị Thúy Hằng	CNTP1	X	
1332	Trần Minh Trọng	CNTP1	X	
1333	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CNTP1	X	
1334	Nguyễn Thị Thu	CNTP1	X	
1335	Lê Thị Quyên	CNTP1	X	
1336	Lê Thị Anh Đào	CNTP1	X	
1337	Trần Thị Thu	CNTP1	X	
1338	Lê Thu Trang	CNTP1	X	
1339	Võ Thị Cẩm Nhung	CNTP1	X	
1340	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	CNTP1	X	
1341	Bùi Thị Thu Hương	CNTP1	X	
1342	Văng Thị Quỳnh Như	CNTP1	X	
1343	Võ Minh Luân	CNTP1	X	
1344	Lê Xuân Thanh	CNTP1	X	
1345	Trần Công Thành	CNTP1	X	
1346	Võ Thiện Anh	CNTP1	X	
1347	Nguyễn Thị Kim Loan	CNTP1	X	
1348	Võ Minh Thuận	CNTP1	X	
1349	Trần Mỹ Trinh	CNTP1	X	
1350	Phạm Thị Phượng	CNTP1	X	
1351	Võ Thị Thùy Dương	CNTP1	X	
1352	Phạm Thị Thảo My	CNTP1	X	
1353	Võ Hồng Nhung	CNTP1	X	
1354	Nguyễn Long Hồ	CNTP1	X	
1355	Hồ Thị Chúc Ly	CNTP1	X	

1356	Nguyễn Ngọc Lợi	CNTP1	X	Lợi
1357	Võ Thị Mỹ Triều	CNTP1	X	Triều
1358	Nguyễn Thị Thúy Loan	CNTP1	X	Loan
1359	Lâm Thúy Hằng	CNTP1	X	Hằng
1360	Trần Thị Mỹ Tâm	CNTP1	X	Tâm
1361	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	CNTP1	X	Nhi
1362	Trương Thị Kiều Mi	CNTP1	X	Mi
1363	Nguyễn Thị Ngọc Mai	CNTP1	X	Mai
1364	Nguyễn Văn Toán	CNTP1	X	Toán
1365	Phan Văn Phú	CNTP1	X	Phú
1366	Vũ Ngọc Loan	CNTP1	X	Loan
1367	Dương Phước Thịnh	CNTP1	X	Thịnh
1368	Phan Thanh Hiệp	CNTP1	X	Hiệp
1369	Hòa Thị Nhuấn	CNTP1	X	Nhuấn
1370	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	CNTP1	X	Quyên
1371	Trần Thị Quyên Anh	CNTP1	X	Anh
1372	Cao Trường Vũ	CNTP1	X	Vũ
1373	Lê Thị Quỳnh Hoa	CNTP1	X	Hoa
1374	Nguyễn Trí Vĩ	CNTP1	X	Vĩ
1375	Đặng Văn Phước	CNTP1	X	Phước
1376	Trần Mỹ Hà	CNTP1	X	Hà
1377	Văng Tuấn Cảnh	CNTP1	X	Cảnh
1378	Võ Thái Lâm	CNTP1	X	Lâm
1379	Hà Phú Đức	CNTP1	X	Đức
1380	Thái Văn Lý	CNTP1	X	Lý
1381	Tôn Minh Tổng	CNTP1	X	Tổng
1382	Nguyễn Thị Hà Lan	CNTP1	X	Lan
1383	Lê Thị Thanh Thảo	CNTP1	X	Thảo
1384	Nguyễn Quốc Tự	CNTP1	X	Tự
1385	Trần Ngọc Tài	CNTP1	X	Tài
1386	Nguyễn Lâm Trường	CNTP1	X	Trường
1387	Đặng Thị Thu Quyên	CNTP1	X	Quyên
1388	Võ Thị Mỹ Thi	CNTP1	X	Thi
1389	Ngô Thị Thùy Dương	CNTP1	X	Dương
1390	Nguyễn Thị Cẩm Duy	CNTP1	X	Duy
1391	Cao Thị Thúy An	CNTP1	X	An
1392	Nguyễn Trọng Nghĩa	CNTP1	X	Nghĩa
1393	Ngô Tấn Tài	CNTP1	X	Tài

1394	Nguyễn Thị Quỳnh Như	CNTP1	X	Như
1395	Huỳnh Thị Trúc Ly	CNTP1	X	Ly
1396	Lý Thái Dương	CNTP1	X	Dương
1397	Võ Thị Bích Duyên	CNTP1	X	duyên
1398	Huỳnh Thị Thu Hà	CNTP1	X	hà
1399	Nguyễn Duy Hùng	CNTP1	X	Hùng
1400	Nguyễn Thị Thúy An	CNTP1	X	An
1401	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	CNTP1	X	Tâm
1402	Nguyễn Công Bảo	CNTP1	X	Bảo
1403	Trần Công Minh	CNTP1	X	Minh
1404	Nguyễn Dương Kim Ngân	CNTP1	X	Ngân
1405	Nguyễn So Nil	CNTP1	X	Nil
1406	Văng Thị Kim Loan	CNTP1	X	Loan
1407	Nguyễn Tấn Phúc	CNTP1	X	Phúc
1408	Ngô Văn Pha	CNTP1	X	Pha
1409	Võ Văn Hiếu	CNTP1	X	Hiếu
1410	Nguyễn Ngọc Thiện	CNTP1	X	Thiện
1411	Tạ Minh Thông	CNTP1	X	Thông
1412	Hà Phú Bảnh	CNTP1	X	Bảnh
1413	Võ Thị Hồng Châu	CNTP1	X	Châu
1414	Nguyễn Thanh Phong	CNTP1	X	Phong
1415	Lý Hồng Phát	CNTP1	X	Phát
1416	Âu Thị Ngọc Thảo	CNTP1	X	Thảo
1417	Lương Trần Nhật Trường	CNTP1	X	Trường
1418	Dương Văn Tý	CNTP1	X	Tý
1419	Phan Nguyễn Minh Trí	CNTP1	X	Trí
1420	Trần Thị Kiều Vân	CNTP1	X	Vân
1421	Nguyễn Thị Thu Ngân	CNTP1	X	Ngân
1422	Nguyễn Thị Thự	CNTP1	X	Thự
1423	Đặng Minh Tâm	CNTP1	X	Tâm
1424	Nguyễn Ngọc Thảo	CNTP1	X	Thảo
1425	Huỳnh Gia Bảo	CNTP1	X	Bảo
1426	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	CNTP1	X	Phúc
1427	Huỳnh Thị Phãi Em	CNTP1	X	Em
1428	Nguyễn Thị Ngọc	CNTP1	X	Ngọc
1429	Nguyễn Thị Ngọc Mai	CNTP1	X	Mai
1430	Trần Thị Cẩm Ly	CNTP1	X	Ly
1431	Võ Thị Bích Tuyền	CNTP1	X	Tuyền

1432	Dương Thị Kim Oanh	CNTP1	X	Oanh
1433	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CNTP1	X	Linh
1434	Nguyễn Thị Trúc Linh	CNTP1	X	Trúc
1435	Phạm Thị Tuyết Nhi	CNTP1	X	Nhi
1436	Lưu Thị Ngọc Chăm	CNTP1	X	Chăm
1437	Nguyễn Thị Huyền Duy	CNTP1	X	Duy
1438	Nguyễn Thị Hồng Huệ	CNTP1	X	Huệ
1439	Đặng Thị Kim Chi	CNTP1	X	Chi
1440	Nguyễn Thị Mỹ Ngà	CNTP1	X	Ngà
1441	Huỳnh Thị Ngọc Thoa	CNTP1	X	Thoa
1442	Huỳnh Mẫn Đạt	CNTP1	X	Đạt
1443	Nguyễn Đức Triệu	CNTP1	X	Triệu
1444	Hồ Thị Xuân Mai	CNTP1	X	Mai
1445	Lê Hoàng Tuấn Vũ	CNTP1	X	Vũ
1446	Nguyễn Hoàng Tuấn	CNTP1	X	Tuấn
1447	Nguyễn Ngọc Hà	CNTP1	X	Hà
1448	Nguyễn Minh Thuận	CNTP1	X	Thuận
1449	Trần Hoàng Sang	CNTP1	X	Sang
1450	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	CNTP1	X	Ngọc
1451	Phan Thị Kim Hương	CNTP1	X	Hương
1452	Đoàn Chí Công	CNTP1	X	Công
1453	Võ Tuấn Kiệt	CNTP1	X	Kiệt
1454	Võ Thị Bích Ngọc	CNTP1	X	Ngọc
1455	Nguyễn Trọng Nhân	CNTP1	X	Nhân
1456	Lê Ngọc Hải	CNTP1	X	Hải
1457	Tạ Như Huỳnh	CNTP1	X	Huỳnh
1458	Lê Thị Minh Thu	CNTP1	X	Thu
1459	Đặng Thị Kim Thoa	CNTP1	X	Thoa
1460	Phạm Minh Thuận	CNTP1	X	Thuận
1461	Nguyễn Hoàng Linh	CNTP1	X	Linh
1462	Bùi Văn Thái	CNTP1	X	Thái
1463	Lý Ngọc Oanh Chị	CNTP2	X	Chi
1464	Nguyễn Thị Minh Nghi	CNTP2	X	Nghi
1465	Lê Hoàng Phi	CNTP2	X	Phi
1466	Võ Nguyễn Ngọc Diệu	CNTP2	X	Diệu
1467	Nguyễn Ngọc Thúy	CNTP2	X	Thúy
1468	Nguyễn Thị Quỳnh Trăm	CNTP2	X	Trăm
1469	Sa Lay Ro Vi Dah	CNTP2	X	Dah

1470	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	CNTP2	X	Duyên
1471	Nguyễn Văn Đăng	CNTP2	X	Đăng
1472	Lưu Thanh Dũng	CNTP2	X	Dũng
1473	Ngô Thị Ngọc Mai	CNTP2	X	Mai
1474	Ngô Minh Thảo	CNTP2	X	Thảo
1475	Lưu Thị Ngọc Ý	CNTP2	X	Ý
1476	Nguyễn Thị Trang Đài	CNTP2	X	Đài
1477	Lâm Chí Hùng	CNTP2	X	Hùng
1478	Đỗ Thị Kiều Trang	CNTP2	X	Trang
1479	Nguyễn Thị Bích	CNTP2	X	Bích
1480	Trần Thị Mỹ Xuyên	CNTP2	X	Xuyên
1481	Ngô Thị Quế Anh	CNTP2	X	Anh
1482	Nguyễn Xuân Nở	CNTP2	X	Nở
1483	Lê Thị Tú Anh	CNTP2	X	Anh
1484	Võ Ngọc Tuyền	CNTP2	X	Tuyền
1485	Lê Thị Kim Thoa	CNTP2	X	Thoa
1486	Nguyễn Thị Kim Viếng	CNTP2	X	Viếng
1487	Võ Tấn Hiên	CNTP2	X	Hiên
1488	Cao Thị Kim Cúc	CNTP2	X	Cúc
1489	Đặng Văn Tới	CNTP2	X	Tới
1490	Nguyễn Hửu Tài	CNTP2	X	Tài
1491	Nguyễn Thị Út	CNTP2	X	Út
1492	Đặng Văn Hồ	CNTP2	X	Hồ
1493	Nguyễn Văn Vui	CNTP2	X	Vui
1494	Đặng Văn Quí Em	CNTP2	X	Em
1495	Dương Hữu Tâm	CNTP2	X	Tâm
1496	Nguyễn Thị Kim Hậu	CNTP2	X	Hậu
1497	Trần Lê Uyên Phương	CNTP2	X	Phương
1498	Huỳnh Lệ Xuân	CNTP2	X	Xuân
1499	Võ Thị Nga	CNTP2	X	Nga
1500	Trần Văn Thái	CNTP2	X	Thái
1501	Nguyễn Văn Chung	CNTP2	X	Chung
1502	Thi Huỳnh Mai	CNTP2	X	Mai
1503	Nguyễn Thị Kim Lê	CNTP2	X	Lê
1504	Nguyễn Thị Thắm	CNTP2	X	Thắm
1505	Dương Tuấn Cường	CNTP2	X	Cường
1506	Võ Minh Đức	CNTP2	X	Đức
1507	Võ Thị Bích Phượng	CNTP2	X	Phượng

1508	Nguyễn Thị Thủy Em	CNTP2	X	Em
1509	Nguyễn Hữu Tài	CNTP2	X	Tài
1510	Lê Hoàng Bữu	CNTP2	X	Bữu
1511	Phạm Ngọc Khang	CNTP2	X	Khang
1512	Nguyễn Thị Thúy Vân	CNTP2	X	Vân
1513	Nguyễn Thị Liễu	CNTP2	X	Liễu
1514	Ngô Hồng Sơn	CNTP2	X	Sơn
1515	Huỳnh Thị Huệ Hương	CNTP2	X	Hương
1516	Nguyễn Hửu Sanh	CNTP2	X	Sanh.
1517	Đoàn Minh Khanh	CNTP2	X	Khanh
1518	Quách Thị Thúy Hằng	CNTP2	X	Hằng.
1519	Đặng Văn Hiếu	CNTP2	X	Hiếu
1520	Trương Thị Mén	CNTP2	X	Mến
1521	Lê Thành Nhân	CNTP2	X	Nhân
1522	Phạm Thị Thu Thủy	CNTP2	X	Thủy
1523	Nguyễn Thị Song Chinh	CNTP2	X	Chinh
1524	Nguyễn Thành Nhân	CNTP2	X	Nhân
1525	Phan Châu Màu	CNTP2	X	Màu
1526	Phạm Thị Thanh Hương	CNTP2	X	Hương
1527	Nguyễn Văn Tư	CNTP2	X	Tư
1528	Hồ Thị Hiền	CNTP2	X	Hiền
1529	Võ Duy Khánh	CNTP2	X	Khánh
1530	Trương Văn Nam	CNTP2	X	Nam
1531	Mai Văn Mạnh	CNTP2	X	Mạnh
1532	Nguyễn Thị Thúy Kiều	CNTP2	X	Kiều
1533	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	CNTP2	X	Vàng
1534	Trần Thị Thanh Tâm	CNTP2	X	Tâm
1535	Nguyễn Thị Bích Hạnh	CNTP2	X	Hạnh
1536	Dương Thị Lan	CNTP2	X	Lan
1537	Trương Thị Tiếm	CNTP2	X	Tiếm
1538	Nguyễn Văn Hữu	CNTP2	X	Hữu
1539	Phạm Yến Nhi	CNTP2	X	Nhi
1540	Bùi Thị Ngọc Điệp	CNTP2	X	Điệp
1541	Thái Thị Bích Ngọc	CNTP2	X	Ngọc
1542	Đoàn Minh Quang	CNTP2	X	Quang
1543	Nguyễn Thị Kim	CNTP2	X	Kim
1544	Nguyễn Thị Hồng Thu	CNTP2	X	Thu
1545	Võ Thị Bích	CNTP2	X	Bích

1546	Lê Văn Tròn	CNTP2	X	
1547	Phan Châu Đăng	CNTP2	X	
1548	Lê Thị Cẩm Huyền	CNTP2	X	
1549	Nguyễn Thị Kim Tuyền	CNTP2	X	
1550	Văng Thị Hồng Bông	CNTP2	X	
1551	Nguyễn Thị Kim Hương	CNTP2	X	
1552	Nguyễn Thị Tý Hon	CNTP2	X	
1553	Lê Văn Là	CNTP2	X	
1554	Lưu Văn Tư	CNTP2	X	
1555	Nguyễn Văn Tánh	CNTP2	X	
1556	Cao Trọng Phúc	CNTP2	X	
1557	Lê Thị Bích Tuyền	CNTP2	X	
1558	Nguyễn Kiều Diễm Thúy	CNTP2	X	
1559	Nguyễn Thị Phượng	CNTP2	X	
1560	Võ Thành Toàn	CNTP2	X	
1561	Nguyễn Hữu Quang Bình	CNTP2	X	
1562	Lê Thị Diễm My	CNTP2	X	
1563	Mai Cẩm Lụa	CNTP2	X	
1564	Nguyễn Thị Yến Chi	CNTP2	X	
1565	Nguyễn Thị Mai Trinh	CNTP2	X	
1566	Lê Thị Trọng	CNTP2	X	
1567	Nguyễn Văn Thiết	CNTP2	X	
1568	Nguyễn Thị Kim Lợi	CNTP2	X	
1569	Nguyễn Trung Tiến	CNTP2	X	
1570	Nguyễn Thị Diễm Hương	CNTP2	X	
1571	Phạm Thị Ngọc	CNTP2	X	
1572	Văng Thành Ý	CNTP2	X	
1573	Đỗ Thành Tu	CNTP2	X	
1574	Trần Văn Giàu	CNTP2	X	
1575	Phan Văn Vàng	CNTP2	X	
1576	Nguyễn Thị Ba Lùng	CNTP2	X	
1577	Phạm Thị Ngọc Hiền	CNTP2	X	
1578	Nguyễn Mẫn Đốm	CNTP2	X	
1579	Nguyễn Văn Pháp	CNTP2	X	
1580	Nguyễn Thị Nhi	CNTP2	X	
1581	Võ Ngọc Hải	CNTP2	X	
1582	Đỗ Minh Vương	CNTP2	X	
1583	Bùi Thị Diễm Kiều	CNTP2	X	

1584	Ngô Phước Hòa	CNTP2	X	Hòa
1585	Lê Thanh Nhựt	CNTP2	X	Nhựt
1586	Huỳnh Thị Như Thảo	CNTP2	X	Thảo
1587	Võ Thị Thu Trang	CNTP2	X	Trang
1588	Nguyễn Thị Minh Thùy	CNTP2	X	Thùy
1589	Nguyễn Văn Vĩ	CNTP2	X	Vĩ
1590	Bùi Hoàng Khang	CNTP2	X	Khang
1591	Huỳnh Thị Cẩm Tú	CNTP2	X	Tú
1592	Dương Quốc Kiệt	CNTP2	X	Kiệt
1593	Dương Quốc Hào	CNTP2	X	Hào
1594	Nguyễn Thanh Sang	CNTP2	X	Sang
1595	Phạm Minh Dàng	CNTP2	X	Dàng
1596	Phạm Thị Hồng Gấm	CNTP2	X	Gấm
1597	Nguyễn Văn Tòi	CNTP2	X	Tòi
1598	Phan Tuấn Việt	CNTP2	X	Việt
1599	Bùi Minh Lý	CNTP2	X	Lý
1600	Trần Thị Yến Nhi	CNTP2	X	Nhi
1601	Nguyễn Thị Thùy Vân	CNTP2	X	Vân
1602	Trần Minh Trí	CNTP2	X	Trí
1603	Nguyễn Thị Như Ý	CNTP2	X	Ý
1604	Nguyễn Việt Kiều	CNTP2	X	Kiều
1605	Võ Sơn Ca	CNTP2	X	Ca
1606	Hồ Huỳnh Hương	CNTP2	X	Hương
1607	Lương Thị Hợp	CNTP2	X	Hợp
1608	Trương Thị Kim Chi	CNTP2	X	Chi
1609	Phạm Thị Huỳnh Như	CNTP2	X	Như
1610	Trần Văn Ngoãn	CNTP2	X	Ngoãn
1611	Cao Thị Tuyết Anh	CNTP2	X	Anh
1612	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	CNTP2	X	Xuyên
1613	Nguyễn Văn Trung	CNTP2	X	Trung
1614	Huỳnh Hữu Thạnh	CNTP2	X	Thạnh
1615	Nguyễn Thị Bảo Trân	CNTP2	X	Trân
1616	Nguyễn Thị Ngọc Hà	CNTP2	X	Hà
1617	Văng Thị Hồng Giàu	CNTP2	X	Giàu
1618	Trương Minh Thái	CNTP2	X	Thái
1619	Lê Văn Minh	CNTP2	X	Minh
1620	Nguyễn Minh Khánh	CNTP2	X	Khánh
1621	Nguyễn Bích Thủy	CNTP2	X	Thủy

1622	Lê Ngọc Thịnh	CNTP2	X	Thịnh
1623	Trần Thị Mỹ Linh	CNTP2	X	Linh
1624	Nguyễn Thị Giữa	CNTP2	X	Giữa
1625	Nguyễn Thị Chặt	CNTP2	X	Chặt
1626	Nguyễn Thanh Toàn	CNTP2	X	Toàn
1627	Nguyễn Phát Triển	CNTP2	X	Triển
1628	Nguyễn Thị Cẩm Tú	CNTP2	X	Tú
1629	Nguyễn Thị Nở	CNTP2	X	Nở
1630	Nguyễn Thị Trúc Ly	CNTP2	X	Ly
1631	Bùi Văn Đặng	CNTP2	X	Đặng
1632	Phạm Thị Mỹ Linh	CNTP2	X	Linh
1633	Lê Hồng Thắm	CNTP2	X	Thắm
1634	Nguyễn Thị Kim Nghi	CNTP2	X	Nghi
1635	Phạm Đức Thắng	CNTP2	X	Thắng
1636	Võ Văn Thông	CNTP2	X	Thông
1637	Phạm Thị Lùng	CNTP2	X	Lùng
1638	Nguyễn Thị Thu Vân	CNTP2	X	Vân
1639	Nguyễn Thị Vinh	CNTP2	X	Vinh
1640	Nguyễn Thị Gái	CNTP2	X	Gái
1641	Đặng Vũ Kha	CNTP2	X	Kha
1642	Nguyễn An Nhiên	CNTP2	X	Nhiên
1643	Trương Thị Thanh Tuyền	CNTP2	X	Tuyền
1644	Đinh Thị Diễm My	CNTP2	X	My
1645	Nguyễn Thị Loan	CNTP2	X	Loan
1646	Nguyễn Thị Thư	CNTP2	X	Thư
1647	Trần Thị Kim Hoàng	CNTP2	X	Hoàng
1648	Đinh Thị Ngọc Huyền	CNTP2	X	Huyền
1649	Nguyễn Thị Thúy An	CNTP2	X	An
1650	Nguyễn Kim Lan	CNTP2	X	Lan
1651	Đào Thị Kim Ngân	CNTP2	X	Ngân
1652	Dương Thị Vàng	CNTP2	X	Vàng
1653	Đinh Thị Bích Trâm	CNTP2	X	Trâm
1654	Đào Tuấn Vũ	CNTP2	X	Vũ
1655	Nguyễn Hữu Thành	CNTP2	X	Thành
1656	Nguyễn Ngọc Thành	CNTP2	X	Thành
1657	Trần Thị Huyền Trân	CNTP2	X	Trân
1658	Nguyễn Thị Mến	CNTP2	X	Mến
1659	Mai Vĩ Khang	CNTP2	X	Khang

1660	Huỳnh Văn Huy	CNTP2	X	Huy
1661	Hà Thị Lắm	CNTP2	X	Lắm
1662	Trần Minh Trí	CNTP2	X	Trí
1663	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CNTP2	X	Ngọc
1664	Trần Thị Kiều	CNTP2	X	Kiều
1665	Đặng Thị Thu Ngân	CNTP2	X	Ngân
1666	Nguyễn Thị Kim Chi	CNTP2	X	Chi
1667	Huỳnh Thị Hạnh	CNTP2	X	Hạnh
1668	Phan Thị Xuân Yến	CNTP2	X	Yến
1669	Võ Thị Bích Ngân	CNTP2	X	Ngân
1670	Nguyễn Thành An	CNTP2	X	An
1671	Đoàn Thị Mỹ Khánh	CNTP2	X	Khánh
1672	Lê Thành Sự	CNTP2	X	Sự
1673	Nguyễn Thanh Xuân	CNTP2	X	Xuân
1674	Lê Minh Kha	CNTP2	X	Kha
1675	Đặng Hoàng Phúc	CNTP2	X	Phúc
1676	Trần Minh Đon	CNTP2	X	Đon
1677	Trương Văn Chiến	CNTP2	X	Chiến
1678	Nguyễn Ngọc Ấn	CNTP2	X	Ấn
1679	Dương Thị Kim Ngân	CNTP2	X	Ngân
1680	Tôn Thị Ngọc Diễm	CNTP2	X	Diễm
1681	Đặng Thị Mỹ Giàu	CNTP2	X	Giàu
1682	Nguyễn Văn Thành	CNTP2	X	Thành
1683	Nguyễn Thị Ngân	CNTP2	X	Ngân
1684	Lương Thị Thu Hai	CNTP2	X	Hai
1685	Võ Thị Đào	CNTP2	X	Đào
1686	Võ Thị Mót	CNTP2	X	Mót
1687	Dương Thị Ngọc Bích	CNTP2	X	Bích
1688	Đinh Thị Tuyết Duy	CNTP2	X	Duy
1689	Nguyễn Văn Nghiệp	CNTP2	X	Nghiệp
1690	Lê Văn Độ	CNTP2	X	Độ
1691	Nguyễn Thị Hòa	CNTP2	X	Hòa
1692	Võ Văn Lực	CNTP2	X	Lực
1693	Lương Thị Mỹ Xuyên	CNTP2	X	Xuyên
1694	Nguyễn Thanh Bình	CNTP2	X	Bình
1695	Phan Tấn Vũ	CNTP2	X	Vũ
1696	Nguyễn Thị Thu Thảo	CNTP2	X	Thảo
1697	Nguyễn Thị Kim Xinh	CNTP2	X	Xinh

1698	Phạm Minh Nhựt	CNTP2	X	
1699	Lê Thị Kim Cương	CNTP2	X	
1700	Đào Thị Kim Dung	CNTP2	X	
1701	Bùi Thanh Phong	CNTP2	X	
1702	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	CNTP2	X	
1703	Trần Minh Tiến	CNTP2	X	
1704	Lâm Gia Tường	CNTP2	X	
1705	Nguyễn Văn Giáo	CNTP2	X	
1706	Trương Văn Thiện	CNTP2	X	
1707	Kiều Thị Yến Nhi	CNTP2	X	
1708	Đoàn Văn Leo	CNTP2	X	
1709	Nguyễn Thị Cẩm Chướng	CNTP2	X	
1710	Nguyễn Văn Đại	CNTP2	X	
1711	Lê Thị Trúc Ly	CNTP2	X	
1712	Văng Thị Như Ý	CNTP2	X	
1713	Nguyễn Quốc Vỹ	CNTP2	X	
1714	Trần Văn Ngọc Quí	CNTP2	X	
1715	Hà Thị Mỹ Linh	CNTP2	X	
1716	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	CNTP2	X	
1717	Võ Thị Thảo	CNTP2	X	
1718	Nguyễn Thị Tú Xương	CNTP2	X	
1719	Võ Minh Thư	CNTP2	X	
1720	Lê Đoàn Minh Tiến	CNTP2	X	
1721	Lê Thị Huỳnh Thi	CNTP2	X	
1722	Phạm Thị Huệ Hiền	CNTP2	X	
1723	Đặng Thị Kim Ngân	CNTP2	X	
1724	Mai Thanh Phú	CNTP2	X	
1725	Nguyễn Thị Chi Lan	CNTP2	X	
1726	Nguyễn Bình Yên	CNTP2	X	
1727	Trần Thị Kim Thy	CNTP2	X	
1728	Lê Thị Ngọc Bích	CNTP2	X	
1729	Trần Thị Kim Xoàn	CNTP2	X	
1730	Châu Thị Bé Ngân	CNTP2	X	
1731	Lê Thị Bích Dư	CNTP2	X	
1732	Nguyễn Thị Nhành	CNTP2	X	
1733	Trần Nguyễn Kim Loan	CNTP2	X	
1734	Trần Tấn Thái	CNTP2	X	
1735	Lê Quốc Thành	CNTP2	X	

1736	Lê Văn Hùng	CNTP2	X	Hùng
1737	Lê Thị Bích Nguyên	CNTP2	X	Nguyên
1738	Nguyễn Trọng Nam	CNKL1	X	Nam
1739	Lê Thành Tài	CNKL1	X	Tài
1740	Lê Thành Chánh	CNKL1	X	Chánh
1741	Trần Phạm Minh Mẫn	CNKL1	X	Mẫn
1742	Nguyễn Thanh Hoài	CNKL1	X	Hoài
1743	Đoàn Văn Phúc	CNKL1	X	Phúc
1744	Nguyễn Nam Trung	CNKL1	X	Trung
1745	Trần Hữu Tài	CNKL1	X	Tài
1746	Nguyễn Khinh Kha	CNKL1	X	Kha
1747	Đặng Minh Phong	CNKL1	X	Phong
1748	Nguyễn Khánh Duy	CNKL1	X	Duy
1749	Cao Văn Việt	CNKL1	X	Việt
1750	Nguyễn Minh Cường	CNKL1	X	Cường
1751	Đặng Tấn Quân	CNKL1	X	Quân
1752	Phạm Phú Lộc	CNKL1	X	Lộc
1753	Trần Đặng Công Hậu	CNKL1	X	Hậu
1754	Nguyễn Thanh Trường	CNKL1	X	Trường
1755	Nguyễn Văn Hạnh	CNKL1	X	Hạnh
1756	Nguyễn Hữu Tiền	CNKL1	X	Tiền
1757	Nguyễn Khánh Linh	CNKL1	X	Linh
1758	Dương Quốc Huy	CNKL1	X	Huy
1759	Bùi Văn Hoàng Anh	CNKL1	X	Anh
1760	Trần Quang Vinh	CNKL1	X	Vinh
1761	Nguyễn Văn Tùng	CNKL1	X	Tùng
1762	Nguyễn Dũ Linh	CNKL1	X	Linh
1763	Trần Anh Vũ	CNKL1	X	Vũ
1764	Tôn Minh Chánh	CNKL1	X	Chánh
1765	Cao Văn Mến	CNKL1	X	Mến
1766	Nguyễn Công Tiếp	CNKL1	X	Tiếp
1767	Nguyễn Trí Linh	CNKL1	X	Linh
1768	Văng Minh Thân	CNKL1	X	Thân
1769	Đoàn Thái Nguyên	CNKL1	X	Nguyên
1770	Phạm Hoài Linh	CNKL1	X	Linh
1771	Nguyễn Thanh Hòa	CNKL1	X	Hòa
1772	Huỳnh Anh Tạo	CNKL1	X	Tạo
1773	Trần Minh Phú	CNKL1	X	Phú

1774	Trần Văn The	CNKL1	X	
1775	Phạm Lê Huỳnh Đức	CNKL1	X	
1776	Phạm Tấn Thành	CNKL1	X	
1777	Nguyễn Tấn Phát	CNKL1	X	
1778	Lê Phú Hữu	CNKL1	X	
1779	Phạm Hữu Lợi	CNKL1	X	
1780	Đoàn Văn Thảo	CNKL1	X	
1781	Trần Phương Quang	CNKL1	X	
1782	Lê Thanh Quy	CNKL2	X	
1783	Lê Thanh Duy	CNKL2	X	
1784	Nguyễn Thanh Tuấn	CNKL2	X	
1785	Nguyễn Minh Nhân	CNKL2	X	
1786	Võ Duy Khanh	CNKL2	X	
1787	Phan Đức Thiện	CNKL2	X	
1788	Lâm Văn Chiêu	CNKL2	X	
1789	Đinh Văn Tín	CNKL2	X	
1790	Lê Minh Luật	CNKL2	X	
1791	Đinh Hữu Long	CNKL2	X	
1792	Phạm Văn Thum	CNKL2	X	
1793	Đoàn Trọng Phúc	CNKL2	X	
1794	Đinh Văn Hai	CNKL2	X	
1795	Bùi Văn Bé Tám	CNKL2	X	
1796	Võ Thành Hôn	CNKL2	X	
1797	Nguyễn Trung Thành	CNKL2	X	
1798	Đinh Thành Trung	CNKL2	X	
1799	Huỳnh Hoài Nam	CNKL2	X	
1800	Nguyễn Văn Đăng	CNKL2	X	
1801	Nguyễn Đinh Giang	CNKL2	X	
1802	Trần Nhựt Anh	CNKL2	X	
1803	Nguyễn Ngọc Đông	CNKL2	X	
1804	Huỳnh Văn An	CNKL2	X	
1805	Trịnh Thanh Hóa	CNKL2	X	
1806	Nguyễn Nhựt Bản	CNKL2	X	
1807	Đinh Thiện Nhân	CNKL2	X	
1808	Nguyễn Minh Nhựt	CNKL2	X	
1809	Trần Văn Tài	CNKL2	X	
1810	Đinh Văn Hiền	CNKL2	X	
1811	Nguyễn Ngọc Sự	CNKL2	X	

1812	Nguyễn Hữu Có	CNKL2	X	Có
1813	Kha Minh Lý	CNKL2	X	Lý
1814	Đỗ Công Tâm	CNKL2	X	Tâm
1815	Huỳnh Võ Phú	CNKL2	X	Phú
1816	Phạm Kim Hạnh	CNDV	X	Hạnh
1817	Nguyễn Thị Thủy	CNDV	X	Thủy
1818	Đoàn Kim Dung	CNDV	X	Dung
1819	Trần Thị Kim	CNDV	X	Kim
1820	Nguyễn Thị Kim Phượng	CNDV	X	Phượng
1821	Nguyễn Thị Phương	CNDV	X	Phương
1822	Nguyễn Thị Phượng	CNDV	X	Phượng
1823	Lê Kim Thủy	CNDV	X	Thủy
1824	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	CNDV	X	Hạnh
1825	Trần Bá Được	CNDV	X	Được
1826	Nguyễn Thị Hiền	CNDV	X	Hiền
1827	Phạm Văn Khên	CNDV	X	Khên
1828	Ngô Diễm Thúy	CNDV	X	Thúy
1829	Nguyễn Văn Nguyên	CNDV	X	Nguyên
1830	Ngô Thị Mừng	CNDV	X	Mừng
1831	Trần Văn Phước	CNDV	X	Phước
1832	Nguyễn Minh Mẫn	CNDV	X	Mẫn
1833	Phạm Văn Chậm	CNDV	X	Chậm
1834	Đoàn Thanh Sang	CNDV	X	Sang
1835	Phạm Thị Hương	CNDV	X	Hương
1836	Nguyễn Thị Mai	CNDV	X	Mai
1837	Nguyễn Thanh Tùng	CNDV	X	Tùng
1838	Phạm Thị Thanh Dung	CNDV	X	Dung
1839	Trần Thị Trúc Phương	CNDV	X	Phương
1840	Trần Thị Bích Phà	CNDV	X	Phà
1841	Nguyễn Thị Quí	CNDV	X	Quí
1842	Nguyễn Thị Bích Ngân	CNDV	X	Ngân
1843	Nguyễn Thị Nâu	CNDV	X	Nâu
1844	Cao Hùng Dũng	CNDV	X	Dũng
1845	Trần Thị Giàu	CNDV	X	Giàu
1846	Lê Thị Cúc	CNDV	X	Cúc
1847	Nguyễn Thị Phượng	CNDV	X	Phượng
1848	Nguyễn Thanh Hoàng	CNDV	X	Hoàng
1849	Nguyễn Thị Châu	CNDV	X	Châu

1850	Võ Quốc Hùng	CNDV	X	
1851	Huỳnh Thị Mỹ Hường	CNDV	X	
1852	Lê Thanh Phong	CNDV	X	
1853	Lê Kim Thúy	CNDV	X	
1854	Võ Thị Kim Nương	CNDV	X	
1855	Lê Văn Trúng	CNDV	X	
1856	Bùi Kim Loan	CNDV	X	
1857	Huỳnh Văn Trọng	CNDV	X	
1858	Trần Thị Kim Thoa	CNDV	X	
1859	Nguyễn Thị Út Em	CNDV	X	
1860	Lê Thu Trang	CNDV	X	
1861	Trần Thị Kim Oanh	CNDV	X	
1862	Cao Thị Thùy Trang	CNDV	X	
1863	Đặng Thị Nga	CNDV	X	
1864	Nguyễn Nhựt Trường	CNDV	X	
1865	Trần Thanh Hiền	CNDV	X	
1866	Trần Quốc Duy	CNDV	X	
1867	Nguyễn Thị Đào	CNDV	X	

P.GĐ HCNS
(Director of Human Resources)

Trần Phúc Hậu

Nguyễn Văn Sáng

Người đào tạo
(The trainer)

Trần Quang Nha

Trần Phúc Hậu

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TPONE-
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2025

DANH SÁCH
KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ VÀ KHÁM PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP CỦA CÁN BỘ - CÔNG NHÂN VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; Thông tư số 28/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý bệnh nghề nghiệp; CN Cty TNHH TPOne - Phòng khám đa khoa Mỹ Thạnh đã khám sức khỏe cho người lao động CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ KHÁM, PHÂN LOẠI SỨC KHỎE

1. Kết quả khám sức khỏe:

Danh mục chữ viết tắt *: TH (Tuần hoàn), NT (Nội tiết), TTN (Thận tiết niệu), RHM (Răng hàm mặt), MPT (Mắt phải trái), MP (Mắt phải), MT (Mắt trái), TMH (Tai mũi họng), SPK (Sản phụ khoa), T (Trái), P (Phải), TS (Tiền sử), TD (Theo dõi), CC (Chiều cao), CN (Cân nặng), TL (Thể lực).*

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1	Nguyễn Văn Định	Nam	08/03/1982	Giám đốc	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
2	Lê Ngọc Sơn	Nam	20/02/1984	Phó Giám đốc	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
3	Nguyễn Văn Lễ	Nam	29/04/1993	Thủ kho vật tư	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
4	Lê Thị Phương	Nữ	25/10/1984	Nhân viên	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
5	Trần Hữu Đắc	Nam	09/05/1982	Tổ trưởng tiếp nhận	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
6	Nguyễn Thị Kim Phương	Nữ	08/11/1987	Tổ Trưởng thống kê	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
7	Trần Hữu Phong	Nam	01/01/1984	Tổ trưởng xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
8	Lê Trịnh Thúy Vi	Nữ	01/01/1994	Tổ phó fille	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
9	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	12/07/1982	Tổ trưởng tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
10	Bùi Cẩm Tiên	Nữ	25/04/1981	Tổ trưởng xếp khuôn	MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
11	Phan Thị Thu Hường	Nữ	20/08/1985	QC tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Gãy xương đòn (P)	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
12	Nguyễn Duy Giang	Nam	18/04/1983	Tổ trưởng thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
13	Nguyễn Ngọc Phú	Nam	01/10/1995	Tổ phó thành phẩm	MPT cận thị Mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
14	Văng Thị Diễm Phương	Nữ	21/01/1994	QC Trưởng tổ thành phẩm	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
15	Văng Thị Kim Hường	Nữ	31/08/1992	QC thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
16	Mai Thụy Yến Vy	Nữ	14/10/1999	QC thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
17	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	06/09/1996	QC thành phẩm	MPT cận thị Viêm amidan	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
18	Phạm Minh Thông	Nam	07/08/1997	Tổ phó thành phẩm	MPT cận loạn thị TS: Gãy xương cẳng tay (T)			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
19	Lê Thị Nhung	Nữ	12/04/1998	Tổ phó tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
20	Nguyễn Thị Thu Phiếu	Nữ	04/08/1996	QC Trưởng tổ thành phẩm	Sâu nhiều răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
21	Bùi Thị Thanh Thúy	Nữ	18/12/1995	QC thành phẩm	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
22	Phạm Văn Phát	Nam	10/05/1986	Tổ trưởng kho lạnh	MPT lão thị Sâu răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
23	Lê Trung Hậu	Nam	31/12/1993	Tổ phó thành phẩm	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
24	Lê Thanh Tú	Nam	02/07/1992	Tổ phó kho lạnh	Béo phệ MPT cận thị Sâu răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
25	Huỳnh Nhật Khải	Nam	28/02/2001	Tổ phó kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
26	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	05/05/1985	Tổ trưởng vệ sinh	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
27	Trần Hữu Thế	Nam	29/08/1992	Tổ phó vệ sinh	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
28	Trần Quang Nha	Nam	06/10/1982	Trưởng phòng	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
29	Đào Tấn Đức	Nam	07/10/1983	Tổ trưởng cơ khí	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
30	Lê Ngọc Hải	Nam	26/12/1982	Tổ phó cơ khí	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
31	Lê Như Hải	Nam	23/04/1991	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
32	Hồ Văn Thông	Nam	11/10/1985	Tổ phó cơ khí	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
33	Trần Minh Trung	Nam	01/01/1984	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
34	Đoàn Văn Trung	Nam	01/07/1990	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp Mất răng - Phục hình răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
35	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	10/09/1973	Nhân viên	MPT lão thị			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
36	Phạm Minh Cảnh	Nam	22/06/1993	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
37	Nguyễn Tùng Lâm	Nam	09/11/1987	Nhân viên	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
38	Lê Ngọc Bé	Nam	20/09/1989	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
39	Nguyễn An Khang	Nam	24/03/1993	Công nhân thời vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
40	Nguyễn Thanh Quang	Nam	21/08/1993	Công nhân thời vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
41	Nguyễn Bá Trung	Nam	01/01/1985	Nhân viên	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
42	Huỳnh Phong Vũ	Nam	25/04/1982	Phó trưởng phòng	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
43	Nguyễn Minh Bằng	Nam	29/12/1983	Ca trưởng ca 1	Béo phệ MPT lão thị			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
44	Đặng Ngọc Vinh	Nam	17/04/1974	Ca trưởng ca 3	MPT lão thị Viêm họng			II	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
45	Phạm Nam Dương	Nam	13/10/1983	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
46	Trần Quốc Việt	Nam	20/08/1989	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
47	Đỗ Duy Hưng	Nam	20/07/1984	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
48	Trần Văn Đức	Nam	28/02/1990	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
49	Lê Ngọc Thảo Em	Nam	17/09/1982	Tổ phó cơ điện	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
50	Lầm Văn Mạnh	Nam	03/01/1993	Nhân viên	Béo phệ MT sẹo giác mạc			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
51	Nguyễn Lê Duy	Nam	16/11/1989	Nhân viên	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
52	Nguyễn Công Trành	Nam	01/04/1986	Nhân viên	Béo phệ MPT cận thị Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
53	Lê Văn Trung	Nam	10/09/1991	Nhân viên	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
54	Trần Vũ Linh	Nam	14/03/1993	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
55	Trần Minh Long	Nam	06/07/1994	Nhân viên	Thể lực gầy MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
56	Hồ Văn Hiền	Nam	17/08/1994	Nhân viên	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
57	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	09/06/1981	Nhân viên	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
58	Đặng Đức Tài	Nam	03/11/1994	Nhân viên	MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
59	Lê Trung Nghĩa	Nam	23/01/1997	Nhân viên	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
60	Nguyễn Chí Hảo	Nam	24/10/1999	Nhân viên	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
61	Lâm Chí Vững	Nam	21/04/1987	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp Thể lực gầy MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
62	Bùi Trọng Vĩ	Nam	07/08/1997	Nhân viên	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
63	Dương Thành Liêm	Nam	25/08/1992	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
64	Nguyễn Đức Nghiệp	Nam	08/08/1989	Nhân viên	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
65	Dương Thành Mạnh	Nam	18/02/1976	Nhân viên	MPT lão thị Sâu răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
66	Nguyễn Trần Tấn Đạt	Nam	12/09/1998	Nhân viên	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
67	Bùi Văn Bình	Nam	23/08/2004	Công nhân thời vụ	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
68	Phan Mai Bình Minh	Nam	01/08/2000	Công nhân thời vụ	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
69	Trần Văn Đờ	Nam	27/01/1999	Công nhân thời vụ	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
70	Nguyễn Hoàng Phi	Nam	10/07/2005	Công nhân thời vụ	Thể lực gầy Sâu răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
71	Lê Anh Tuấn	Nam	05/08/1990	Công nhân thời vụ	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
72	Nguyễn Quốc Tính	Nam	29/02/1992	Công nhân thời vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
73	Nguyễn Văn Hữu Phúc	Nam	01/02/1998	Công nhân thời vụ	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
74	Mai Đức Duy	Nam	11/09/1997	Công nhân thời vụ	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
75	Phan Trung Kiên	Nam	20/04/1991	Công nhân thời vụ	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
76	Nguyễn Ngọc Đính	Nam	28/02/2003	Công nhân thời vụ	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
77	Võ Kim Loan	Nữ	08/07/1996	CNCL	TD: Tăng huyết áp Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
78	Nguyễn Thị Ngọc Nồng	Nữ	10/12/1986	CNCL	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
79	Lê Thị An Minh	Nữ	11/10/1987	CNCL	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
80	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	10/11/1999	CNCL	MPT cận thị Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
81	Đặng Phú Quí	Nam	23/02/2000	CNCL	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
82	Phạm Đồng Duy	Nam	24/12/1999	CNCL	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
83	Huỳnh Thị Thùy Linh	Nữ	15/09/2003	CNCL	Đang mang thai # 7 tuần	Bình thường	Bình thường	I	Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
84	Đỗ Thị Kim Dung	Nữ	19/12/1995	CNCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
85	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	17/03/1997	CNCL	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
86	Đặng Thái Bảo	Nam	02/11/1997	CNCL	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
87	Võ Thị Kim Tiên	Nữ	25/01/1996	CNCL	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
88	Nguyễn Thế Hưng	Nam	28/08/1995	CNCL	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
89	Văng Công Phi	Nam	21/10/2000	CNCL	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
90	Văng Thị Hồng Giàu	Nữ	30/04/1995	CNCL	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
91	Phạm Thị Hương	Nữ	01/01/1978	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
92	Phạm Kim Hạnh	Nữ	15/12/1973	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
93	Trần Thị Kim	Nữ	01/01/1975	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
94	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	01/01/1971	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT đục thủy tinh thể Mất nhiều răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (TH, NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
95	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	01/01/1975	Tổ dịch vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
96	Phạm Văn Khên	Nam	01/01/1967	Tổ dịch vụ	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Phục hình răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
97	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	01/01/1972	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
98	Huỳnh Thị Thảo Ly	Nữ	15/11/1969	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng TS: Giãn tĩnh mạch chân (T) TS: Mổ u nang buồng trứng	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
99	Đoàn Thanh Sang	Nam	26/10/1987	Tổ dịch vụ	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
100	Lê Kim Thúy	Nữ	29/07/1981	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
101	Phạm Thị Hằng	Nữ	01/01/1980	Tổ dịch vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
102	Nguyễn Thị Mai	Nữ	19/05/1972	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng TS: Mổ viêm ruột thừa TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
103	Đoàn Kim Dung	Nữ	01/01/1974	Tổ dịch vụ	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt	Bố trí công việc phù hợp
104	Trần Bá Được	Nam	11/07/1971	Tổ dịch vụ	TD: Tăng huyết áp Thể lực gầy MPT lão thị Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
105	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	01/01/1975	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
106	Phạm Thị Thanh Dung	Nữ	01/01/1974	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Sâu mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
107	Ngô Diễm Thúy	Nữ	09/02/1974	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
108	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	17/03/1976	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
109	Ngô Thị Mừng	Nữ	01/01/1972	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Phục hình răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (TH)	Khám chuyên khoa Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
110	Trần Thị Trúc Phương	Nữ	01/01/2002	Tổ dịch vụ	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
111	Trần Văn Phước	Nam	26/09/1968	Tổ dịch vụ	Mất đốt xa ngón II, III, IV, V bàn tay (T) MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
112	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	01/01/1973	Tổ dịch vụ	Thể lực gầy MPT lão thị			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
113	Nguyễn Minh Mẫn	Nam	01/01/1970	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
114	Nguyễn Thị Phương	Nữ	09/10/1978	Tổ dịch vụ	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng Nấm móng ngón II, III bàn tay (T) TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC, TH, NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt, RHM và Da liễu Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
115	Phạm Văn Châm	Nam	02/03/1971	Tổ dịch vụ	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
116	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	25/02/1973	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
117	Nguyễn Văn Phú	Nam	18/01/2003	Tổ tiếp nhận	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
118	Lê Minh Hiển	Nam	31/08/1976	Tổ tiếp nhận	Mất răng TS. MPT mổ cườm TS. Tăng huyết áp đang điều trị			III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
119	Dương Văn Lập	Nam	01/01/1972	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp Thể lực gầy MPT lão thị Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
120	Nguyễn Khoa Cảnh	Nam	01/01/1977	Tổ tiếp nhận	MPT lão thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
121	Trà Kim Thuận	Nam	09/11/1983	Tổ tiếp nhận	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
122	Đoàn Thanh Sơn	Nam	09/09/1981	Tổ tiếp nhận	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
123	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	01/01/1970	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
124	Nguyễn Minh Phát	Nam	01/01/1975	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
125	Nguyễn Văn Bình	Nam	20/10/1972	Tổ tiếp nhận	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
126	Nguyễn Văn Diễn	Nam	13/06/1992	Tổ tiếp nhận	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
127	Lê Văn Linh	Nam	07/03/1975	Tổ tiếp nhận	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
128	Phạm Hữu Hiệp	Nam	01/01/1970	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
129	Nguyễn Văn Quang	Nam	29/12/1973	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất răng			IV (TH, RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
130	Trần Văn Bảy	Nam	1972	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất răng			IV (TH, RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
131	Võ Văn Chiến	Nam	01/01/1979	Tổ tiếp nhận	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
132	Nguyễn Thanh Sang	Nam	01/01/1983	Tổ tiếp nhận	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
133	Trần Văn Út Hiền	Nam	01/01/1985	Tổ tiếp nhận	Béo phệ Rút gân ngón III bàn tay (T) MPT lão thị Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
134	Nguyễn Văn Út Nhỏ	Nam	13/02/1973	Tổ tiếp nhận	Mất đốt xa ngón II bàn tay (T) MPT lão thị Mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
135	Võ Văn Tha	Nam	15/03/1992	Tổ tiếp nhận	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
136	Trịnh Đình Linh	Nam	08/08/1972	Tổ tiếp nhận	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất nhiều răng			IV (TH, NT, RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
137	Nguyễn Thành Luân	Nam	01/01/1985	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
138	Nguyễn Thị Trúc Lan	Nữ	27/06/1994	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
139	Nguyễn Hữu Lập	Nam	06/03/1989	Tổ Fillet	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
140	Lê Minh Nhân	Nam	16/11/1998	Tổ Fillet	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
141	Phạm Vũ Linh Em	Nam	13/02/1995	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
142	Phạm Văn Lụa	Nam	07/04/1984	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
143	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	27/09/1996	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Sâu răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
144	Nguyễn Minh Toàn	Nam	01/01/1987	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			IV (CC)		Bố trí công việc phù hợp
145	Trương Vũ Luân	Nam	15/05/2001	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng Nấm da đầu			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, RHM và Da liễu	Bố trí công việc phù hợp
146	Nguyễn Vũ Linh	Nam	04/08/1992	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
147	Trương Chí Công	Nam	18/04/1990	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
148	Huỳnh Thị Thanh Ngân	Nữ	11/01/2006	Tổ Fillet	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
149	Nguyễn Minh Mẫn	Nữ	14/03/2004	Tổ Fillet	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
150	Dương Chai	Nam	01/01/1979	Tổ Fillet	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
151	Lê Văn Nhờ	Nam	04/05/1998	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
152	Dương Thái Hòa	Nam	19/01/1995	Tổ Fillet	Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
153	Nguyễn Thị Kim Hoa	Nữ	20/04/1997	Tổ Fillet	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
154	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	12/09/1989	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
155	Trần Hữu Tình	Nam	06/09/1995	Tổ Fillet	Thể lực gầy MPT cận thị			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
156	Lê Kim Luyến	Nữ	19/06/1971	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Đái tháo đường type II đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Hạn chế thức ăn, thức uống nhiều đường	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
157	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	22/04/1991	Tổ Fillet	MPT cận thị Sâu mất răng Nấm móng ngón II, III bàn tay (T) TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
158	Phạm Thị Ngọc Bích	Nữ	29/07/1983	Tổ Fillet	Béo phệ Chai 2 lòng bàn tay TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
159	Trương Minh Tuyết	Nam	01/01/1986	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
160	Nguyễn Tuấn Lê	Nam	06/07/1992	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
161	Trương Minh Trí	Nam	30/05/1988	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất đốt xa ngón II bàn tay (T)			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
162	Phan Tuấn Kiệt	Nam	29/07/1999	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
163	Trần Phú Vinh	Nam	03/11/2001	Tổ Fillet	Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
164	Phan Triệu Quy	Nam	18/03/2002	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
165	Nguyễn Thị Sư	Nữ	01/01/1976	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
166	Trần Kim Oanh	Nữ	10/01/2005	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
167	Phạm Long Hà	Nam	09/04/1997	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
168	Trần Văn Hồng Kông	Nam	17/02/1992	Tổ Fillet	Sâu mất răng Nấm móng bàn tay (P)			III	Khám chuyên khoa RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
169	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	16/01/1999	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
170	Nguyễn Trọng Bình	Nam	17/11/1982	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (CC, RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
171	Lê Hoàng Giàu	Nam	01/01/1981	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
172	Hồ Thị Mỹ Ngọc	Nữ	01/01/1981	Tổ Fillet	Thể lực gầy MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
173	Trương Thanh Thức	Nam	05/01/1991	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
174	Trần Vĩnh Phú	Nam	22/10/1997	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
175	Trà Hữu Nhân	Nam	11/02/2005	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
176	Trần Văn Trung	Nam	11/09/2000	Tổ Fillet	Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
177	Nguyễn Minh Thảo	Nam	30/12/2000	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
178	Huỳnh Thắng Lợi	Nam	08/12/2001	Tổ Fillet	MPT cận thị Mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
179	Đoàn Thị Bích Trâm	Nữ	01/01/2001	Tổ Fillet	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
180	Võ Tiếng Em	Nam	01/01/1983	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
181	Hồ Thị Minh Như	Nữ	10/09/2002	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
182	Võ Thị Kim Dung	Nữ	01/01/1977	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
183	Lê Công Toại	Nam	26/05/1998	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
184	Lê Trí Dũng	Nam	01/01/1975	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
185	Trần Thị Bích Tuyền	Nữ	23/05/1984	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
186	Phan Ngọc Minh	Nam	10/02/1986	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
187	Lê Thị Phượng Em	Nữ	01/01/1973	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
188	Hà Văn Bảo	Nam	10/07/1992	Tổ Fillet	Mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
189	Trần Văn Bé	Nam	10/06/1989	Tổ Fillet	Mất răng Chai 2 lòng bàn tay			IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
190	Nguyễn Hoài Nam	Nam	10/02/2001	Tổ Fillet	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
191	Lê Thị Thu Hương	Nữ	24/08/1982	Tổ Fillet	Thể lực gầy MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	V (TL)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
192	Trần Huỳnh Bửu Thiện	Nam	05/01/2005	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
193	Bùi Văn Điệu	Nam	19/03/1980	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị			IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
194	Nguyễn Văn Phụng	Nam	10/02/1987	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp MT hư			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
195	Nguyễn Văn Hậu	Nam	20/03/1994	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
196	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	01/01/1983	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng Nấm móng ngón III, IV bàn tay (P)	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
197	Phan Hữu Thành	Nam	31/03/2000	Tổ Fillet	Thể lực gầy MPT cận thị Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
198	Võ Thị Cẩm Nhung	Nữ	20/09/1991	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
199	Nguyễn Trọng Tình	Nam	28/01/1997	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
200	Võ Đăng Khôi	Nam	01/12/2003	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
201	Bùi Văn Ý	Nam	17/09/2004	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
202	Lý Thị Thu	Nữ	01/01/1983	Tổ Fillet	MPT cận thị Mất nhiều răng Chai 2 lòng bàn tay	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
203	Nguyễn Lập Em	Nam	17/03/2006	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
204	Đoàn Minh Hải	Nam	18/02/2002	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
205	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	22/06/2006	Tổ Fillet	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
206	Trần Văn Thảo	Nam	20/08/2004	Tổ Fillet	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
207	Võ Thị Huỳnh Như	Nữ	04/02/2004	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
208	Nguyễn Thành Luân	Nam	26/11/2003	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
209	Trần Quốc Thái	Nam	03/06/2004	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
210	Võ Thị Ngọc Nhi	Nữ	15/08/2005	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
211	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	17/07/1984	Tổ Fillet	Thể lực gầy Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
212	Nguyễn Tinh Trọng	Nam	27/06/1995	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
213	Phạm Thị Lượm	Nữ	01/01/1978	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
214	Nguyễn Lân Em	Nữ	01/01/1979	Tổ Fillet	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
215	Lê Thị Thơm	Nữ	01/01/1973	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Nấm móng ngón bàn tay (P)	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và Da liễu	Đủ sức khỏe
216	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	26/05/2006	Tổ Fillet	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
217	Nguyễn Thị Nga	Nữ	01/01/1985	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
218	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Nữ	25/12/1980	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
219	Lê Thị Dung	Nữ	01/01/1978	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
220	Nguyễn Văn Mùa	Nam	12/08/1999	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
221	Trần Thị Kim Thủy	Nữ	01/01/1974	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Phục hình răng Nấm móng ngón bàn tay (T) TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và Da liễu Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
222	Võ Ngọc Hậu	Nam	28/05/2004	Tổ Fillet	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
223	Trần Văn Hải	Nam	21/06/2005	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
224	Lê Thị Nhanh	Nữ	01/01/1983	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
225	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nữ	12/05/1981	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
226	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Nữ	07/08/1984	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
227	Đỗ Văn Nguyên	Nam	22/03/2005	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
228	Nguyễn Văn Tạo	Nam	01/01/1980	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Mất răng - Phục hình răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
229	Huỳnh Văn Thọ	Nam	01/01/1994	Tổ Fillet	Viêm da lòng bàn tay (P)			II	Khám chuyên khoa Da liễu	Đủ sức khỏe
230	Trương Ngọc Qui	Nam	01/01/1976	Tổ Fillet	Mất răng Nấm móng ngón bàn tay (P)			IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
231	Huỳnh Thanh Bình	Nam	18/10/1985	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
232	Phạm Thanh Hùng	Nam	16/03/1988	Tổ Fillet	Mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
233	Huỳnh Ngọc Mế	Nam	01/01/1987	Tổ Fillet	Sâu răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
234	Huỳnh Văn Phước	Nam	01/01/1992	Tổ Fillet	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
235	Nguyễn Văn Cường	Nam	01/01/1982	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
236	Nguyễn Văn Lẹt	Nam	19/09/1970	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng Chai 2 lòng bàn tay			IV (CC)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
237	Trần Quốc Viễn	Nam	26/10/1993	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu mất răng TS: Gãy xương cẳng tay (P) TS: Đứt gân ngón III, IV bàn tay (P)			IV (TH, NT)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
238	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	01/01/1982	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
239	Trương Văn Sang	Nam	20/04/1984	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
240	Ngô Trọng Văn	Nam	26/06/1978	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
241	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	19/01/1985	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
242	Nguyễn Bá Toàn	Nam	15/08/1984	Tổ Fillet	MPT mộng thịt Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
243	Tạ Văn Lâm Anh	Nam	28/08/1992	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
244	Đoàn Thị Tuyết Trinh	Nữ	01/01/1992	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
245	Lê Tùng Lâm	Nam	1969	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất răng			IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
246	Mai Trường Vũ	Nam	25/12/2000	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
247	Đặng Thị Thủy	Nữ	20/06/1988	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
248	Nguyễn Thị Cẩm	Nữ	25/04/1978	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
249	Nguyễn Thanh Tòng	Nam	12/05/1985	Tổ Fillet	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
250	Nguyễn Thị Kim Huê	Nữ	09/09/1993	Tổ Fillet	Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
251	Lê Văn Oai	Nam	24/03/1989	Tổ Fillet	Sâu mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
252	Nguyễn Thị Kim Duyên	Nữ	01/01/1981	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
253	Huỳnh Thị Diễm Thúy	Nữ	01/01/1975	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
254	Trương Minh Mẫn	Nam	28/11/1979	Tổ Fillet	Mất đốt xa ngón II bàn tay (T) MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
255	Huỳnh Văn Chí Tâm	Nam	18/03/1987	Tổ Fillet	Thể lực gầy Mất nhiều răng			IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
256	Võ Thị Kim Huệ Em	Nữ	26/02/1981	Tổ Fillet	MPT lão thị TS. Tăng huyết áp đang điều trị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
257	Lê Thị Kim Đồng	Nữ	23/12/1988	Tổ Fillet	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
258	Lê Thị Kim Huệ	Nữ	27/07/1992	Tổ Fillet	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
259	Hưa Thị Ly	Nữ	09/12/1984	Tổ Fillet	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
260	Trần Công Trí	Nam	15/03/1981	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
261	Cao Minh Thuận	Nam	09/06/1999	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
262	Nguyễn Văn Khang	Nam	02/08/2002	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
263	Quang Văn Thanh	Nam	01/01/1974	Tổ tạo hình	Thể lực gầy MPT lão thị			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
264	Trần Thị Quỳnh Lan	Nữ	25/11/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
265	Huỳnh Thanh Huy	Nam	17/05/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
266	Lê Đại Nam	Nam	11/12/1978	Tổ tạo hình	MPT viễn thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
267	Nguyễn Hồng Thái	Nam	01/01/1985	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
268	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	01/01/1972	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị, Sâu răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (TH)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
269	Phan Văn Tín	Nam	30/06/1999	Tổ tạo hình	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
270	Đinh Văn Trẻ	Nam	20/08/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Sâu mất răng TS: Mổ rò hậu môn			III	Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
271	Huỳnh Ngọc Tân	Nam	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
272	Phạm Văn Thái	Nam	11/10/1994	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
273	Bùi Văn Khởi	Nam	11/12/1996	Tổ tạo hình	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
274	Nguyễn Xuân Khánh	Nam	10/07/2002	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối sinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
275	Trịnh Hòa Ân	Nam	01/01/1977	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị, Sâu răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
276	Trần Chí Nguyện	Nam	01/01/1996	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
277	Nguyễn Văn Tăng	Nam	27/06/1989	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
278	Trần Văn Hoàng	Nam	15/05/1991	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
279	Nguyễn Thành Trung	Nam	04/02/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
280	Lê Công Từ	Nam	01/01/1979	Tổ tạo hình	Mất đốt xa ngón II bàn tay (P) MPT lão thị Mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
281	Lê Thị Đẹp	Nữ	15/01/1973	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
282	Phan Khánh Duy	Nam	09/09/2003	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
283	Ngô Thị Bích Tuyền	Nữ	08/02/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
284	Lê Thị Kim Cương	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
285	Đỗ Thị Bé Thảo	Nữ	08/11/2002	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
286	Phạm Thị Nhớ	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
287	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
288	Lê Thị Mâu	Nữ	01/01/1975	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
289	Nguyễn Thị Bơ	Nữ	19/02/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
290	Nguyễn Thị Thanh Lợi	Nữ	04/08/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
291	Lê Thị Kim Chi	Nữ	22/12/1991	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
292	Trần Thị Hạnh Thuần	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: MPT mổ đục thuỷ tinh thể	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
293	Hồ Thị Ngọc Nhanh	Nữ	30/12/1985	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
294	Trần Thị Cúc	Nữ	25/09/1993	Tổ tạo hình	MP hư	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
295	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	01/01/1976	Tổ tạo hình	Béo phệ MP cận thị - MT cườm Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
296	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	28/08/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
297	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
298	Trần Thị Tuyết Ngân	Nữ	17/08/2001	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
299	Ngô Thị Cẩm Lài	Nữ	24/01/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
300	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	14/04/1975	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
301	Mai Văn Tuấn	Nam	02/02/1982	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
302	Nguyễn Thị Phụng Giao	Nữ	02/03/1979	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
303	Lê Thị Hà	Nữ	12/09/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
304	Phùng Mẫn Hằng	Nữ	09/06/1970	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
305	Nguyễn Hoàng Tâm	Nam	02/10/1984	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
306	Cao Thị Thùy Linh	Nữ	20/11/1985	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
307	Huỳnh Thị Bích Phượng	Nữ	18/07/1978	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
308	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	01/03/1990	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
309	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	04/12/1990	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
310	Hồ Thị Mộng Nghi	Nữ	12/09/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
311	Lê Ngọc Mỹ	Nữ	07/11/1986	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
312	Nguyễn Thị Út	Nữ	20/02/1985	Tổ tạo hình	Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
313	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Nữ	20/01/1995	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
314	Nguyễn Thị Chi	Nữ	20/04/1996	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
315	Phạm Thị Thanh Thủy	Nữ	06/07/1995	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
316	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	19/11/1992	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
317	Đinh Thị Mỹ Ngọc	Nữ	11/11/2000	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
318	Phạm Kim Yến	Nữ	10/11/1975	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
319	Thái Thị Khánh Duy	Nữ	12/11/2004	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
320	Thị Bông	Nữ	02/11/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
321	Nguyễn Thị Phương	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
322	Đoàn Thị Thanh Thủy	Nữ	26/05/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
323	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Nữ	22/07/2003	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
324	Võ Thị Linh	Nữ	13/11/1988	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
325	Lê Thùy Dung	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Gãy xương cẳng tay (P)	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
326	Trương Thị Kim Ngân	Nữ	19/05/1988	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
327	Võ Như Ngọc	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
328	Lê Thị Diệu	Nữ	01/01/1977	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
329	Phan Thị Biếp	Nữ	13/09/1979	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
330	Nguyễn Thị Kim Tha	Nữ	25/10/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
331	Nguyễn Thị Túc	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
332	Nguyễn Minh Quân	Nam	31/08/1994	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
333	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	02/07/2006	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
334	Lê Thị Bích Loan	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
335	Nguyễn Thị Bé Nê	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
336	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
337	Phạm Thị Kiều	Nữ	25/07/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị TS: Gãy xương đòn (P)	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
338	Bùi Thị Gấn	Nữ	12/11/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
339	Phạm Văn Giàu	Nam	05/08/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
340	Phạm Thị Mỹ Lệ Em	Nữ	01/01/1981	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
341	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	02/02/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
342	Phan Thị Lan	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
343	Võ Thị Cúc	Nữ	15/06/1990	Tổ tạo hình	Béo phệ Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
344	Đinh Thị Ly	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
345	Nguyễn Thị Sia	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
346	Trần Thị Mỹ Thâu	Nữ	18/06/1994	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
347	Đặng Thị Bảo Trân	Nữ	20/08/2002	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
348	Trương Thị Ngọc Bích	Nữ	25/07/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
349	Bùi Ngọc Điệp	Nữ	01/04/1984	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
350	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	29/10/1979	Tổ tạo hình	Thể lực gầy TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
351	Ngô Thị Bích Truyền	Nữ	13/04/1988	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
352	Phạm Thị Yến Oanh	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
353	Lê Thị Diễm Thúy	Nữ	09/09/1990	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
354	Lê Thị Cẩm Thật	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
355	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Nữ	22/10/1980	Tổ tạo hình	MPT cận thị Tai (P) giảm sức nghe Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
356	Dương Thị Thảo	Nữ	19/11/1995	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
357	Trần Thị Tiến	Nữ	10/08/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
358	Võ Thị Bích Thanh	Nữ	12/10/1987	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
359	Trần Thị Oanh Nhi	Nữ	12/11/1999	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
360	Lê Thị Xuân	Nữ	15/08/1990	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
361	Lê Trung Trích Em	Nam	01/01/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
362	Phạm Thị Mỹ Xuyên	Nữ	15/05/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
363	Phạm Thị Thúy Liễu	Nữ	10/11/1988	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
364	Nguyễn Thị Như Hảo	Nữ	01/02/2000	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
365	Lưu Thị Kim Đông	Nữ	16/03/1970	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
366	Huỳnh Phước Hải	Nam	27/07/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
367	Võ Thị Giàu	Nữ	19/09/1973	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
368	Đặng Thanh Hải	Nam	01/01/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
369	Nguyễn Thị Thùy Loan	Nữ	13/08/1997	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
370	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	12/03/1994	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
371	Lê Thị Liên	Nữ	18/06/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
372	Lê Văn Luyến	Nam	03/07/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
373	Huỳnh Thị Đông	Nữ	10/11/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
374	Trương Vũ Em	Nam	10/08/2007	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
375	Trần Văn Được	Nam	17/06/1996	Tổ tạo hình	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
376	Đoàn Thị Phụng	Nữ	04/07/1995	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
377	Cao Thị Lợi	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, và RHM	Đủ sức khỏe
378	Lê Ngọc Kiều	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
379	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	11/08/1998	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
380	Nguyễn Thị Thúy Lan	Nữ	01/01/1972	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
381	Nguyễn Thị Mót	Nữ	01/01/1971	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
382	Nguyễn Thị Hiếu	Nữ	13/05/2004	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
383	Võ Thúy Hận	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt	Bố trí công việc phù hợp
384	Nguyễn Thị Yến	Nữ	01/01/1989	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
385	Võ Thị Thanh Hương	Nữ	16/03/1981	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
386	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	15/09/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
387	Bùi Lê Thúy Phượng	Nữ	25/03/2002	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
388	Diệp Thị Tường Vi	Nữ	29/04/2006	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
389	Võ Thị Kiều Trang	Nữ	09/09/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
390	Dương Thị Hồng Cẩm	Nữ	14/11/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
391	Trần Thị Ngọc Bích	Nữ	20/12/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
392	Trương Văn Trắng	Nam	26/03/1997	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
393	Nguyễn Thành Tân	Nam	26/04/2001	Tổ tạo hình	TS: Gãy xương cẳng tay (T)			III		Đủ sức khỏe
394	Phạm Thị Hạnh	Nữ	07/03/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
395	Phan Huỳnh Lê	Nữ	29/05/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
396	Bùi Thị Mai Phương	Nữ	21/07/1987	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
397	Lê Thị Kiều Diễm	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
398	Võ Thị Trang	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
399	Phan Thị Thúy An	Nữ	01/01/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
400	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	25/02/1992	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
401	Phan Nguyệt Minh Quý	Nữ	12/03/1991	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
402	Châu Thị Kiều Ba	Nữ	19/05/1997	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
403	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	26/07/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
404	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	16/08/1990	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
405	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Nữ	27/08/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
406	Trần Thị Diễm	Nữ	29/01/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
407	Nguyễn Thị Ca	Nữ	25/09/1990	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
408	Nguyễn Thị Liệt	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
409	Trần Thiện Chí	Nam	27/02/2000	Tổ tạo hình	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
410	Lê Thị Cẩm Duyên	Nữ	26/05/1985	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
411	Võ Thị Kim Thoa	Nữ	01/01/1990	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
412	Nguyễn Cẩm Ngoan	Nữ	16/01/1982	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
413	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	04/01/1987	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
414	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Gãy xương đùi (P)	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
415	Phan Huy Trung	Nam	20/01/1983	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
416	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
417	Võ Thị Kim Phượng	Nữ	15/06/2000	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
418	Võ Văn Dương	Nam	05/05/1989	Tổ tạo hình	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
419	Trần Thanh Phong	Nam	05/04/1997	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
420	Trần Quốc Thành	Nam	12/05/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
421	Huỳnh Thị Thu Thảo	Nữ	01/09/1995	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
422	Võ Thị Mỹ Duyên	Nữ	26/07/1988	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
423	Nguyễn Thị Thao	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
424	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	14/07/1995	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
425	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
426	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Nữ	10/09/1993	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
427	Ngô Thị Quỳnh Như	Nữ	13/10/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
428	Đặng Thị Ngọc Yến	Nữ	17/02/1999	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
429	Trần Thị Nhi	Nữ	01/01/1991	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
430	Phạm Thị Xuân Mai	Nữ	08/12/2006	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
431	Tạ Thị Kiều Hoa	Nữ	19/02/1990	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
432	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	04/01/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
433	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Nữ	07/08/1986	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
434	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	14/04/1974	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
435	Nguyễn Thị Ngọc Nâu	Nữ	05/09/1985	Tổ tạo hình	Mất răng MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
436	Phạm Thị Cẩm Vân	Nữ	26/06/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
437	Lưu Thị Mỹ Tuyết	Nữ	02/01/1995	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
438	Huỳnh Thị Kim Ngọc	Nữ	03/05/1997	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
439	Bùi Trọng Phúc	Nam	01/01/2003	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
440	Nguyễn Thị Kim Thi	Nữ	27/09/1996	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
441	Nguyễn Hồng Gấm	Nữ	04/10/2004	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
442	Lê Thị Kim Ba	Nữ	22/10/1991	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
443	Lê Thị Kim Hai	Nữ	22/10/1991	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
444	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	12/07/1990	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
445	Lê Thị The	Nữ	01/01/1974	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
446	Đặng Ngọc Mềm	Nữ	24/06/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
447	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	29/02/2000	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
448	Nguyễn Thị Yến Phương	Nữ	15/11/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
449	Phạm Thị Mỹ Phương	Nữ	08/05/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
450	Phan Thành Quốc	Nam	07/07/1999	Tổ tạo hình	Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
451	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
452	Nguyễn Thị Kim Phượng	Nữ	25/01/1979	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
453	Lê Thị Thuý Nhỏ	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
454	Nguyễn Thị Mộng Thu	Nữ	01/06/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
455	Lê Thị Thanh Thuỷ	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
456	Lại Thị Liễu	Nữ	01/01/1976	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
457	Phạm Thị Kim Anh	Nữ	18/12/1999	Tổ tạo hình	Thể lực gầy TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
458	Bùi Thanh Hằng	Nữ	06/09/1997	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
459	Lê Thị Mỹ Trinh	Nữ	09/02/2001	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
460	Dương Thị Hậu	Nữ	09/09/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
461	Võ Thị Diệu	Nữ	05/10/1998	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
462	Trần Lê Kiều	Nữ	15/11/1992	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
463	Trần Thị Bùi	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
464	Đoàn Minh Vương	Nam	26/01/2007	Tổ tạo hình	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
465	Lê Thị Bích Liễu	Nữ	13/08/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
466	Lưu Thị Mỹ Duyên	Nam	27/04/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
467	Trần Thị Thúy Huyền	Nữ	15/05/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
468	Lê Nguyễn Hoài Phong	Nam	15/09/2005	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
469	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	02/12/1992	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
470	Nguyễn Ngọc Diệu	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị TS: Gãy xương đòn (P) TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
471	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	09/12/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
472	Đặng Thành Tài	Nam	30/04/2006	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
473	Đặng Thị Ngọc Trâm	Nữ	21/02/2001	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
474	Đặng Thành Nhân	Nam	28/07/1998	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
475	Lương Thị Mỹ Linh	Nữ	01/01/1971	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
476	Lưu Thị Bích Liên	Nữ	09/10/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
477	Phạm Thị Nhiễn	Nữ	25/03/1999	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
478	Nguyễn Thị Phương	Nữ	01/01/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
479	Huỳnh Thạch San San	Nữ	25/10/1996	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
480	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	12/03/1987	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
481	Phạm Thị Cúc Phương	Nữ	10/04/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
482	Huỳnh Thị Bông	Nữ	08/05/2000	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
483	Nguyễn Thanh Bình	Nam	27/02/1985	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
484	Dương Thị Kim Hiền	Nữ	04/03/1984	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
485	Phùng Thị Nhan	Nữ	22/09/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
486	Giáp Thị Thanh Hương	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
487	Phan Văn Thái	Nam	10/01/2003	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
488	Đặng Thị Hồng Thu	Nữ	20/02/1988	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
489	Lê Thị Mai	Nữ	13/06/1991	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
490	Nguyễn Thị Lan	Nữ	01/01/1973	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
491	Phạm Thị Trúc Linh Em	Nữ	25/10/1986	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
492	Lê Thị Thùy Kiều	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
493	Lê Thị Hồng Đào	Nữ	27/12/2000	Tổ tạo hình	Sâu mất răng Đang mang thai # 14 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
494	Nguyễn Bích Duyên	Nữ	20/05/1992	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
495	Trịnh Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	22/09/1997	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
496	Nguyễn Thị Ngơi	Nữ	10/09/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
497	Châu Thị Kim Thơm	Nữ	30/06/1994	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
498	Nguyễn Thị Trúc Anh	Nữ	09/08/1990	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
499	Cao Đặng Hoa Tuyền	Nữ	18/06/1986	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
500	Đoàn Thị Kiều	Nữ	11/04/1985	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
501	Lê Thị Cẩm Tú	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
502	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	28/06/2001	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
503	Trịnh Kim Ngân	Nữ	28/10/2003	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
504	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	Nữ	19/12/2002	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
505	Dương Thị Lê	Nữ	01/01/1969	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
506	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	26/06/1999	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
507	Phạm Thị Thúy Oanh	Nữ	13/09/1976	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
508	Bùi Thị Như ý	Nữ	03/06/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
509	Phạm Thị Kiều Loan	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
510	Lê Thị Bích Tuyền	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
511	Võ Phước Vinh	Nam	05/02/2007	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
512	Lê Thị Lợi	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
513	Nguyễn Thị Lượm	Nữ	31/10/2006	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
514	Nguyễn Thị Kim Thanh	Nữ	16/04/1987	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
515	Phạm Kim Chi	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
516	Châu Thị Tiếp	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
517	Lê Thị Mỹ Quyên	Nữ	08/04/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
518	Nguyễn Thị Giàu	Nữ	27/10/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
519	Huỳnh Văn Sớm	Nam	27/09/2004	Tổ tạo hình	Thể lực gầy MPT viễn thị			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
520	Trần Thị Ngọc Ánh	Nữ	19/03/2000	Tổ tạo hình	Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
521	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	04/07/1993	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
522	Bùi Minh Thuận	Nam	21/06/2006	Tổ tạo hình	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
523	Âu Thị Mi	Nữ	26/06/2004	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
524	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	21/12/1993	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
525	Lương Thị Hồng Phúc	Nữ	15/06/1981	Tổ tạo hình	Sâu mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
526	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	10/09/1975	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
527	Huỳnh Thị Huệ	Nữ	27/05/1977	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
528	Trần Thị Hồng Loan	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
529	Trương Thị Yến	Nữ	21/10/1992	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
530	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	27/12/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
531	Trần Thị Mỹ Nhi	Nữ	07/10/1996	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
532	Hoàng Thị Thúy	Nữ	06/04/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
533	Châu Thị Bích Duyên	Nữ	28/01/1987	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
534	Lê Thị Hằng	Nữ	19/09/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
535	Nguyễn Tuấn Quân	Nam	08/08/1988	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
536	Võ Thị Lang	Nữ	20/07/1988	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
537	Nguyễn Thành Vũ	Nam	10/02/1989	Tổ tạo hình	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
538	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
539	Võ Thị Thêm	Nữ	20/01/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
540	Nguyễn Thị Mận	Nữ	20/12/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
541	Ngô Thị Bé Thu	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
542	Trương Thị Bích Ngân	Nữ	10/03/1984	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
543	Huỳnh Thị Duyên	Nữ	01/01/1990	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
544	Nguyễn Thị Lan Thanh	Nữ	18/07/1994	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
545	Nguyễn Như Trường	Nam	12/08/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
546	Phạm Thị Hồng Loan	Nữ	08/01/1995	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
547	Nguyễn Thị Mai Em	Nữ	07/07/1991	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
548	Nguyễn Thị Kim Loan	Nữ	27/01/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
549	Trịnh Thị Hằng	Nữ	27/01/2001	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
550	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	01/07/1976	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
551	Lê Thị Kim Hương	Nữ	09/03/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
552	Nguyễn Thị Nhu	Nữ	02/12/1982	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
553	Lê Thị Kim Thoa	Nữ	27/05/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
554	Nguyễn Thị Bảo Châm	Nữ	04/02/1998	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
555	Trần Thị Bích Thủy	Nữ	26/02/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
556	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	17/11/1976	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
557	Ngô Thị Khá	Nữ	12/04/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
558	Đỗ Thị Kiều Tiên	Nữ	25/05/1991	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
559	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Nữ	10/02/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
560	Trần Thanh Giáo	Nam	25/05/1994	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
561	Đặng Thị Như Thơ	Nữ	03/05/2004	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Đang mang thai # 29 tuần	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt Theo dõi và khám thai định kỳ	Bố trí công việc phù hợp
562	Phạm Thị Liêm	Nữ	14/11/1977	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
563	Nguyễn Thị Bích Tuyền	Nữ	12/12/1989	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
564	Giáp Thị Thu Giang	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
565	Nguyễn Thị Ne	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
566	Nguyễn Diễm Thúy	Nữ	25/04/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
567	Huỳnh Thị Thùy Tiên	Nữ	10/11/1992	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
568	Lưu Bích Phân	Nữ	27/09/2001	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
569	Nguyễn Kim Ngọc	Nữ	01/01/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
570	Trần Thị Kim Ngân	Nữ	16/08/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
571	Nguyễn Thị Cẩm Diên	Nữ	06/10/1994	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
572	Lê Thị Bích Thuyền Em	Nữ	12/12/1984	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
573	Trần Thị Tuyết Mai	Nữ	08/04/1980	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
574	Trần Thị Linh	Nữ	01/01/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
575	Hà Thị Kim Thoa	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
576	Trần Thị Tuyết Mai	Nữ	27/11/1989	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
577	Ngô Thị Dung	Nữ	16/02/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
578	Trần Thị Thảo Loan	Nữ	18/11/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
579	Nguyễn Hoài Trâm	Nữ	24/10/1996	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
580	Lê Thị Quyên	Nữ	08/08/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
581	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	13/10/1984	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
582	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	02/04/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
583	Đặng Thị Út	Nữ	24/05/1978	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
584	Đặng Thị Dối	Nữ	15/03/1979	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
585	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	28/09/1989	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
586	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	09/03/1985	Tổ tạo hình	MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
587	Nguyễn Thị Nhiên	Nữ	07/10/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
588	Trần Thị Quit	Nữ	20/05/1990	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
589	Nguyễn Thị Thu Hoanh	Nữ	09/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
590	Nguyễn Tuyết Minh	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
591	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
592	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	17/11/1985	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
593	Nguyễn Văn Lún	Nam	01/01/1983	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
594	Trương Thị Kim Thi	Nữ	20/02/2002	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
595	Hồ Thị Gấm	Nữ	26/07/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
596	Phạm Thị Thúy Hoa	Nữ	12/09/2005	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
597	Nguyễn Kiều Phú	Nữ	16/06/1997	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
598	Trần Thị Kim Cương	Nữ	10/05/2005	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
599	Đặng Thị Lệ Thu	Nữ	20/01/1989	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
600	Lâm Cẩm Tiên	Nữ	22/02/1996	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
601	Nguyễn Minh Phụng	Nam	09/05/1990	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
602	Nguyễn Thị Hồng Nhã	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
603	Bùi Thị Nguyệt	Nữ	01/01/1972	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
604	Đinh Thị Phượng	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
605	Nguyễn Hồng Thái	Nam	10/11/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
606	Trà Thị Diễm	Nữ	09/11/2001	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
607	Huỳnh Thị Trắng	Nữ	30/01/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
608	Bùi Thị Cẩm Nhung	Nữ	06/06/1995	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
609	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	07/11/2004	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng Đang mang thai # 30 tuần	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
610	Võ Thị Thùy Linh	Nữ	19/02/1974	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
611	Nguyễn Kim Nhi	Nữ	02/11/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
612	Nguyễn Ngọc Lợi	Nam	01/01/1990	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
613	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	24/03/1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
614	Võ Bích Thủy	Nữ	01/01/1975	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
615	Đặng Thị Kim Xuyến	Nữ	06/11/1989	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
616	Trần Thị Cao Thanh	Nữ	19/09/2003	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
617	Phan Thị Mi	Nữ	25/11/1990	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
618	Lê Thị Nhơn	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
619	Trần Đình Quang	Nam	01/06/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
620	Nguyễn Thị Thiết	Nữ	25/05/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
621	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
622	Huỳnh Thị Mộng Nghi	Nữ	20/09/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
623	Nguyễn Thị Trúc Hạnh	Nữ	19/03/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
624	Mai Văn Tú	Nam	15/07/2004	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
625	Phan Thị Mười Một	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
626	Phan Vũ Luân	Nam	01/08/2000	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
627	Trương Anh Vỹ	Nam	19/03/2007	Tổ tạo hình	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
628	Phan Kim Tuyền	Nữ	22/06/2006	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
629	Mai Thị Bích Trâm	Nữ	30/11/1990	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
630	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
631	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	08/12/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
632	Nguyễn Anh Thư	Nữ	19/04/2005	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
633	Nguyễn Văn Bé Ba	Nam	10/02/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
634	Mai Thị Thanh Đoan	Nữ	12/10/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
635	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	10/03/2001	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
636	Phan Thị Vàng	Nữ	16/11/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
637	Phạm Thị Tuyết Nhung	Nữ	18/11/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
638	Phạm Thị Ngọc Yến	Nữ	02/06/1992	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
639	Đặng Thị Bích Nhỏ	Nữ	14/11/1988	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
640	Nguyễn Thị Kim Trúc	Nữ	20/11/1983	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
641	Huỳnh Thị Hằng	Nữ	12/01/1987	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Cườm đá đã mổ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
642	Dương Thế Anh	Nam	07/05/1991	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
643	Nguyễn Hoàng Đạng	Nam	01/01/1988	Tổ xếp khuôn	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
644	Dương Thế Hùng	Nam	04/09/1987	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
645	Nguyễn Văn Vũ	Nam	01/01/1979	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Mất đốt xa ngón V bàn tay (T) MPT lão thị Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
646	Nguyễn Phước Vẹn	Nam	28/11/1995	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
647	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	13/03/1998	Tổ xếp khuôn	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
648	Ngô Quang Hiếu	Nam	23/05/1978	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng			IV (TH)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
649	Trần Phong Hòa	Nam	28/04/2007	Tổ xếp khuôn	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
650	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	18/04/1988	Tổ xếp khuôn	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
651	Đặng Ngọc Lợi	Nam	01/01/1979	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
652	Đoàn Thị Hồng Em	Nữ	20/11/1993	Tổ xếp khuôn	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
653	Dương Lê Thành Trọng	Nam	05/08/2006	Tổ xếp khuôn	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
654	Nguyễn Thị Chọn	Nữ	23/03/1980	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
655	Bùi Văn Sang	Nam	03/05/1999	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
656	Trần Quốc Khải	Nam	04/02/1992	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
657	Nguyễn Trường Tam	Nam	16/08/2003	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
658	Lê Thị Diễm Huyền	Nữ	03/12/1974	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Gãy xương cẳng tay (P)	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
659	Nguyễn Đức Duy	Nam	28/07/2004	Tổ xếp khuôn	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
660	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	06/10/1996	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT cận thị			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
661	Lê Văn Tý	Nam	06/05/1996	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
662	Nguyễn Thành Công	Nam	22/02/1990	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
663	Nguyễn Anh Kiệt	Nam	08/10/1995	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
664	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Nữ	17/10/1973	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
665	Phương Kiến Quốc	Nam	24/04/1991	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
666	Phạm Nhì Thái	Nam	22/09/2003	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
667	Nguyễn Hoàng Thái	Nam	28/04/2000	Tổ xếp khuôn	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
668	Nguyễn Thị Lệ Thu	Nữ	21/02/1993	Tổ xếp khuôn	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
669	Phạm Tấn Tài	Nam	19/08/1999	Tổ xếp khuôn	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
670	Trần Thị Kim Thúy	Nữ	01/01/1976	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
671	Nguyễn Thị Vẹn	Nữ	24/07/1981	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
672	Nguyễn Thu Liễu	Nữ	01/01/1978	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
673	Phạm Thị Giàu	Nữ	26/08/1978	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
674	Trần Thanh Tuấn	Nam	13/02/1976	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị			IV (TH)	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
675	Bùi Ngọc Giàu	Nữ	01/01/1977	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
676	Phạm Thành Thanh Vân	Nam	25/06/1994	Tổ xếp khuôn	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
677	Nguyễn Văn Truyền	Nam	20/12/1985	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp Mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
678	Trần Thị Sơn	Nữ	28/11/1986	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
679	Trần Văn Cường	Nam	17/02/1983	Tổ xếp khuôn	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
680	Lê Thị Thủy	Nữ	12/03/1974	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
681	Âu Minh Tâm	Nam	08/04/1988	Tổ xếp khuôn	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
682	Nguyễn Ngọc Diễn	Nam	10/07/1992	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
683	Lê Thị Dinh	Nữ	01/01/1982	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
684	Phạm Thoại Giang	Nam	06/07/1995	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
685	Nguyễn Văn Thanh	Nam	06/06/1983	Tổ xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
686	Huỳnh Thị Khanh	Nữ	19/06/1989	Tổ xếp khuôn	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
687	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	07/05/1995	Tổ xếp khuôn	MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
688	Nguyễn Trường Phát	Nam	27/09/2003	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
689	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	19/05/2000	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
690	Nguyễn Trần Vĩnh Kha	Nam	19/03/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
691	Võ Nguyễn Mỹ Diệu	Nữ	23/09/2003	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
692	Nguyễn Trường Giang	Nam	01/01/1990	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
693	Ngô Minh Hải	Nam	16/01/1988	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
694	Nguyễn Thị Cẩm Duy	Nữ	25/10/2003	Tổ thành phẩm	Phục hình răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
695	Trương Thị Lệ Hằng	Nữ	10/09/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
696	Nguyễn Văn Nhân	Nam	01/01/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
697	Phạm Ngọc Dọn	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng TS: Gãy xương cẳng chân (T)	Bình thường	Bình thường	IV (CC, RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vủ	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
698	Nguyễn Ngọc Thảo	Nam	12/07/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
699	Võ Thị Nhìn	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
700	Trần Ngọc Tài	Nam	24/08/1989	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
701	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	28/04/2004	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
702	Phạm Thị Trinh	Nữ	01/01/1972	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
703	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nữ	10/05/2005	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
704	Cao Thị Thúy An	Nữ	02/06/2003	Tổ thành phẩm	MP cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
705	Huỳnh Thanh Tuyền	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ MP hư Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
706	Phan Thị Hiền	Nữ	08/10/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
707	Phan Nguyễn Minh Trí	Nam	10/03/2002	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
708	Phạm Thị Kim Yến	Nữ	24/06/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
709	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	30/11/1983	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
710	Trương Thị Mỹ Ngọc	Nữ	10/03/1992	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
711	Huỳnh Thị Phải Em	Nữ	16/08/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
712	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	01/10/1993	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
713	Lê Thị Tiền	Nữ	29/09/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
714	Võ Thị Thúy Huỳnh	Nữ	15/07/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
715	Nguyễn Ngọc Thiện	Nam	28/05/2005	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
716	Lưu Thị Hòa	Nữ	15/11/1984	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
717	Huỳnh Thị Trúc Ly	Nữ	03/01/2007	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
718	Võ Huỳnh Ngọc Hải	Nam	23/10/2003	Tổ thành phẩm	MP cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
719	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
720	Thái Thanh Diệt	Nam	02/02/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
721	Huỳnh Phước Linh	Nam	29/03/1999	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
722	Đặng Văn Phước	Nam	02/12/1995	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
723	Dương Minh Bằng	Nam	06/01/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
724	Phạm Thị Bé Hiền	Nữ	09/05/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
725	Trần Thị Kim Lon	Nữ	06/12/1980	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
726	Phạm Thị Cúc Linh	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
698	Nguyễn Ngọc Thảo	Nam	12/07/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
699	Võ Thị Nhịn	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
700	Trần Ngọc Tài	Nam	24/08/1989	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
701	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	28/04/2004	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
702	Phạm Thị Trinh	Nữ	01/01/1972	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
703	Nguyễn Thị Thu Ngân	Nữ	10/05/2005	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
704	Cao Thị Thúy An	Nữ	02/06/2003	Tổ thành phẩm	MP cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
705	Huỳnh Thanh Tuyền	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ MP hư Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
706	Phan Thị Hiền	Nữ	08/10/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
707	Phan Nguyễn Minh Trí	Nam	10/03/2002	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
708	Phạm Thị Kim Yến	Nữ	24/06/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
709	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	30/11/1983	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
710	Trương Thị Mỹ Ngọc	Nữ	10/03/1992	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
711	Huỳnh Thị Phái Em	Nữ	16/08/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
712	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	01/10/1993	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
713	Lê Thị Tiền	Nữ	29/09/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
714	Võ Thị Thúy Huỳnh	Nữ	15/07/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
715	Nguyễn Ngọc Thiện	Nam	28/05/2005	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
716	Lưu Thị Hòa	Nữ	15/11/1984	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
717	Huỳnh Thị Trúc Ly	Nữ	03/01/2007	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
718	Võ Huỳnh Ngọc Hải	Nam	23/10/2003	Tổ thành phẩm	MP cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
719	Trần Thị Thanh Thúy	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
720	Thái Thanh Diệt	Nam	02/02/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
721	Huỳnh Phước Linh	Nam	29/03/1999	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
722	Đặng Văn Phước	Nam	02/12/1995	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
723	Dương Minh Bằng	Nam	06/01/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
724	Phạm Thị Bé Hiền	Nữ	09/05/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
725	Trần Thị Kim Lon	Nữ	06/12/1980	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
726	Phạm Thị Chúc Linh	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
727	Lê Thị Tứ	Nữ	01/01/1982	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
728	Triệu Minh Tấn Đạt	Nam	21/08/1998	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
729	Nguyễn Văn Thơm	Nam	06/04/1988	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
730	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	15/03/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
731	Phạm Kiêm Quyên	Nữ	20/12/1972	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
732	Nguyễn Thị Mỹ Ngà	Nữ	01/05/2002	Tổ thành phẩm	Viêm amidan	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
733	Nguyễn Thị Ngọc Phúc	Nữ	02/07/2000	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Viêm amidan Mất răng TS: Viêm dạ dày	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
734	Nguyễn Anh Việt	Nam	01/01/1989	Tổ thành phẩm	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
735	Phan Thị Hồng	Nữ	25/11/1985	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
736	Ngô Thị Mơ	Nữ	17/08/1974	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
737	Nguyễn Thị Thùy An	Nữ	20/05/2002	Tổ thành phẩm	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
738	Trương Văn Tân	Nam	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
739	Nguyễn Văn Thi	Nam	14/02/1985	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
740	Nguyễn Văn Hải	Nam	08/02/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
741	Hồ Thị Nhung	Nữ	11/12/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
742	Lê Thị Quỳnh Hoa	Nữ	17/08/2006	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
743	Phạm Thị Hằng	Nữ	01/01/1972	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
744	Lê Thanh Long	Nam	18/05/1978	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
745	Phạm Thị Diễm Thúy	Nữ	24/05/1989	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
746	Phạm Thị Ngọc Nguyệt	Nữ	12/09/1977	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
747	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	28/01/1996	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
748	Đặng Chí Hải	Nam	04/06/1999	Tổ thành phẩm	MPT cận thị TS: Mổ viêm ruột thừa			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
749	Nguyễn Thị Thi	Nữ	02/06/1992	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	IV (CC)		Bố trí công việc phù hợp
750	Võ Văn Hiếu	Nam	30/03/2003	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
751	Dương Thùy Dương	Nữ	01/01/1983	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
752	Nguyễn Quãng Tính	Nam	05/01/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
753	Cao Văn Khang	Nam	09/06/2005	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
754	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	20/10/1978	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
755	Trần Thị Ngọc Hân	Nữ	20/08/1985	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
756	Diệp Thị Thanh Thanh	Nữ	16/04/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
757	Trịnh Thanh Leo	Nam	15/09/1994	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
758	Võ Thị Liễu Em	Nữ	24/02/1993	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
759	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/09/1989	Tổ thành phẩm	Béo phệ MT viêm giác mạc Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
760	Huỳnh Gia Bảo	Nam	04/09/2004	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
761	Dương Văn Hải	Nam	27/09/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ Phục hình răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
762	Hòa Thị Nhuần	Nữ	13/08/1980	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
763	Trương Thanh Hiền	Nam	03/03/2003	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
764	Lê Thị Minh Phụng	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
765	Lê Thị Kim Xuyến	Nữ	05/04/2004	Tổ thành phẩm	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
766	Nguyễn Thị Bích	Nữ	01/01/1992	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
767	Trịnh Văn Giang	Nam	01/01/1982	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
768	Nguyễn Chí Cường	Nam	01/01/1989	Tổ thành phẩm	Chai 2 lòng bàn tay			III		Đủ sức khỏe
769	Hồ Thị Ngọc Hân	Nữ	03/11/1984	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
770	Phạm Thế Dĩ	Nam	01/01/1983	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Viêm amidan Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
771	Trần Phước Hiền	Nam	01/01/1988	Tổ thành phẩm	Viêm amidan Mất răng			III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
772	Võ Thành Tâm	Nam	01/01/1979	Tổ thành phẩm	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
773	Nguyễn Thị Thư	Nữ	15/06/1981	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
774	Nguyễn Thị Bích Thu	Nữ	10/06/1996	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
775	Hà Thị Bích Thuận	Nữ	20/12/1990	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
776	Nguyễn Thành Thắng	Nam	02/08/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Gãy xương cánh tay (T)			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
777	Ngô Thị Hiền	Nữ	01/01/1982	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
778	Hà Văn Đon	Nam	15/12/1984	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
779	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Nữ	20/11/1977	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
780	Trần Thị Phê Em	Nữ	26/01/1992	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
781	Diệp Thành Nhu	Nam	20/01/1992	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
782	Thái Văn Lý	Nam	19/09/1973	Tổ thành phẩm	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
783	Huỳnh Quốc Hảo	Nam	03/11/2003	Tổ thành phẩm	Viêm amidan			II	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
784	Vàng Thị Kim Loan	Nữ	01/07/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
785	Nguyễn Văn Phước	Nam	01/01/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
786	Đặng Minh Tâm	Nam	10/09/2003	Tổ thành phẩm	Mất răng Hở hàm ếch			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
787	Nguyễn Lâm Trường	Nam	01/05/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
788	Trần Thị Quyên Anh	Nữ	25/02/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
789	Đặng Thị Thu Quyên	Nữ	23/07/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
790	Nguyễn Công Bảo	Nam	10/12/2005	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
791	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	28/04/1998	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
792	Nguyễn Phước Sang	Nam	09/05/2005	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
793	Nguyễn Tấn Phúc	Nam	20/03/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ			V (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
794	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	Nữ	09/12/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
795	Lê Ngọc Loan	Nữ	27/09/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
796	Trần Thị Kiều Vân	Nữ	01/01/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
797	Nguyễn Văn Trường	Nam	15/08/1994	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
798	Ngô Văn Pha	Nam	06/10/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
799	Đặng Quốc Thái	Nam	14/05/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (TL)		Đủ sức khỏe
800	Nguyễn Văn Tý	Nam	15/03/2003	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			IV (CN)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Bố trí công việc phù hợp
801	Cao Trường Vũ	Nam	19/02/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
802	Võ Thị Kim Chi	Nữ	06/01/2001	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
803	Trần Minh Tân	Nam	24/04/1995	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
804	Trần Thị Mỹ Tâm	Nữ	28/02/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
805	Trần Thị Tuyết Nga	Nữ	01/05/1969	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
806	Thạch Thị Phượng	Nữ	01/01/1992	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
807	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	25/05/1999	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
808	Nguyễn Chí Bảo	Nam	01/01/1991	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
809	Vũ Ngọc Loan	Nữ	13/12/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
810	Lê Thị Thum	Nữ	01/01/1977	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
811	Hồ Thị Cà Mum	Nữ	20/09/1985	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
812	Võ Thị Tuyết Loan	Nữ	30/12/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
813	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	Nữ	27/08/2005	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
814	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	21/11/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
815	Nguyễn Thành Lâm	Nam	01/01/1975	Tổ thành phẩm	MT hư TS: Tăng huyết áp đang điều trị			III	Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
816	Trần Thị Chúc Mai	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
817	Dương Thị Kim Oanh	Nữ	06/08/2003	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
818	Nguyễn Vũ Luân	Nam	20/09/1999	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
819	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	13/12/1993	Tổ thành phẩm	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
820	Âu Thị Xuyến	Nữ	10/09/1998	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
821	Võ Hồng Nhung	Nữ	19/04/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	V (CC)		Bố trí công việc phù hợp
822	Lâm Thúy Hằng	Nữ	15/07/2004	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
823	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	19/06/2000	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Sâu răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
824	Phạm Thị Bích Chi	Nữ	19/11/1988	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
825	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	11/04/1988	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
826	Nguyễn Dương Kim Ngân	Nữ	24/01/2001	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
827	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	18/09/1985	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
828	Lê Văn Tùng	Nam	08/02/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
829	Phạm Thị Huyền Nhi	Nữ	01/01/1997	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
830	Âu Thị Ngọc Thảo	Nữ	01/01/1996	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
831	Trần Thị Thu	Nữ	20/11/1983	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
832	Nguyễn Hùng Kính	Nam	25/02/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
833	Bùi Thị Xốp Chi	Nữ	12/12/1989	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
834	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	18/12/2003	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
835	Trần Văn Khoa	Nam	10/08/1976	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
836	Võ Thị Bích Tuyền	Nữ	12/04/2007	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
837	Phạm Thị Hồng Nương	Nữ	01/01/1974	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
838	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	Nữ	25/09/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
839	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/01/1990	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	V (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
840	Nguyễn Thanh Phong	Nam	22/07/2000	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
841	Lương Trần Nhật Trường	Nam	16/05/2003	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
842	Phan Thị Kim Tuyền	Nữ	10/08/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
843	Dương Phước Thịnh	Nam	10/09/2004	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
844	Phan Thanh Hiệp	Nam	26/12/2002	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
845	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nữ	18/07/1975	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
846	Lê Thị Quyên	Nữ	01/01/1974	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
847	Lê Thị Thanh Hảo	Nữ	25/01/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
848	Hồ Thị Chúc Ly	Nữ	25/03/1992	Tổ thành phẩm	Mất nhiều răng TS: Đứt gân ngón V bàn tay (P)	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
849	Ngô Thị Hạnh	Nữ	01/01/1981	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
850	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	01/01/1976	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
851	Nguyễn Quốc Tự	Nam	08/03/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
852	Nguyễn Thị Kim Loan	Nữ	08/07/2001	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
853	Nguyễn Long Hồ	Nam	20/03/1989	Tổ thành phẩm	Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
854	Nguyễn Ngọc Lợi	Nam	08/02/2005	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
855	Bùi Văn Phong	Nam	30/10/2001	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
856	Lê Thị Thúy Trang	Nữ	11/03/1997	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
857	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	03/12/2003	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
858	Phạm Thị Hạnh	Nữ	01/01/1981	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
859	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	19/10/1997	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
860	Trần Thị Xuân Hoa	Nữ	01/01/1985	Tổ thành phẩm	TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	II	Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
861	Trần Công Minh	Nam	06/03/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận loạn thị			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
862	Võ Khang Ninh	Nam	29/10/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
863	Trần Trí Cường	Nam	20/09/1995	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
864	Huỳnh Thị Thu Hà	Nữ	26/03/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
865	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Nữ	01/08/1993	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
866	Nguyễn Thị Hòa Em	Nữ	19/01/1995	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
867	Phan Văn Bé Điền	Nam	01/01/1995	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
868	Ngô Hữu Vạn	Nam	11/04/1991	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
869	Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	Nữ	02/01/1987	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
870	Lý Thái Dương	Nam	18/12/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
871	Nguyễn Thị Hà Lan	Nữ	03/09/2005	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	V (CN)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
872	Phan Văn Phú	Nam	19/11/2004	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
873	Văng Công Nghĩa	Nam	01/01/1996	Tổ thành phẩm	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
874	Đoàn Minh Tuấn	Nam	28/08/1994	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
875	Võ Minh Thuận	Nam	11/04/1986	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
876	Mai Hữu Trí	Nam	15/07/1982	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			IV (TH)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
877	Nguyễn Thị Bích Hiền	Nữ	04/04/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
878	Võ Thị Hồng Châu	Nữ	15/11/1997	Tổ thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
879	Trương Thị Kiều Mi	Nữ	28/02/1993	Tổ thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
880	Ngô Thị Thanh	Nữ	01/01/1975	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
881	Nguyễn Duy Hùng	Nam	30/04/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu mất răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
882	Nguyễn Thị Diện	Nữ	04/09/1974	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
883	Lê Thị Thảo Trang	Nữ	28/06/1997	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
884	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	01/07/2004	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
885	Dương Văn Tỷ	Nam	06/08/1992	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
886	Lê Thị Anh Đào	Nữ	03/06/1985	Tổ thành phẩm	Mất đốt xa ngón III bàn tay (T) Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
887	Ngô Thị Thùy Dương	Nữ	30/04/1996	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
888	Phạm Thị Lụa	Nữ	23/04/2000	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
889	Nguyễn So Nil	Nam	06/09/2001	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khoẻ
890	Nguyễn Thành Sĩ	Nam	02/07/1970	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Phục hình răng			IV (CC)	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
891	Lê Thị Quyên	Nữ	18/06/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
892	Bùi Thị Thu Hương	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Tim mạch, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khoẻ
893	Phạm Thị Bích Vân	Nữ	24/07/1984	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khoẻ
894	Võ Thị Mỹ Thi	Nữ	09/09/1993	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khoẻ
895	Võ Thị Bích Duyên	Nữ	19/06/1988	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	V (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
896	Huỳnh Văn Phong	Nam	17/11/2000	Tổ thành phẩm	Sâu nhiều răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
897	Võ Thị Thúy Dương	Nữ	16/02/1999	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
898	Nguyễn Thị Thúy Loan	Nữ	24/05/2000	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng TS: Gãy xương cánh tay (P) TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khoẻ
899	Hà Phú Bành	Nam	15/06/2007	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khoẻ

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
900	Lê Thị Ngoan	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
901	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	19/09/1977	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
902	Nguyễn Văn Thiện	Nam	16/04/1987	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
903	Võ Minh Trị	Nam	01/01/1983	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khoẻ
904	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	03/07/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
905	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	01/10/1992	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khoẻ
906	Vàng Tuấn Cảnh	Nam	14/02/2006	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
907	Nguyễn Văn Toàn	Nam	09/01/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khoẻ
908	Vàng Thị Quỳnh Như	Nữ	17/05/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
909	Hà Phú Đức	Nam	02/08/2000	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
910	Nguyễn Thanh Trường	Nam	11/09/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khoẻ
911	Nguyễn Thị Nhạn	Nữ	23/03/2001	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng Đang mang thai # 28 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khoẻ
912	Trần Mỹ Hà	Nữ	25/05/2000	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khoẻ
913	Lê Thu Trang	Nữ	20/03/1994	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khoẻ
914	Trần Mỹ Trinh	Nữ	28/09/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khoẻ
915	Võ Thái Lâm	Nam	17/02/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
916	Trần Công Thành	Nam	06/11/1992	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
917	Phạm Thị Thảo My	Nữ	31/10/2004	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
918	Phạm Thị Phương	Nữ	1984	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
919	Tôn Minh Tống	Nam	04/10/2002	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
920	Võ Minh Luân	Nam	14/04/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
921	Lê Xuân Thanh	Nam	28/12/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
922	Phạm Lê Huỳnh Đức	Nam	31/12/2002	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
923	Nguyễn Khinh Kha	Nam	20/02/1998	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
924	Đoàn Văn Thảo	Nam	20/05/1995	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
925	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	09/06/1997	Tổ kho lạnh	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
926	Nguyễn Trọng Nam	Nam	04/09/1983	Tổ kho lạnh	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
927	Lê Thành Chánh	Nam	01/04/1997	Tổ kho lạnh	Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
928	Phạm Phú Lộc	Nam	29/12/1987	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
929	Lê Thành Tài	Nam	17/02/1992	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
930	Cao Văn Việt	Nam	17/09/2004	Tổ kho lạnh	Mất đốt xa ngón II bàn tay (T)			II		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
900	Lê Thị Ngoan	Nữ	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
901	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	19/09/1977	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
902	Nguyễn Văn Thiện	Nam	16/04/1987	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
903	Võ Minh Trí	Nam	01/01/1983	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khoẻ
904	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	03/07/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
905	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	01/10/1992	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khoẻ
906	Vũng Tuấn Cảnh	Nam	14/02/2006	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
907	Nguyễn Văn Toàn	Nam	09/01/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khoẻ
908	Vũng Thị Quỳnh Như	Nữ	17/05/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
909	Hà Phú Đức	Nam	02/08/2000	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
910	Nguyễn Thanh Trường	Nam	11/09/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khoẻ
911	Nguyễn Thị Nhạn	Nữ	23/03/2001	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng Đang mang thai # 28 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khoẻ
912	Trần Mỹ Hà	Nữ	25/05/2000	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khoẻ
913	Lê Thu Trang	Nữ	20/03/1994	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khoẻ
914	Trần Mỹ Trinh	Nữ	28/09/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khoẻ
915	Võ Thái Lâm	Nam	17/02/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
916	Trần Công Thành	Nam	06/11/1992	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
917	Phạm Thị Thảo My	Nữ	31/10/2004	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
918	Phạm Thị Phượng	Nữ	1984	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
919	Tôn Minh Tống	Nam	04/10/2002	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khoẻ
920	Võ Minh Luân	Nam	14/04/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
921	Lê Xuân Thanh	Nam	28/12/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khoẻ
922	Phạm Lê Huỳnh Đức	Nam	31/12/2002	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
923	Nguyễn Khinh Kha	Nam	20/02/1998	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
924	Đoàn Văn Thảo	Nam	20/05/1995	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
925	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	09/06/1997	Tổ kho lạnh	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
926	Nguyễn Trọng Nam	Nam	04/09/1983	Tổ kho lạnh	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
927	Lê Thành Chánh	Nam	01/04/1997	Tổ kho lạnh	Sâu mất răng Chai 2 lòng bàn tay			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
928	Phạm Phú Lộc	Nam	29/12/1987	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
929	Lê Thành Tài	Nam	17/02/1992	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
930	Cao Văn Việt	Nam	17/09/2004	Tổ kho lạnh	Mất đốt xa ngón II bàn tay (T)			II		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
										Đủ sức khỏe
931	Nguyễn Thanh Hoài	Nam	28/05/1997	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
932	Đoàn Văn Phúc	Nam	11/01/1994	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
933	Nguyễn Khánh Duy	Nam	17/01/2004	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
934	Trần Phạm Minh Mẫn	Nam	05/06/1994	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất ngón IV bàn chân (P) Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
935	Nguyễn Nam Trung	Nam	01/01/1995	Tổ kho lạnh	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
936	Đặng Tấn Quân	Nam	17/11/2004	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
937	Trần Hữu Tài	Nam	30/03/1984	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
938	Đặng Minh Phong	Nam	25/02/1988	Tổ kho lạnh	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
939	Trần Đặng Công Hậu	Nam	24/11/1989	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
940	Vũng Minh Thân	Nam	20/09/1998	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
941	Nguyễn Văn Hạnh	Nam	07/05/1985	Tổ kho lạnh	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
942	Nguyễn Văn Tùng	Nam	24/01/1990	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
943	Trần Quang Vinh	Nam	17/01/1986	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
944	Nguyễn Khánh Linh	Nam	01/01/1988	Tổ kho lạnh	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
945	Phạm Hữu Lợi	Nam	29/05/2003	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
946	Bùi Văn Hoàng Anh	Nam	06/03/1996	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất ngón V bàn chân (T) MPT cận thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
947	Nguyễn Hữu Tiến	Nam	11/11/1978	Tổ kho lạnh	Béo phệ TS: Tăng huyết áp đang điều trị			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
948	Trần Anh Vũ	Nam	04/04/1996	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
949	Nguyễn Dũ Linh	Nam	06/11/1992	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
950	Dương Quốc Huy	Nam	15/06/1991	Tổ kho lạnh	MPT cận thị TS: Mổ KHX cẳng tay (P) đã tháo nẹp			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
951	Lê Phú Hữu	Nam	18/11/2000	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
952	Đoàn Thái Nguyên	Nam	19/09/2000	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
953	Trần Phương Quang	Nam	09/08/1994	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
954	Nguyễn Công Tiếp	Nam	25/10/1996	Tổ kho lạnh	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
955	Nguyễn Tấn Phát	Nam	22/06/2004	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
956	Cao Văn Mến	Nam	01/01/1988	Tổ kho lạnh	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
957	Tôn Minh Chánh	Nam	15/05/1998	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
958	Nguyễn Trí Linh	Nam	04/09/1996	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
959	Phạm Tấn Thành	Nam	01/01/1977	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
960	Trần Minh Phú	Nam	08/09/1991	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
961	Trần Văn The	Nam	14/04/1985	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng TS: Đứt gân ngón II bàn tay (P)			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
962	Nguyễn Thanh Hòa	Nam	01/01/1984	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
963	Huỳnh Anh Tao	Nam	25/09/1987	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
964	Phạm Hoài Linh	Nam	01/01/1984	Tổ kho lạnh	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
965	Trần Thị Thắm	Nữ	20/10/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
966	Nguyễn Thị Hồng Linh	Nữ	20/01/1998	Tổ XLPG	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
967	Hồ Văn Hiền	Nam	14/09/1987	Tổ XLPG	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
968	Hồ Văn Ril	Nam	29/10/1998	Tổ XLPG	TD: Tăng huyết áp Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
969	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nam	10/08/1996	Tổ XLPG	TD: Tăng huyết áp Mất răng			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
970	Lê Văn Hải	Nam	18/09/1973	Tài xế	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
971	Đoàn Tất Linh	Nam	10/02/1994	TK Fille	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
972	Bùi Phi Long	Nam	29/06/1984	TK tạo hình	MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
973	Nguyễn Hoài Phong	Nam	04/11/1995	TK tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
974	Nguyễn Thị Trúc Hoa	Nữ	01/01/1991	TK xếp khuôn	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT cận thị Phục hình răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (TH)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
975	Nguyễn Thị Yến Linh	Nữ	12/08/1996	TK xếp khuôn	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
976	Thái Thị Lan Phương	Nữ	18/07/1990	TK thành phẩm 1	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
977	Đoàn Thị Thanh	Nữ	01/01/1989	TK thành phẩm 1	Sâu mất răng Đang mang thai # 13 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
978	Phạm Thị Trúc Linh	Nữ	17/10/1993	TK thành phẩm 1	MPT cận thị Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
979	Trương Thị Thanh Tuyền	Nữ	01/01/1986	TK thành phẩm2	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
980	Nguyễn Hồng Thắm	Nữ	01/06/1990	TK thành phẩm2	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
981	Đặng Minh Tâm	Nam	22/09/1994	TK kho lạnh 1	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			IV (TH)	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
982	Trần Thanh Sơn	Nam	18/09/1991	TK kho lạnh 1	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
983	Lê Thị Kim Ánh	Nữ	14/06/1990	TK kho lạnh 1	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
984	Lâm Thị Hiếu	Nữ	02/03/1990	TK kho lạnh 1	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
985	Nguyễn Chí Thiện	Nam	26/11/1996	TK kho lạnh 1	TD: Tăng huyết áp			III	Khám chuyên khoa Tim mạch Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
986	Nguyễn Đình Nhu	Nam	18/10/1989	TK kho lạnh 2	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
987	Huỳnh Văn Mẫn	Nam	11/04/1994	TK kho lạnh 2	TD: Tăng huyết áp MPT cận thị			III	Khám chuyên khoa Tim mạch và Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
988	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	02/11/1994	TK kho lạnh 2	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
989	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	03/05/1999	TK kho lạnh 2	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
990	Nguyễn Văn Vĩ	Nam	19/02/1979	GĐNM2	MPT cận loạn thị Viêm xoang mạn			I	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
991	Nguyễn Minh Châu	Nam	25/08/1997	NV	MPT cận loạn thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
992	Đoàn Thị Bích Ngọc	Nữ	02/10/1995	NV	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
993	Hà Văn Sâm	Nam	25/03/1981	TTTN	Béo phệ Viêm họng hạt			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
994	Nguyễn Hồng Phước	Nam	26/01/1992	TTFL	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
995	Hồ Thị Yến Nhi	Nữ	30/12/1992	TTTH	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
996	Lê Thị Kim Trinh	Nữ	31/08/1992	TP TH	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
997	Đoàn Thành Tiến	Nam	29/08/1993	TT TP1	Béo phệ Viêm họng hạt			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
998	Nguyễn Trọng An	Nam	02/08/1996	TP TP1	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
999	Nguyễn Hữu Tài	Nam	15/09/1995	TT TP2	Béo phệ MPT cận thị			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1000	Văn Công Hiếu	Nam	20/10/1996	TP TP2	MPT loạn thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1001	Phan Hoàng Duy	Nam	28/09/1993	TTKL	MPT cận loạn thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1002	Đặng Phước Dư	Nam	15/12/1994	TPKL	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1003	Kiều Thanh Hồ	Nam	01/03/1995	TPKL	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1004	Võ Quốc Đạt	Nam	01/01/1992	TPKL	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1005	Cao Thị Thùy Oanh	Nữ	06/09/1990	TTDVNM	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1006	Trần Thiện Tâm	Nam	09/11/1994	TPFL	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1007	Nguyễn Thanh Phong	Nam	23/05/1994	QCFL	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1008	Trần Thị Mai Hương	Nữ	16/10/1999	QCTH	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1009	Vũ Văn Lợi	Nam	16/04/1982	QCTTP1	Béo phệ MPT cận thị			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1010	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	27/12/1997	QC TP1	MPT cận loạn thị Viêm tai giữa Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1011	Phạm Thành Nam	Nam	30/04/1996	QC TP1	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1012	Bùi Diệp Mỹ Tú	Nữ	27/12/1991	QCTTP2	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1013	Nguyễn Minh Trường	Nam	20/08/1992	QC TP2	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1014	Huỳnh Minh Trung	Nam	17/10/1992	TPPG	MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1015	Trần Thị Bích Thủy	Nữ	18/08/1999	NVXLPG	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1016	Nguyễn Văn Hồng	Nam	02/07/1987	NVXLPG	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1017	Nguyễn Trọng Quỳnh	Nam	04/10/1996	NVXLPG	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1018	Trần Thị Nghi	Nữ	27/06/1997	NVXLPG	MPT cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1019	Nguyễn Văn Minh	Nam	11/07/1988	NVXLPG	Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1020	Trần Thị Kim Viên	Nữ	27/05/1992	NVXLPG	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1021	Lê Thanh Cần	Nam	17/04/1979	Tổ tiếp nhận	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1022	Huỳnh Tấn Phú	Nam	13/04/1998	Tổ tiếp nhận	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1023	Nguyễn Văn Biết	Nam	08/09/1991	Tổ tiếp nhận	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1024	Dương Văn Thanh	Nam	04/07/1980	Tổ tiếp nhận	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1025	Diệp Hữu Thanh	Nam	01/01/1982	Tổ tiếp nhận	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1026	Trần Ngọc Như	Nữ	19/04/2002	Tổ Fillet	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1027	Phạm Minh Cường	Nam	01/01/1981	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Viêm xoang mạn			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1028	Trần Văn Hùng	Nam	04/12/1979	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1029	Trần Thanh Dân	Nam	21/08/1989	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1030	Dương Văn Ngoan	Nam	14/03/1992	Tổ Fillet	Béo phệ Viêm họng hạt			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
1031	Phạm Tuấn Linh	Nam	29/06/1992	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1032	Nguyễn Văn Bé Ba	Nam	28/10/1994	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1033	Lê Văn Qui	Nam	24/06/1990	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1034	Lê Văn Ngoan	Nam	10/02/1995	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1035	Huỳnh Văn Phương	Nam	01/01/1981	Tổ Fillet	Mất răng TS: MP bong giác mạc TS: Gãy xương đòn (P)			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1036	Lê Hoàng Thắm	Nam	01/01/1978	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1037	Trần Hồng Tâm	Nam	15/08/1988	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1038	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	01/01/1984	Tổ Fillet	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1039	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	01/02/1987	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1040	Võ Tấn Lộc	Nam	06/04/1993	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1041	Nguyễn Văn Tình	Nam	19/06/2003	Tổ Fillet	Thể lực gầy Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1042	Trần Công Đỉnh	Nam	28/03/1995	Tổ Fillet	MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1043	Nguyễn Mai Nhơn	Nam	08/11/1979	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1044	Lê Hữu Nghĩa	Nam	21/04/1993	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1045	Huỳnh Văn Trọng	Nam	14/02/1984	Tổ Fillet	Mất răng TS: Mổ viêm ruột thừa			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1046	Đào Học Sĩ	Nam	16/09/1997	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1047	Mai Văn Tình	Nam	28/08/1983	Tổ Fillet	Nấm móng 2 bàn tay			III	Khám chuyên khoa Da liễu	Đủ sức khỏe
1048	Trần Quốc An	Nam	23/12/1996	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1049	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	01/01/1972	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1050	Phan Thanh Liêm	Nam	07/04/2002	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng			II	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
1051	Trần Văn Tuấn Khanh	Nam	01/04/2006	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1052	Nguyễn Tấn Phát	Nam	11/02/2005	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1053	Trần Ngọc Thiện	Nam	07/05/2001	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1054	Nguyễn Tấn Khoa	Nam	01/01/1984	Tổ Fillet	Béo phệ Viêm họng hạt			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
1055	Mai Thiện Đúng	Nam	26/03/1984	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1056	Lê Văn Hiền	Nam	25/07/1997	Tổ Fillet	Viêm xoang mạn Mất răng			III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1057	Đặng Thanh Sang	Nam	21/01/1995	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1058	Huỳnh Văn Mẫu	Nam	02/11/1983	Tổ Fillet	MPT lão thị			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1059	Nguyễn Minh Vương	Nam	13/03/1996	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1060	Võ Nhựt Hào	Nam	21/03/2003	Tổ Fillet	Đổ mồ hôi tay chân nhe			II		Đủ sức khỏe
1061	Đặng Thanh Lộc	Nam	25/04/2007	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1062	Nguyễn Thị Khánh An	Nữ	05/05/2004	Tổ Fillet	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1063	Trần Thanh Thân	Nam	09/09/1978	Tổ Fillet	Béo phệ Viêm họng hạt			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Bố trí công việc phù hợp
1064	Trần Minh Hiền	Nam	20/09/1990	Tổ Fillet	TS: Gãy xương đòn (P)			II		Đủ sức khỏe
1065	Nguyễn Thanh Chiến	Nam	22/12/1991	Tổ Fillet	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1066	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	18/09/2002	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1067	Phạm Văn Quy	Nam	09/06/1997	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Sâu răng			II	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1068	Trần Văn Cần	Nam	29/12/1991	Tổ Fillet	Béo phệ Mất nhiều răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1069	Trần Thị Huỳnh Như	Nữ	28/04/2004	Tổ Fillet	Béo phệ Viêm xoang mạn	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
1070	Nguyễn Công Minh	Nam	12/10/1980	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1071	Trần Văn Nhân	Nam	10/05/1974	Tổ Fillet	MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1072	Nguyễn Ngọc Luận	Nam	20/08/1998	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1073	Lê Văn Lý	Nam	25/05/1986	Tổ Fillet	Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1074	Nguyễn Thành Mau	Nam	02/04/1998	Tổ Fillet	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1075	Trần Quốc Cư	Nam	15/07/2000	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1076	Phạm Minh Tâm	Nam	01/01/1990	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1077	Nguyễn Trọng Phúc	Nam	10/01/2005	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1078	Nguyễn Thị Tiến	Nữ	16/07/2004	Tổ Fillet	TS: Gãy xương cẳng tay (T)	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1079	Trương Thị Như Ý	Nữ	17/04/2003	Tổ Fillet	Thể lực gầy Sâu răng TS: Mổ thai ngoài tử cung	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1080	Nguyễn Thị Xuyến	Nữ	07/08/1996	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị Viêm da dị ứng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và Da liễu	Đủ sức khỏe
1081	Bùi Văn Ca	Nam	14/04/1998	Tổ Fillet	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1082	Võ Hoàng Anh	Nam	19/09/1990	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1083	Nguyễn Đức Hòa	Nam	14/09/1989	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1084	Lê Thị Ngọc Tuyền	Nữ	15/05/1984	Tổ Fillet	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1085	Đỗ Văn Anh	Nam	01/01/1985	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1086	Huỳnh Ngọc Hữu	Nam	16/07/1993	Tổ Fillet	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1087	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	31/12/2005	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1088	Phan Thị Kiều An	Nữ	12/06/1983	Tổ Fillet	Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1089	Phạm Trung Tính	Nam	09/01/1995	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1090	Ngô Thị Hồng Cúc	Nữ	14/11/1995	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
1091	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	04/05/1991	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng Mất răng TS: Viêm dạ dày TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1092	Danh Thị Đủ	Nữ	01/01/1991	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1093	Trương Tuyết Hồng	Nữ	16/08/1996	Tổ Fillet	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1094	Nguyễn Thanh Sang	Nam	12/07/1990	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Viêm da dị ứng			II	Khám chuyên khoa TMH và Da liễu	Đủ sức khỏe
1095	Giáp Hữu Luân	Nam	15/03/2002	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1096	Bùi Quốc Khánh	Nam	22/07/2004	Tổ Fillet	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1097	Dương Văn Nhà	Nam	16/11/1991	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1098	Nguyễn Văn Triều	Nam	06/05/2001	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1099	Huỳnh Văn Khánh	Nam	07/03/2000	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Mất răng Nấm móng 2 bàn tay			III	Khám chuyên khoa TMH, RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
1100	Trần Thanh Phong	Nam	11/03/2005	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1101	Trương Quốc Huy	Nam	16/04/2000	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1102	Võ Văn Nhớ	Nam	24/09/2005	Tổ Fillet	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1103	Nguyễn Văn Thủ	Nam	21/04/1988	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1104	Trần Minh Quân	Nam	24/04/2002	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1105	Nguyễn Tấn Phát	Nam	25/06/2003	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1106	Trần Thị Thúy	Nữ	17/06/1995	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1107	Trương Văn Bai	Nam	12/07/1991	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1108	Nhan Thành Hiếu	Nam	12/10/1977	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1109	Bùi Lê Mai Quỳnh	Nữ	24/01/2004	Tổ Fillet	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1110	Lâm Thị Cẩm Thúy	Nữ	10/01/1994	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1111	Nguyễn Văn Hướng	Nam	01/01/1981	Tổ Fillet	Viêm dạ dày - tá tràng đang điều trị ổn MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1112	Nguyễn Văn Thiện	Nam	18/08/1985	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1113	Âu Công Dũng	Nam	22/04/1986	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1090	Ngô Thị Hồng Cúc	Nữ	14/11/1995	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch và Nội tiết Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
1091	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	04/05/1991	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng Mất răng TS: Viêm dạ dày TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1092	Danh Thị Đủ	Nữ	01/01/1991	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1093	Trương Tuyết Hồng	Nữ	16/08/1996	Tổ Fillet	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1094	Nguyễn Thanh Sang	Nam	12/07/1990	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Viêm da dị ứng			II	Khám chuyên khoa TMH và Da liễu	Đủ sức khỏe
1095	Giáp Hữu Luân	Nam	15/03/2002	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1096	Bùi Quốc Khánh	Nam	22/07/2004	Tổ Fillet	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1097	Dương Văn Nhá	Nam	16/11/1991	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1098	Nguyễn Văn Triều	Nam	06/05/2001	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1099	Huỳnh Văn Khánh	Nam	07/03/2000	Tổ Fillet	Viêm họng hạt Mất răng Nấm móng 2 bàn tay			III	Khám chuyên khoa TMH, RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
1100	Trần Thanh Phong	Nam	11/03/2005	Tổ Fillet	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1101	Trương Quốc Huy	Nam	16/04/2000	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1102	Võ Văn Nhớ	Nam	24/09/2005	Tổ Fillet	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1103	Nguyễn Văn Thủ	Nam	21/04/1988	Tổ Fillet	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1104	Trần Minh Quân	Nam	24/04/2002	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1105	Nguyễn Tấn Phát	Nam	25/06/2003	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1106	Trần Thị Thúy	Nữ	17/06/1995	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1107	Trương Văn Bai	Nam	12/07/1991	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1108	Nhan Thành Hiếu	Nam	12/10/1977	Tổ Fillet	MPT lão thị Sâu răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1109	Bùi Lê Mai Quỳnh	Nữ	24/01/2004	Tổ Fillet	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1110	Lâm Thị Cẩm Thúy	Nữ	10/01/1994	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1111	Nguyễn Văn Hường	Nam	01/01/1981	Tổ Fillet	Viêm dạ dày - tá tràng đang điều trị ổn MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1112	Nguyễn Văn Thiện	Nam	18/08/1985	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1113	Âu Công Dũng	Nam	22/04/1986	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1114	Trần Thanh Phong	Nam	01/04/1993	Tổ Fillet	Béo phệ Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1115	Mai Thanh Phong	Nam	15/01/1983	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1116	Trần Văn Thái	Nam	09/04/1978	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1117	Nguyễn Hoàng Thanh	Nam	13/06/1982	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1118	Trần Thị Đẹp	Nữ	01/01/1981	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1119	Trần Văn Lành	Nam	01/01/1989	Tổ Fillet	Béo phệ Mất nhiều răng TS: Mổ thoát vị bẹn (P)			IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1120	Ngô Thanh Hoàng Em	Nam	01/01/1980	Tổ Fillet	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1121	Trần Thị Kim Pha	Nữ	24/12/1995	Tổ Fillet	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1122	Đỗ Thị Kim Thúy	Nữ	02/07/2003	Tổ Fillet	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1123	Đỗ Thị Kim Thoa	Nữ	27/10/2004	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1124	Đỗ Phúc Hậu	Nam	15/06/1999	Tổ Fillet	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1125	Nguyễn Thị Qui Hợp	Nữ	01/08/2003	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1126	Dương Thị Bé Hai	Nữ	29/01/1972	Tổ Fillet	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1127	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Nữ	09/05/1999	Tổ Fillet	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1128	Nguyễn Thị Léo	Nữ	01/01/1993	Tổ Fillet	Viêm mũi dị ứng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
1129	Đoàn Thị Diệu Nga	Nữ	01/01/1986	Tổ Fillet	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1130	Phạm Thị Thúy Liễu	Nữ	01/11/1996	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị Mất răng Đang mang thai # 8 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1131	Nguyễn Thị Hương	Nữ	20/12/1977	Tổ Fillet	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1132	Nguyễn Thảo Em	Nữ	05/06/1988	Tổ Fillet	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1133	Nguyễn Tấn Tài	Nam	08/09/1978	Tổ Fillet	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1134	Lê Minh Đăng	Nam	23/11/1986	Tổ Fillet	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1135	Trịnh Phước Lợi	Nam	03/05/1991	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1136	Nguyễn Thanh Tân	Nam	20/06/1983	Tổ Fillet	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1137	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	11/12/1990	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1138	Hồ Thị Kim Thoa	Nữ	19/11/2004	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1139	Lê Thị Trang	Nữ	01/01/1971	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1140	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	11/11/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1141	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	01/06/1995	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1142	Hồ Thị Thu Thảo	Nữ	15/07/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC, NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1143	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	15/10/2004	Tổ tạo hình	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1144	Hồ Ngọc Mai	Nữ	10/02/1985	Tổ tạo hình	MPT loạn thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1145	Trần Thị Huyền	Nữ	20/03/1993	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1146	Nguyễn Thị Nhú	Nữ	08/08/1985	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1147	Bùi Thị Minh Thư	Nữ	12/09/2003	Tổ tạo hình	Đổ mồ hôi tay chân nhẹ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1148	Mai Thị Bé Hòa	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1149	Kiều Thị Mộng Thường	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1150	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1151	Nguyễn Thị Ráng	Nữ	01/01/1992	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1152	Phạm Thị Muôn	Nữ	10/06/1990	Tổ tạo hình	Sâu mất răng TS: Bướu tuyến giáp điều trị ổn	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1153	Lê Kim Vàng	Nữ	15/06/1993	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (SPK)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1154	Trần Thị Thúy Huỳnh	Nữ	09/01/2003	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1155	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	01/01/1990	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1156	Phạm Thị Yến	Nữ	1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1157	Nguyễn Thị Kiều Lan	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1158	Kiều Văn Thái	Nam	21/07/2005	Tổ tạo hình	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1159	Trương Thanh Liên	Nữ	05/05/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng - Phục hình răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1160	Cao Thị Kim Sa	Nữ	02/09/1988	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1161	Bạch Mỹ Nhun	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1162	Ngô Thị Cưa	Nữ	03/08/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1163	Nguyễn Thị Bảo Ngân	Nữ	03/07/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1164	Đặng Văn Thắng	Nam	10/11/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ	–		II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1165	Lê Thị Mười Một	Nữ	09/02/1990	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1166	Ngô Thị Kim Thúy	Nữ	19/10/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1167	Võ Thị Nga	Nữ	15/03/1988	Tổ tạo hình	TS: Mổ viêm ruột thừa	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1168	Trần Thị Thiên Nga	Nữ	03/03/1973	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1169	Nguyễn Thị Trúc Quyên	Nữ	16/12/2004	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1170	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	09/11/1993	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1171	Nguyễn Hồng Phiến	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1172	Thái Thị Tuyết Lan	Nữ	13/10/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1173	Lý Ngọc Dung	Nữ	08/10/1988	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1174	Cao Thị Mỹ Ngọc	Nữ	28/09/1992	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1175	Nguyễn Thị Đon	Nữ	19/10/1982	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1176	Trần Thị Mỹ Duyên	Nữ	10/09/2006	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1177	Ong Thị Thu Thảo	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1178	Nguyễn Thị Hồng Thư	Nữ	20/11/1984	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1179	Trần Thị Cúc	Nữ	02/06/1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1180	Võ Thị Kiều	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1181	Lê Thị Thiêm	Nữ	01/01/1974	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1182	Lê Thị Ngọc Giàu	Nữ	22/09/1986	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1183	Trương Thái Hòa	Nam	28/08/1994	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1184	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	29/01/1992	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1185	Võ Thị Huyền Linh	Nữ	22/11/2005	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1186	Nguyễn Thị Lệ Phương	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1187	Ngô Thị Ngọc Huệ	Nữ	22/04/1988	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)		Bố trí công việc phù hợp
1188	Dương Thúy Kiều	Nữ	18/10/1985	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1189	Trần Thị Nguyệt Kiều	Nữ	23/03/2004	Tổ tạo hình	Béo phệ Đang mang thai # 15 tuần	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết Theo dõi và khám thai định kỳ	Bố trí công việc phù hợp
1190	Trương Thị Ngọc Ánh	Nữ	02/08/2002	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1191	Hồ Thị Huỳnh Giao	Nữ	31/12/1993	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1192	Nguyễn Thị Bé Ba	Nữ	04/07/2001	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1193	Lê Kim Giàu	Nữ	30/09/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1194	Phan Thị Thu Hương	Nữ	12/08/1987	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1195	Nguyễn Thành Quân	Nam	30/07/2003	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1196	Trương Thị Ánh Như	Nữ	08/08/1998	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1197	Huỳnh Thị Ánh	Nữ	19/07/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1198	Lê Thị Gọn	Nữ	06/06/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1199	Phạm Thị Ý Đoan	Nữ	14/09/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1200	Ngô Thị Thúy Hằng	Nữ	24/04/1994	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1201	Phan Thanh Tuấn	Nam	01/04/1996	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1202	Văng Công Huy	Nam	04/11/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1203	Chiêm Nhựt Minh	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1204	Ngô Thị Thiện	Nữ	02/12/1976	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1205	Nguyễn Thanh Quyết	Nữ	20/11/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1206	Trần Thị Ngọc Như	Nữ	12/12/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1207	Nguyễn Thị Na	Nữ	19/11/1991	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1208	Trần Thị Kim Thoa	Nữ	27/12/1987	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1209	Đoàn Kim Liên	Nữ	09/12/1991	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1210	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	29/09/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1211	Lê Thị Thuỳ	Nữ	05/01/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1212	Nguyễn Minh Châu	Nữ	06/05/1985	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1213	Phạm Thị Dáng	Nữ	10/05/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1214	Trương Thị Tuyết Mai	Nữ	01/10/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1215	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Nữ	30/06/2000	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1216	Quang Văn Qui	Nam	14/07/2005	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1217	Đỗ Thị Châm Anh	Nữ	14/09/2006	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1218	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	24/11/1982	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1219	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16/01/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1220	Trần Thị Bích Vân	Nữ	13/02/1993	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1221	Võ Thị Thận	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1222	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	18/10/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1223	Lê Thị Gấm	Nữ	13/07/1999	Tổ tạo hình	MPT cận thị TS: Mổ lấy thai TS: Mổ lạc nội mạc tử cung	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1224	Huỳnh Thị Thúy Nga	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1225	Lê Ngọc Bảo Trang	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1226	Lê Văn Cần	Nam	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT mộng thịt Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1227	Nguyễn Thị Bé Hai	Nữ	27/07/1987	Tổ tạo hình	MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1228	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	01/01/1975	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1229	Hà Thị Thu Thủy	Nữ	11/10/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1230	Trần Thị Thúy Vy	Nữ	27/08/2003	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1231	Trần Thị Uyển Nhi	Nữ	08/07/2002	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng Đang mang thai # 14 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1232	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Nữ	27/02/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1233	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Nữ	22/04/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1234	Lê Thị Thùy Quyên	Nữ	01/01/1995	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1235	Lê Thị Thà	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1236	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	07/05/1983	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1237	Lê Thị Trúc Linh	Nữ	10/03/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1238	Võ Thị Mỹ Kim	Nữ	01/01/1990	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1239	Cao Thị Tuyến	Nữ	16/10/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1240	Trần Thị Thu Hà	Nữ	01/01/1968	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1241	Trương Thị Cúc Phương	Nữ	20/06/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1242	Trần Kim Ngân	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1243	Võ Thị Điệp Em	Nữ	19/12/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1244	Trương Thị Thúy Trang	Nữ	10/04/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1245	Phan Thị Thúy Kiều	Nữ	26/06/1995	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1246	Trần Như Ý	Nữ	18/05/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1247	Lê Thị Thanh Thúy	Nữ	16/02/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1248	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	28/01/1990	Tổ tạo hình	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1249	Trần Thị Mộng Tuyền	Nữ	12/01/1982	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1250	Đặng Thị Mỹ Loan	Nữ	01/01/1972	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1251	Cao Thị Nga	Nữ	01/01/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1252	Trần Thị Trúc Linh	Nữ	25/12/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1253	Võ Thị Ngọc Sương	Nữ	26/04/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1254	Huỳnh Thị Xuân	Nữ	21/04/1985	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	V (CC)	Khám chuyên khoa Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1255	Phạm Ngọc Giàu	Nữ	16/04/1977	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC, NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1256	Trần Thu Hà	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1257	Huỳnh Châu Thảo	Nữ	20/12/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1258	Nguyễn Thị Bé Ngọc	Nữ	01/01/1974	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1259	Đào Ngọc Ngân	Nữ	18/04/2002	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1260	Trần Ngọc Lượng	Nam	24/11/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1261	Phan Thị Trúc Ly	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1262	Võ Thị Mộng Thu	Nữ	10/11/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Viêm họng hạt Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1263	Lương Thị Kim Chi	Nữ	04/02/2002	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1264	Hồ Thị Diễm	Nữ	26/10/2000	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1265	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	03/09/2002	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1266	Dương Thị Thuý Loan	Nữ	10/12/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Viêm xoang mạn	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1267	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	24/07/1990	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1268	Nguyễn Thị Hang	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1269	Võ Văn Hoài	Nam	13/05/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1270	Lê Thị Mỹ Tú	Nữ	22/06/1987	Tổ tạo hình	Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1271	Trần Thị Mến	Nữ	06/12/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1272	Huỳnh Thị Ngọc My	Nữ	10/02/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1273	Phạm Thị Bạch Tuyết	Nữ	08/11/1977	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1274	Võ Thị Xuân	Nữ	26/07/1998	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1275	Trần Thị Linh	Nữ	24/09/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1276	Phan Thị Ngọc Trinh	Nữ	01/07/2004	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1277	Võ Thị Dung	Nữ	20/12/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1278	Kơ Sã LyNa	Nữ	02/12/1993	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1279	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	13/08/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1280	Nguyễn Thị Cẩm Yên Em	Nữ	06/06/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1281	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Nữ	02/09/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1282	Lê Thị Ngọc Bích	Nữ	26/05/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1283	Trương Thị Mỹ Uyên	Nữ	24/12/1996	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1284	Đặng Thị Định	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1285	Lê Kim Hồng	Nữ	19/02/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1286	Nguyễn Thị Kim Son	Nữ	01/01/1976	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1287	Trần Thị Kim Phê	Nữ	28/10/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1288	Phạm Thị Thu Ba	Nữ	15/07/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1289	Trần Thị Mỹ Lệ	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1290	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	Nữ	10/01/1982	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1291	Nguyễn Thị Lệ Hoa	Nữ	01/01/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1292	Hồ Thị Thơm	Nữ	19/04/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1293	Võ Thị Diễm	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1294	Nguyễn Thị Bé Ngân	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT viễn thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1295	Lê Thị Ngọc Thủy	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1296	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	19/11/2001	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1297	Lê Danh Dự	Nam	02/01/1999	Tổ tạo hình	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1298	Lê Thị Diễm Trang	Nữ	01/01/1988	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1299	Phan Ngọc Châu	Nữ	29/11/1977	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Bướu tuyến giáp	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1300	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	25/09/1977	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1301	Trần Thị Bé Sáu	Nữ	09/09/1995	Tổ tạo hình	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1302	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Nữ	27/03/1989	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1303	Đào Thị Kim Thanh	Nữ	01/01/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1304	Võ Thị Loan	Nữ	15/04/1988	Tổ tạo hình	Thể lực gầy	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1305	Trần Thị Mỹ Viên	Nữ	19/07/1992	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1306	Trần Thị Trúc Loan	Nữ	15/07/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng TS: Mổ thoát vị đĩa đệm	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1307	Đỗ Thị Thảo	Nữ	10/10/1992	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1308	Võ Thị Hường	Nữ	27/07/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1309	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	10/07/1994	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1310	Lê Thị Kim Liên	Nữ	05/05/1998	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1311	Nguyễn Thị Tiến Chi	Nữ	10/07/1986	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1312	Phạm Thị Bé Ly	Nữ	20/02/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1313	Hồ Thị Đến	Nữ	05/05/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1314	Trần Thị Mỹ Thúy	Nữ	13/04/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1315	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	01/08/1992	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1316	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1317	Nguyễn Kiều Xuân	Nữ	09/04/1998	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1318	Phạm Thị Liễu	Nữ	22/04/1993	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1319	Lê Thị Bích Loan	Nữ	29/09/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1320	Phương Thị Tiền	Nữ	02/03/1984	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1321	Lê Thị Mộng Tiền	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1322	Văn Viết Nghĩa	Nam	19/01/2002	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1323	Lư Quí Loan	Nữ	18/08/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng TS: Mổ thai ngoài tử cung	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1324	Nguyễn Thị Đà	Nữ	13/04/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1325	Trần Văn Thiệt	Nam	15/11/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1326	Nguyễn Thị Kim Kiên	Nữ	01/01/1989	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1327	Nguyễn Thị Khéo	Nữ	1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Sâu mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1328	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ	16/02/1987	Tổ tạo hình	MPT cận thị Viêm xoang mạn	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1329	Nguyễn Ngọc Út	Nữ	01/01/1975	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1330	Đặng Thị Them	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1331	Nguyễn Thị Diễu	Nữ	06/03/1980	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1332	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Viêm xoang mạn Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1333	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	10/03/1989	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	IV (CC)		Bố trí công việc phù hợp
1334	Huỳnh Thị Thùy Dương	Nữ	11/12/2000	Tổ tạo hình	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1335	Bùi Thị Hiền	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	MPT lão thị TS: Mổ u xơ tử cung	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1336	Lê Thị Kim Loan	Nữ	21/03/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1337	Võ Thị Thùy Dương	Nữ	11/12/2006	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1338	Trần Thị Cẩm	Nữ	01/01/1980	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1339	Võ Thị Thanh Thảo	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1340	Võ Thị Mai Trang	Nữ	07/05/1988	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1341	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1342	Kiều Bích Thủy	Nữ	26/04/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1343	Châu Thị Kim Loan	Nữ	16/10/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1344	Trần Thị Kim Thư	Nữ	08/11/1997	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1345	Trần Thị Huệ	Nữ	02/06/1988	Tổ tạo hình	Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1346	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1347	Võ Thị Mỹ Dung	Nữ	10/11/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1348	Thị Hiệp	Nữ	01/01/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1349	Dương Thị Kim Chướng	Nữ	06/05/1981	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1350	Đoàn Thị Đinh Đan	Nữ	20/05/2003	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1351	Lê Thị Kim Ngó	Nữ	13/07/2006	Tổ tạo hình	Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1352	Võ Thị Khánh Linh	Nữ	02/02/1982	Tổ tạo hình	MPT loạn thị Viêm xoang mạn	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1353	Nguyễn Thị Hoàng Liên	Nữ	14/12/1990	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1354	Phan Thị Ba	Nữ	08/05/1985	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1355	Lê Ngọc Tường An	Nữ	26/02/2003	Tổ tạo hình	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1356	Nguyễn Tuấn An	Nam	02/01/1995	Tổ tạo hình	TS: Mổ viêm ruột thừa			II		Đủ sức khỏe
1357	Võ Thị Viên	Nữ	03/10/1982	Tổ tạo hình	Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1358	Phan Thị Trinh	Nữ	01/01/1976	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ bướu giáp	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1359	Đồng Ngọc Ý	Nữ	16/03/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1360	Cao Thị Thủy	Nữ	01/01/1986	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1361	Trà Xuân Vẽ	Nữ	15/04/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
1362	Nguyễn Thị Chúc	Nữ	01/01/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1363	Bùi Thị Hồng Gấm	Nữ	06/02/1985	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1364	Huỳnh Thị Kim Liên	Nữ	15/01/2001	Tổ tạo hình	Thể lực gầy	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1365	Phạm Thanh Thủy	Nữ	01/01/1981	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1366	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	29/08/2000	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1367	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	10/06/1997	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1368	Lê Thị Diễm Kiều	Nữ	01/01/1990	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1369	Nguyễn Thị Các Tường	Nữ	18/01/2000	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1370	Trịnh Thị Mỹ Dung	Nữ	16/08/2000	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1371	Phạm Thị Hoa Phượng	Nữ	01/06/1997	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1372	Nguyễn Thị Trang	Nữ	19/10/1982	Tổ tạo hình	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1373	Trần Thị Thu	Nữ	12/07/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1374	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	11/10/1997	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1375	Võ Thị Nguyên	Nữ	10/11/1986	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	III (CC)		Đủ sức khỏe
1376	Cao Thị Kim Huệ	Nữ	22/05/1975	Tổ tạo hình	MPT lão thị Phục hình răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1377	Lê Trần Khánh Hòa	Nam	20/10/2001	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1378	Ô Thị Yến Nhi	Nữ	23/08/1991	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1379	Nguyễn Thị Mai Trinh	Nữ	09/05/1994	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1380	Nguyễn Thị Quá	Nữ	20/06/1997	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1381	Đào Thị Tố Quyên	Nữ	01/10/1978	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1382	Nguyễn Thị Anh Kim	Nữ	09/09/1995	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1383	Võ Văn Ghi	Nam	15/09/2006	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1384	Lê Thị Anh Thư	Nữ	08/09/2007	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1385	Phùng Văn Phu	Nam	15/12/1997	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1386	Trương Thị Thúy Hằng	Nữ	01/01/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1387	Nguyễn Thị Mỹ Loan	Nữ	01/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Viêm họng hạt Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1388	Lê Thị Tuyết Minh	Nữ	15/02/1996	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Sỏi thận (P) đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (TTN)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1389	Huỳnh Bích Ngọc	Nữ	30/11/2003	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu nhiều răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1390	Võ Thị Kim Yên	Nữ	08/05/2007	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1391	Nguyễn Thị Tú Trinh	Nữ	15/10/2004	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu mất răng Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1392	Ngô Thị Mỹ Ngà	Nữ	23/07/2002	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1393	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	08/08/2006	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Sâu mất răng Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1394	Trần Thị Lùng	Nữ	30/06/1990	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1395	Lê Thị Bích Ước	Nữ	07/09/1987	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1396	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ	21/03/1994	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1397	Phạm Gia Hân	Nữ	23/01/2005	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1398	Trần Thị Ánh Tuyết	Nữ	02/10/1978	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1399	Lưu Thị Xuân Nghi	Nữ	01/01/1977	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1400	Lý Thị Bích Thủy	Nữ	01/01/1974	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1401	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Nữ	18/04/1997	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1402	Võ Thị Ngọc Lan	Nữ	03/12/1987	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1403	Lê Thị Ngọc Thi	Nữ	11/04/1985	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1404	Nguyễn Thị Thái Thảo	Nữ	14/08/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1405	Trần Thị Thúy Liễu	Nữ	19/11/2001	Tổ tạo hình	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1406	Nguyễn Ngọc Cầm	Nữ	02/01/1999	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1407	Võ Thị Huỳnh Mai	Nữ	16/07/1978	Tổ tạo hình	Viêm mũi dị ứng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
1408	Lại Thị Yến Nhi	Nữ	13/05/1990	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1409	Trương Thị Lắm	Nữ	10/04/1997	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1410	Đoàn Thị Kim Yến	Nữ	15/01/1983	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1411	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	16/06/1990	Tổ tạo hình	Đổ mồ hôi tay chân nhẹ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1412	Nguyễn Thị Ngọt	Nữ	01/01/1979	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1413	Trần Thị Thu Vân	Nữ	03/12/1987	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1414	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	10/01/1997	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1415	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	1988	Tổ tạo hình	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1416	Châu Thị Bé Bảy	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1417	Trần Thị Thúy Hằng	Nữ	02/05/1984	Tổ tạo hình	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1418	Dương Huỳnh Giao	Nữ	19/02/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1419	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	02/01/1985	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Viêm xoang mạn Mất răng TS: Lạc nội mạc buồng trứng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt, TMH và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1420	Dương Thị Bích Loan	Nữ	04/01/1977	Tổ tạo hình	MPT cận thị Viêm họng hạt	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1421	Tạ Thị Kim Duyên	Nữ	09/04/1985	Tổ tạo hình	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1422	Lâm Thị Yến Nhi	Nữ	29/09/1994	Tổ tạo hình	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1423	Phạm Thị Thúy Hằng	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1424	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	20/12/1992	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1425	Trần Thị Muội	Nữ	01/01/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1426	Hồ Thị Hiền Em	Nữ	23/03/1985	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1427	Trương Thị Thêm	Nữ	26/08/1980	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1428	Huỳnh Thị Trúc Hương	Nữ	08/01/1979	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1429	Huỳnh Thị Hồng Như	Nữ	27/04/2000	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1430	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	13/03/1985	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1431	Huỳnh Văn Đề	Nam	05/10/1985	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1432	Dương Trung Thành	Nam	12/05/1993	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1433	Đoàn Võ Phước Qui	Nam	20/05/2004	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1434	Phạm Trí Khanh	Nam	05/09/1987	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1435	Nguyễn Trí Dương	Nam	04/08/2002	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1436	Trần Minh Phụng	Nam	01/01/1987	Tổ tạo hình	Mất răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1437	Nguyễn Hữu Tình	Nam	01/01/1980	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1438	Lê Bình Đẳng	Nam	01/01/1983	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất răng			IV (CN)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1439	Trương Ngọc Ân	Nam	12/11/1980	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1440	Nguyễn Thành Nhân	Nam	1978	Tổ tạo hình	Mất đốt xa ngón III bàn tay (P) MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1441	Huỳnh Thanh Toàn	Nam	10/11/1986	Tổ tạo hình	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1442	Lương Phước Lợi	Nam	31/12/1987	Tổ tạo hình	MPT cận thị Sâu răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1443	Võ Văn Hân	Nam	16/02/1989	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1444	Huỳnh Thị Oanh	Nữ	09/06/1982	Tổ tạo hình	Béo phệ MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1445	Lê Thị Nhung	Nữ	01/01/1972	Tổ tạo hình	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1446	Phạm Phát Huy	Nam	21/01/2003	Tổ tạo hình	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1447	Huỳnh Văn Nhã	Nam	06/06/1998	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Viêm họng hạt Sâu răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1448	Nguyễn Tấn Khánh	Nam	15/12/1984	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1449	Nguyễn Văn Lắm	Nam	20/03/2001	Tổ tạo hình	Thể lực gầy Mất nhiều răng			IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1450	Lê Tấn Dương	Nam	12/09/1991	Tổ tạo hình	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1451	Nguyễn Thắng Lợi	Nam	01/10/2004	Tổ tạo hình	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1452	Lê Ngọc Lân	Nam	22/05/2004	Tổ tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1453	Lê Văn Ngân	Nam	07/12/2004	Tổ tạo hình	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1454	Trần Văn Lắm	Nam	21/07/1991	Tổ xếp khuôn	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1455	Phạm Văn Nghiêm	Nam	04/11/1981	Tổ xếp khuôn	MT mộng thịt Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1456	Phạm Thị Điểm	Nữ	07/09/1985	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Viêm mũi dị ứng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và TMH	Đủ sức khỏe
1457	Trần Thị Phượng	Nữ	18/01/1975	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1458	Đặng Thành Được	Nam	01/01/1977	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị Viêm mũi dị ứng Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1459	Nguyễn Văn Trí	Nam	14/02/1985	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị Sâu mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1460	Phan Thị Tới	Nữ	17/10/1971	Tổ xếp khuôn	MPT viễn thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1461	Bùi Văn Tuấn	Nam	01/01/1983	Tổ xếp khuôn	MPT lão thị Viêm họng hạt Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1462	Đặng Hoài Tâm	Nam	01/01/1987	Tổ xếp khuôn	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1463	Nguyễn Văn Dũ	Nam	20/03/1982	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Mất răng TS: Mổ viêm ruột thừa			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1464	Đặng Thị Mỹ Huê	Nữ	19/06/1979	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1465	Phạm Đức Thắng	Nam	09/11/1988	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1466	Trần Quang Phương	Nam	08/03/1980	Tổ xếp khuôn	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1467	Lê Văn Tuấn	Nam	16/03/1991	Tổ xếp khuôn	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1468	Cao Trung Tình	Nam	28/09/1996	Tổ xếp khuôn	MPT cận thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1469	Nguyễn Thị Trúc Mai	Nữ	24/06/1991	Tổ xếp khuôn	MPT cận thị Mất răng Đang mang thai # 14 tuần	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1470	Võ Quốc Được	Nam	11/06/1998	Tổ xếp khuôn	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1471	Phan Văn Quy	Nam	02/09/2000	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1472	Dương Thanh Tâm	Nam	19/09/1999	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			IV (CC)		Bố trí công việc phù hợp
1473	Trần Anh Kiệt	Nam	18/12/2002	Tổ xếp khuôn	Thể lực gầy MP sẹo giác mạc			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1474	Trần Thị Trúc Ly	Nữ	27/08/2003	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1475	Châu Thị Kim Hằng	Nữ	12/10/1997	Tổ xếp khuôn	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1476	Lê Văn Tài	Nam	12/04/1992	Tổ xếp khuôn	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1477	Trần Thị Thi	Nữ	01/01/1982	Tổ xếp khuôn	Mất răng Viêm mũi dị ứng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1478	Võ Ngọc Thạch	Nam	25/05/1984	Tổ xếp khuôn	MP đục thủy tinh thể Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1479	Đặng Văn Tới	Nam	12/05/1989	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1480	Nguyễn Văn Vui	Nam	24/11/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1481	Nguyễn Hữu Tài	Nam	10/05/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1482	Đặng Văn Hồ	Nam	07/07/1985	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1483	Nguyễn Thị Chật	Nữ	25/04/1995	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	V (TL)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1484	Võ Tấn Hiền	Nam	05/09/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1485	Nguyễn Thị Út	Nữ	10/02/1996	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1486	Nguyễn Thị Kim Viếng	Nữ	25/05/1970	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (TH, NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
1487	Trần Văn Ngoãn	Nam	01/01/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1488	Lê Thị Kim Thoa	Nữ	20/10/1978	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1489	Đặng Văn Qui Em	Nam	08/11/1981	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1490	Dương Hữu Tâm	Nam	10/02/1984	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1491	Văng Thị Hồng Bông	Nữ	09/10/1997	Tổ thành phẩm	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1492	Trần Lê Uyên Phương	Nữ	01/01/1980	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1493	Huỳnh Lệ Xuân	Nữ	29/05/1972	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Bố trí công việc phù hợp
1494	Võ Thị Nga	Nữ	06/03/1978	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1495	Trần Văn Thái	Nam	13/07/1987	Tổ thành phẩm	Sâu răng			V (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1496	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	29/03/1991	Tổ thành phẩm	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1497	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	Nữ	02/01/1999	Tổ thành phẩm	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1498	Nguyễn Văn Chung	Nam	15/06/1998	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1499	Nguyễn Thị Kim Lê	Nữ	01/01/1976	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1500	Lê Thành Sự	Nam	13/04/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1501	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	12/11/2003	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1502	Nguyễn Thị Giữa	Nữ	27/07/1987	Tổ thành phẩm	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1503	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	27/10/1991	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng Đang mang thai # 12 tuần TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1504	Dương Tuấn Cường	Nam	10/06/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1505	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Nữ	28/08/2004	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1506	Võ Minh Đức	Nam	16/08/1995	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1507	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	04/02/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1508	Nguyễn Thị Tý Hon	Nữ	06/03/1993	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1509	Nguyễn Thị Kim Nghi	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1510	Võ Thị Bích Phượng	Nữ	01/01/1980	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1511	Nguyễn Thị Thùy Em	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1512	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	19/04/1990	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1513	Nguyễn Hữu Tài	Nam	09/02/1993	Tổ thành phẩm	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1514	Nguyễn Minh Sang	Nam	25/12/1985	Tổ thành phẩm	Viêm mũi dị ứng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			II	Khám chuyên khoa TMH Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1515	Lê Hoàng Bửu	Nam	18/08/1996	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1516	Lê Văn Minh	Nam	06/06/1991	Tổ thành phẩm	MT mông thịt Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1517	Phạm Ngọc Khang	Nam	22/05/2001	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
1518	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	26/12/1984	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1519	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	13/12/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1520	Ngô Hồng Sơn	Nam	15/05/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1521	Lê Minh Kha	Nam	23/07/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Viêm da dị ứng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Da liễu	Đủ sức khỏe
1522	Huỳnh Thị Huệ Hương	Nữ	06/02/2001	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1523	Nguyễn Hữu Sanh	Nam	24/10/1976	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1524	Đoàn Minh Khanh	Nam	19/12/1990	Tổ thành phẩm	Viêm mũi dị ứng Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1525	Nguyễn Thị Thúy Kiều	Nữ	01/01/1980	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1526	Đoàn Minh Quang	Nam	14/08/1999	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1527	Quách Thị Thúy Hằng	Nữ	12/09/1982	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1528	Đặng Văn Hiếu	Nam	18/11/2002	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Đổ mồ hôi tay chân nhẹ Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1529	Đào Thị Kim Ngân	Nữ	04/03/1986	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1530	Trương Thị Mến	Nữ	08/03/1985	Tổ thành phẩm	MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1531	Lê Thành Nhân	Nam	15/12/2002	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1532	Cao Thị Kim Cúc	Nữ	20/03/1988	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1533	Nguyễn Huỳnh Tạo	Nam	29/02/1992	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng TS: Gãy xương cẳng chân (T)			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1534	Lê Thị Bích Tuyền	Nữ	01/01/1987	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1535	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	01/01/1982	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1536	Nguyễn Thanh Toàn	Nam	31/10/1999	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1537	Nguyễn Thị Song Chinh	Nữ	01/01/1980	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1538	Huỳnh Hữu Thạnh	Nam	21/09/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1539	Dương Thị Lan	Nữ	12/12/1979	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1540	Nguyễn An Nhiên	Nam	24/04/2004	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Sâu nhiều răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1541	Thu Huỳnh Mai	Nữ	02/08/1977	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1542	Nguyễn Thành Nhân	Nam	08/04/1996	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1543	Phan Châu Mâu	Nữ	10/03/1986	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT cận thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1544	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	19/09/1988	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1545	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	01/01/1977	Tổ thành phẩm	MT mộng thịt TS: Tăng huyết áp đang điều trị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1546	Đặng Vũ Kha	Nam	04/08/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1547	Nguyễn Thị Ngọc Vàng	Nữ	30/10/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1548	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	17/07/1989	Tổ thành phẩm	Mất răng - Phục hình răng TS: Bướu tuyến giáp điều trị ổn TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1549	Võ Duy Khánh	Nam	13/12/1996	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1550	Trần Minh Đon	Nam	28/07/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1551	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	27/11/1984	Tổ thành phẩm	Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1552	Nguyễn Phát Triển	Nam	16/09/2005	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1553	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	19/03/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1554	Nguyễn Văn Tư	Nam	03/03/1978	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng			IV (NT, RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1555	Dương Thị Vàng	Nữ	12/08/1989	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1556	Trương Thị Tiếm	Nữ	16/03/1993	Tổ thành phẩm	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1557	Nguyễn Thị Bảo Trân	Nữ	16/03/2002	Tổ thành phẩm	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1558	Trương Văn Nam	Nam	19/08/1993	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1559	Nguyễn Hữu Thành	Nam	14/03/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1560	Nguyễn Kim Lan	Nữ	29/03/2005	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1561	Nguyễn Thị Kim	Nữ	02/07/2000	Tổ thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1562	Bùi Thị Ngọc Điệp	Nữ	19/12/1983	Tổ thành phẩm	Sâu mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1563	Trương Minh Thái	Nam	01/01/2006	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1564	Nguyễn Thị Hồng Thu	Nữ	19/10/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1565	Hồ Thị Hiền	Nữ	09/10/1981	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng TS: Viêm dạ dày	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1566	Đinh Thị Diễm My	Nữ	25/06/2000	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1567	Lưu Văn Tư	Nam	24/04/1984	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1568	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	28/08/2000	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1569	Mai Văn Mạnh	Nam	01/01/1986	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1570	Nguyễn Thị Gái	Nữ	21/08/1986	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất nhiều răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1571	Lê Thị Cẩm Huyền	Nữ	01/07/2005	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1572	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	12/04/1998	Tổ thành phẩm	Viêm mũi dị ứng Sâu mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1573	Thái Thị Bích Ngọc	Nữ	10/08/1988	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1574	Đào Tuấn Vũ	Nam	06/02/2005	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Sâu răng			II	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1575	Lê Hồng Thắm	Nữ	12/05/2004	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1576	Nguyễn Văn Hữu	Nam	29/05/1993	Tổ thành phẩm	MPT cận loạn thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1577	Cao Trọng Phúc	Nam	01/01/1984	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1578	Võ Thị Bích	Nữ	21/02/1985	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Khám chuyên khoa RHM	Bố trí công việc phù hợp
1579	Trương Thị Thanh Tuyền	Nữ	30/01/1994	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1580	Đinh Thị Bích Trâm	Nữ	24/06/2006	Tổ thành phẩm	MPT cận loạn thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1581	Đặng Hoàng Phúc	Nam	07/05/2006	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1582	Nguyễn Thị Đào Uyên	Nữ	06/04/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Đang mang thai # 34 tuần	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1583	Đoàn Thị Mỹ Khánh	Nữ	03/04/2007	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MPT loạn thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (TL)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1584	Trương Văn Chiến	Nam	03/03/2005	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1585	Phan Châu Đăng	Nữ	02/02/1985	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1586	Lê Văn Trón	Nam	10/09/1997	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng Viêm da dị ứng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM và Da liễu	Đủ sức khỏe
1587	Lê Văn Là	Nam	17/02/2000	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			II (CC)		Đủ sức khỏe
1588	Võ Thành Toàn	Nam	01/01/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1589	Hồ Huỳnh Hương	Nữ	16/06/2004	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1590	Nguyễn Thị Đào	Nữ	01/01/1979	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1591	Phạm Minh Dũng	Nam	21/11/2004	Tổ thành phẩm	MPT cận thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1592	Nguyễn Kiều Diễm Thúy	Nữ	01/01/1983	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1593	Nguyễn Hữu Quang Bình	Nam	23/08/1992	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1594	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	20/11/1970	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1595	Trần Thị Kiều	Nữ	01/01/1983	Tổ thành phẩm	Béo phệ Đổ mồ hôi tay chân nhẹ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1596	Lê Thị Diễm My	Nữ	16/05/1995	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1597	Mai Cẩm Lụa	Nữ	12/05/1980	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1598	Nguyễn Thị Yến Chi	Nữ	01/01/1980	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1599	Trần Minh Trí	Nam	06/06/2003	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1600	Đinh Thị Ngọc Huyền	Nữ	28/02/2000	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1601	Dương Thị Kim Ngân	Nữ	26/03/2005	Tổ thành phẩm	Đổ mồ hôi tay chân nhẹ Viêm mũi dị ứng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
1602	Nguyễn Thị Mai Trinh	Nữ	01/01/1973	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1603	Lê Thị Trọng	Nữ	01/01/1984	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1604	Nguyễn Văn Thiết	Nam	10/07/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1605	Nguyễn Thị Kim Lợi	Nữ	10/12/1988	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1606	Nguyễn Trung Tiến	Nam	03/11/1997	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1607	Huỳnh Thị Hạnh	Nữ	01/01/1987	Tổ thành phẩm	Béo phệ TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1608	Phan Thị Xuân Yến	Nữ	28/06/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1609	Phạm Thị Hồng Gấm	Nữ	29/08/1982	Tổ thành phẩm	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1610	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	10/04/1996	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1611	Nguyễn Bích Thủy	Nữ	10/07/1974	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng - Phục hình răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC, NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1612	Phạm Thị Ngọc	Nữ	15/02/1989	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1613	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	09/06/2005	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1614	Văng Thành Ý	Nam	09/05/1994	Tổ thành phẩm	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1615	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	04/06/2002	Tổ thành phẩm	Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1616	Đỗ Thành Tu	Nam	01/01/1982	Tổ thành phẩm	MPT lão thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1617	Trần Văn Giàu	Nam	25/02/1997	Tổ thành phẩm	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1618	Nguyễn Thị Thu Vân	Nữ	01/01/1978	Tổ thành phẩm	MPT viễn thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1619	Bùi Minh Lý	Nữ	1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1620	Tôn Thị Ngọc Diễm	Nữ	06/11/1993	Tổ thành phẩm	Viêm họng hạt Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1621	Mai Vĩ Khang	Nam	20/07/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1622	Phan Văn Vàng	Nam	01/01/1993	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1623	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	03/01/2006	Tổ thành phẩm	Béo phệ	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1624	Cao Thị Tuyết Anh	Nữ	06/06/2004	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1625	Nguyễn Văn Tới	Nam	11/09/2002	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Gãy xương cẳng tay (P)			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1626	Nguyễn Việt Kiều	Nữ	01/01/1990	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1627	Nguyễn Thị Ba Lùng	Nữ	12/07/1981	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1628	Võ Thị Đào	Nữ	05/12/1997	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1629	Phạm Thị Ngọc Hiền	Nữ	19/01/1999	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (CC)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1630	Võ Sơn Ca	Nữ	13/02/2004	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1631	Nguyễn Mẫn Đốm	Nam	27/12/1994	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1632	Nguyễn Văn Pháp	Nam	24/05/1999	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy MT cận thị Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1633	Võ Thị Thu Trang	Nữ	15/09/1986	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1634	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	27/01/2001	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1635	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	26/07/1989	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1636	Đặng Thị Mỹ Giàu	Nữ	08/06/2000	Tổ thành phẩm	Béo phệ MT cận thị Sâu răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1637	Phạm Thị Huỳnh Như	Nữ	17/04/2004	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1638	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	08/08/1986	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1639	Trương Thị Kim Chi	Nữ	30/01/2001	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1640	Võ Ngọc Hải	Nam	26/10/2000	Tổ thành phẩm	MPT cận thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1641	Đỗ Minh Vương	Nam	19/11/2000	Tổ thành phẩm	Viêm tai giữa (P)			II	Khám chuyên khoa TMH	Đủ sức khỏe
1642	Nguyễn Thị Trúc Ly	Nữ	16/09/2006	Tổ thành phẩm	Viêm mũi dị ứng Sâu răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1643	Nguyễn Thị Nở	Nữ	04/02/2006	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1644	Nguyễn Văn Trung	Nam	21/10/2003	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1645	Bùi Văn Đặng	Nam	20/09/1987	Tổ thành phẩm	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1646	Bùi Thị Diễm Kiều	Nữ	30/08/1987	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1647	Võ Thị Bích Ngân	Nữ	01/07/2005	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1648	Ngô Phước Hòa	Nam	26/09/1999	Tổ thành phẩm	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1649	Nguyễn Minh Khánh	Nam	14/06/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1650	Võ Văn Thông	Nam	25/07/2003	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1651	Dương Quốc Kiệt	Nam	07/07/2004	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1652	Dương Quốc Hảo	Nam	07/07/2004	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Sâu mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1653	Lương Thị Hợp	Nữ	22/09/1998	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1654	Lê Thanh Nhựt	Nam	30/08/2000	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1655	Nguyễn Văn Thành	Nam	05/05/2004	Tổ thành phẩm	Béo phệ Sâu răng			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1656	Lương Thị Thu Hai	Nữ	27/01/1981	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1657	Nguyễn Thanh Sang	Nam	24/04/1979	Tổ thành phẩm	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1658	Bùi Hoàng Khang	Nam	24/02/1995	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Viêm xoang mạn Sâu răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1659	Phạm Thị Lung	Nữ	01/01/1994	Tổ thành phẩm	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III		Đủ sức khỏe
1660	Huỳnh Thị Như Thảo	Nữ	07/02/2003	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ bướu tuyến giáp	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1661	Đặng Thị Thu Ngân	Nữ	16/11/2002	Tổ thành phẩm	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1662	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	09/09/2006	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1663	Trần Minh Trí	Nam	21/10/1996	Tổ thành phẩm	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1664	Nguyễn Thị Minh Thúy	Nữ	16/11/2002	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1665	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	05/04/1991	Tổ thành phẩm	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1666	Nguyễn Văn Vĩ	Nam	11/01/2002	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1667	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	03/09/1998	Tổ thành phẩm	Béo phệ Viêm tủy răng Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1668	Nguyễn Thị Thư	Nữ	21/06/2005	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1669	Nguyễn Thị Loan	Nữ	10/09/2005	Tổ thành phẩm	Viêm tủy răng	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1670	Huỳnh Văn Huy	Nam	19/09/2006	Tổ thành phẩm	Chưa phát hiện bệnh lý			III (CC)		Đủ sức khỏe
1671	Trần Thị Kim Hoàng	Nữ	20/03/1977	Tổ thành phẩm	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1672	Hà Thị Lầm	Nữ	01/08/1994	Tổ thành phẩm	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1673	Nguyễn Ngọc Ân	Nam	12/10/1996	Tổ thành phẩm	Thể lực gầy Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1674	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	02/05/1977	Tổ kho lạnh	MPT lão thị Viêm mũi dị ứng			II	Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1675	Lê Thanh Quy	Nam	01/04/1993	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1676	Lê Minh Luật	Nam	09/02/2003	Tổ kho lạnh	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1677	Nguyễn Minh Nhân	Nam	24/09/1990	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1678	Phan Đức Thiên	Nam	04/12/1999	Tổ kho lạnh	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1679	Đinh Văn Hai	Nam	01/06/1996	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1680	Đinh Văn Tin	Nam	10/05/2002	Tổ kho lạnh	Sâu răng			II	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1681	Trần Văn Tài	Nam	06/09/2005	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất nhiều răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1682	Nguyễn Hữu Có	Nam	20/04/2005	Tổ kho lạnh	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1683	Đoàn Trọng Phúc	Nam	08/03/2006	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1684	Võ Duy Khanh	Nam	21/11/2001	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1685	Kha Minh Lý	Nam	20/06/1993	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1686	Nguyễn Ngọc Sự	Nam	15/12/2005	Tổ kho lạnh	Béo phệ			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Bố trí công việc phù hợp
1687	Lâm Văn Chiêu	Nam	13/01/1998	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1688	Đinh Văn Hiền	Nam	20/07/2001	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1689	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	16/01/1998	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1690	Võ Thành Hôn	Nam	15/05/1984	Tổ kho lạnh	Béo phệ			II	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1691	Huỳnh Văn Nhân	Nam	18/06/2000	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1692	Đỗ Công Tâm	Nam	05/10/2003	Tổ kho lạnh	Sâu mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1693	Nguyễn Nhựt Bản	Nam	12/09/1985	Tổ kho lạnh	TD: Tăng huyết áp Béo phệ MP mộng thịt Sâu mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1694	Bùi Văn Bé Tám	Nam	08/10/1990	Tổ kho lạnh	Thể lực gầy MPT cận thị Mất răng			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1695	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	06/10/2001	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1696	Nguyễn Trung Thành	Nam	23/06/1994	Tổ kho lạnh	Béo phệ Sâu mất răng TS: Mổ viêm ruột thừa			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1697	Đinh Thành Trung	Nam	01/01/1979	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1698	Nguyễn Văn Đăng	Nam	15/04/1995	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1699	Nguyễn Đình Giang	Nam	05/09/2001	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1700	Trịnh Thanh Hóa	Nam	07/08/1996	Tổ kho lạnh	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1701	Trần Nhựt Anh	Nam	28/08/2000	Tổ kho lạnh	Béo phệ Sâu răng			IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1702	Đinh Hữu Long	Nam	29/12/1998	Tổ kho lạnh	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1703	Phạm Văn Thưn	Nam	12/03/1995	Tổ kho lạnh	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1704	Huỳnh Hoài Nam	Nam	16/08/1990	Tổ kho lạnh	Thể lực gầy Mất răng			III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1705	Huỳnh Văn An	Nam	01/01/1982	Tổ kho lạnh	Béo phệ Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1706	Đinh Thiện Nhân	Nam	16/08/2005	Tổ kho lạnh	Thể lực gầy			II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1707	Trần Thị Kim Thoa	Nữ	01/01/1982	Tổ dịch vụ	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1708	Trần Thị Giàu	Nữ	18/01/1980	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1709	Lê Thị Cúc	Nữ	01/01/1971	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1710	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	07/12/1988	Tổ dịch vụ	Béo phệ Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1711	Cao Hùng Dũng	Nam	01/01/1965	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT viễn thị Mất răng TS: Tăng huyết áp đang điều trị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM Theo dõi huyết áp thường xuyên Nên ăn lạt	Đủ sức khỏe
1712	Nguyễn Thị Út Em	Nữ	01/01/1975	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1713	Bùi Kim Loan	Nữ	01/01/1973	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1714	Huỳnh Văn Trọng	Nam	1971	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Đủ sức khỏe
1715	Lê Thu Trang	Nữ	08/07/1992	Tổ dịch vụ	MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1716	Cao Thị Thùy Trang	Nữ	19/07/1987	Tổ dịch vụ	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1717	Nguyễn Nhựt Trường	Nam	18/11/1978	Tổ dịch vụ	MPT cận thị Mất nhiều răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1718	Nguyễn Thị Bích Ngân	Nữ	05/09/1996	Tổ dịch vụ	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1719	Lê Văn Trùng	Nam	01/01/1972	Tổ dịch vụ	MPT lão thị			III	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1720	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	29/11/1971	Tổ dịch vụ	MPT viễn thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1721	Nguyễn Thanh Hoàng	Nam	15/03/1972	Tổ dịch vụ	MPT viễn thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1722	Nguyễn Thị Châu	Nữ	01/01/1981	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1723	Võ Quốc Hùng	Nam	01/01/1971	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng			IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1724	Trần Thị Bích Phả	Nữ	02/11/1979	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Viêm mũi dị ứng Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1725	Huỳnh Thị Mỹ Hường	Nữ	01/01/1972	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1726	Lê Thanh Phong	Nam	01/01/1970	Tổ dịch vụ	Béo phệ MPT lão thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1727	Lê Kim Thuy	Nữ	01/01/1975	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (CC, RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1728	Võ Thị Kim Nương	Nữ	01/01/1971	Tổ dịch vụ	MPT lão thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1729	Nguyễn Thị Quí	Nữ	05/11/1988	Tổ dịch vụ	Thể lực gầy Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1730	Nguyễn Thị Yến Ngọc	Nữ	23/12/2001	CNKTCL	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1731	Nguyễn Thanh Cao	Nam	05/01/1995	CNKTCL	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1732	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	31/12/2001	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	II (CC)		Đủ sức khỏe
1733	Trần Thị Quyền	Nữ	16/05/1997	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1734	Nguyễn Kim Thiều	Nữ	02/02/1988	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1735	Lê Thị Chúc Phương	Nữ	19/10/2002	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1736	Trương Hoàng Phong	Nam	07/09/1994	CNKTCL	MPT cận loạn thị			II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1737	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	24/10/1990	CNKTCL	Béo phệ Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1738	Nguyễn Văn Tánh	Nữ	12/07/2002	CNKTCL	Mất nhiều răng	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1739	Lê Thị Bích Thuận	Nữ	01/01/1990	CNKTCL	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1740	Thái Thị Ngọc Yến	Nữ	20/10/1995	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1741	Đặng Thị Ngọc Giàu	Nữ	08/04/1997	CNKTCL	MPT cận thị Mất răng Viêm mũi dị ứng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1742	Trần Thị Kim Anh	Nữ	27/10/2001	CNKTCL	Thể lực gầy Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1743	Trần Thị Kim Loan	Nữ	06/08/1995	CNKTCL	Béo phệ MPT cận thị Viêm họng hạt	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và TMH	Bố trí công việc phù hợp
1744	Trần Thị Tuyết Nhung	Nữ	06/11/1991	CNKTCL	Béo phệ Sâu mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1745	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	12/09/2001	CNKTCL	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1746	Mai Thị Kim Thanh	Nữ	24/10/1984	CNKTCL	Mất răng TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1747	Bùi Diệp Mỹ Huyền	Nữ	10/12/1993	CNKTCL	Béo phệ MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1748	Trần Thị Hồng Thư	Nữ	01/01/2000	CNKTCL	MPT cận thị Mất răng Đang mang thai # 33 tuần TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (RHM)	Khám chuyên khoa Mắt và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe
1749	Nguyễn Thị Diễm Phương	Nữ	28/02/1995	CNKTCL	Béo phệ MPT cận thị Mất răng TS: Gãy xương đòn (P)	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Bố trí công việc phù hợp
1750	Văng Công Phúc	Nam	22/06/2002	CNKTCL	Chưa phát hiện bệnh lý			I		Đủ sức khỏe
1751	Trần Quang Học	Nam	29/12/1977	CNQLCL	MPT lão thị Mất răng			III	Khám chuyên khoa Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1752	Lê Thị Ngoan	Nữ	10/05/1992	Tổ phó	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1753	Nguyễn Thị Loan	Nữ	12/01/1990	TK Fille	TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	II		Đủ sức khỏe
1754	Phạm Thị Mỹ Linh	Nữ	24/06/1988	TK tạo hình	Chưa phát hiện bệnh lý	Bình thường	Bình thường	I		Đủ sức khỏe
1755	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	28/12/1991	TK xếp khuôn	Thể lực gầy MPT cận loạn thị Viêm mũi dị ứng	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Mắt và TMH	Đủ sức khỏe
1756	Nguyễn Kim My	Nữ	22/01/1994	TK xếp khuôn	Béo phệ MPT cận thị Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe
1757	Võ Ngọc Trang	Nữ	20/07/1995	TK thành phẩm 1	Thể lực gầy	Bình thường	Bình thường	II	Bổ sung dinh dưỡng hợp lý	Đủ sức khỏe
1758	Hồ Tăng Cường	Nam	22/07/1990	TK thành phẩm 1	Béo phệ			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết	Đủ sức khỏe
1759	Nguyễn Thị Phương Đinh	Nữ	30/08/1984	TK thành phẩm 2	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1760	Hồ Á Tiên	Nữ	18/08/1998	TK thành phẩm 2	Béo phệ Mất răng Đang mang thai # 23 tuần TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM Theo dõi và khám thai định kỳ	Bố trí công việc phù hợp
1761	Phạm Yến Nhi	Nữ	01/08/2000	TK thành phẩm 2	MPT cận thị	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt	Đủ sức khỏe
1762	Nguyễn Ly La	Nam	20/08/1985	TK kho lạnh 1	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1763	Đỗ Thị Tâm Linh	Nữ	11/09/1993	TK kho lạnh 1	Mất răng	Bình thường	Bình thường	III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1764	Phạm Minh Nhân	Nam	19/10/1995	TK kho lạnh 1	Mất răng			III	Khám chuyên khoa RHM	Đủ sức khỏe
1765	Lê Thị Ngọc Lam	Nữ	09/03/1990	TK kho lạnh 2	Béo phệ MPT cận thị TS: Mổ lấy thai	Bình thường	Bình thường	IV (NT)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và Mắt	Bố trí công việc phù hợp
1766	Võ Thành Trung	Nam	26/11/1981	TK kho lạnh 2	Béo phệ Mất nhiều răng			IV (RHM)	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết và RHM	Đủ sức khỏe
1767	Trần Thị Xuân Mai	Nữ	22/11/1993	TK kho lạnh 2	MPT cận thị Đang mang thai # 33 tuần	Bình thường	Bình thường	II	Khám chuyên khoa Mắt Theo dõi và khám thai định kỳ	Đủ sức khỏe

STT	Họ và tên	Giới Tính	Ngày sinh	Bộ phận	Khám tổng quát	Khám lâm sàng vú	Tư vấn/ Khám phụ khoa	Phân Loại Sức Khoẻ (1613/BYT-QĐ)	Đề nghị của bác sĩ	Kết luận
1768	Nguyễn Chí Hiện	Nam	18/10/1995	TK kho lạnh 2	Béo phệ MPT cận thị Viêm mũi dị ứng Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt, TMH và RHM	Đủ sức khỏe
1769	Dương Thành Đạt	Nam	24/09/1998	TK kho lạnh 2	Béo phệ MPT cận thị Mất răng			III	Cân đối dinh dưỡng hợp lý + Giảm cân Khám chuyên khoa Nội tiết, Mắt và RHM	Đủ sức khỏe

2. Tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe:
Số người lao động được khám/tổng số người lao động: 1769/1769

Số người được KSK Định kỳ	Tổng số	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V
Nam	713	87	177	338	109	2
Tỷ lệ %	40.31%	4.92%	10.01%	19.11%	6.16%	0.11%
Nữ	1056	64	220	537	228	7
Tỷ lệ %	59.69%	3.62%	12.43%	30.35%	12.89%	0.40%
Tổng	1769	151	397	875	337	9
Tỷ lệ %	100.00%	8.54%	22.44%	49.46%	19.05%	0.51%

II. KẾT QUẢ KHÁM PHÁT HIỆN BỆNH NGHỀ NGHIỆP

TT	Tên bệnh nhân	Năm sinh	Nghề khi bị BNN	Năm vào làm	Ngày phát hiện bệnh	Tên bệnh nghề nghiệp	Công việc hiện nay
Chưa ghi nhận bệnh nghề nghiệp							

2. Tổng hợp kết quả khám bệnh nghề nghiệp (Kết quả đính kèm: phụ lục 1)

TT	Tên bệnh nghề nghiệp	Người lao động được khám sức khoẻ phát hiện bệnh nghề nghiệp		Người lao động được chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp	
		Tổng số	Nữ	Tổng số	Tổng số
1	Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn	49	0	0	0
2	Bệnh da nghề nghiệp do tiếp xúc môi trường ẩm ướt và lạnh kéo dài	1720	1056	0	0

III. KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KHÁM:

- Điều trị cho người lao động mắc bệnh mạn tính.
- Tổ chức điều dưỡng cho người lao động có sức khỏe loại IV, V.
- Khám và điều trị theo chuyên khoa Da liễu đối với các trường hợp đã đề nghị để phục hồi sức khỏe, giảm tác hại nghề nghiệp.
- Khám và điều trị theo chuyên khoa Tim mạch, Nội tiết, Mắt, Răng hàm mặt, Tai mũi họng, Da liễu,... đối với những trường hợp đã đề nghị.
- Các trường hợp rối loạn kiểm toan da: Hạn chế tiếp xúc trực tiếp cồn, hóa chất, chất tẩy rửa mạnh.
- Bố trí sắp xếp việc làm cho người lao động phù hợp với sức khỏe.
- Công ty tiếp tục duy trì bố trí thời gian làm việc phù hợp, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT

PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 1602108430 CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TPONE PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ THẠNH P.MỸ THỚI - T.ĐỒNG THÁP

BSCKI. Nguyễn Văn Dũng